

PHẦN VĂN GIỮNG



MODERN VIETNAMESE

Tiếng Việt Hiện Đại

Vietnamese
for overseas Vietnamese
& Foreigners

Stage 3
Students' Book
With 2 CDs

VHSC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

Tiếng Việt Hiện Đại
Modern Vietnamese

3

Phan Văn Giưỡng

MODERN VIETNAMESE
TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI

*Vietnamese for overseas Vietnamese
and Foreigners*

Stage 3
Students' Book

MODERN VIETNAMESE 3

TIẾNG VIỆT HIỆN ĐẠI 3

First published 1995

Revision 2000, 2002, 2004, 2007, 2009

© Copyright@ Phan Van Giuong

Illustrated by Trần Anh Kiệt

Modern Vietnamese 3

Tiếng Việt Hiện Đại 3

ISBN 1 86 272 470 9

ACKNOWLEDGEMENTS

I wish to acknowledge the dedication and commitment of the Department of Employment, Education and Training who administered and funded this project as one of the Innovative Languages Other than English (ILOTES) program. Particularly, I would like to thank Ms Anna Kamarul, Assistant Secretary, Language and Literacy Branch for her strong support in developing Vietnamese teaching and learning materials.

Very special thanks are due to Professor Stephanie Fahey, foundation Director of the Centre for Asia Pacific Studies and now Deputy Vice-Chancellor Monash University for her great effort and dedication to Vietnamese curriculum and teaching material development since the Centre for Asia Pacific Studies was established in 1989. It is now a key national provider of Vietnamese language and studies.

I am grateful to the members of the Advisory Committee for this project: Professor Stephanie Fahey, Ms Evol Byron, Sister Marie Trần Thị Niên, Mr Thong Phoumirath, Brother Võ Liêm, Mr Frank Trinh, Mr Nguyễn Xuân Định and Mr Thái Đắc Nhung who have consistently advised and supported me in writing this book for second language learners in Vietnamese at senior secondary schools.

Thanks are also due to Mr Trần Anh Kiệt, Mr Nguyễn Bình Trị, Mr Đỗ Sỹ Tiến and Ms Phạm Thị Minh Nguyệt who worked so hard to complete the project.

Associate Professor **Phan Văn Giương**
Project Officer

FOREWORD

The book *"Modern Vietnamese 3"* is an outcome of the Innovative Languages Other than English in Schools (ILOTES) project, funded by the Language and Literacy Branch, Department of Employment, Education and Training.

This book, accompanied by a workbook and audio-cassettes, is a series of Vietnamese teaching materials for second language learners at the senior secondary school level. The materials are activities-based. A communicative approach is adopted in which the activity is the central focus of teaching and learning.

There are nine modules for one year of study. Each module consists of a variety of receptive and productive activities which aim to improve the four language skills: listening, speaking, reading and writing.

This course assists learners to use Vietnamese in a variety of practical and real-life situations and to understand Vietnamese culture and society.

Students should use Part A of the workbook to assess their performance and Part B for extending exercises and activities on linguistic elements.

All instructions in this book are written in Vietnamese because students are expected to have finished the *"Modern Vietnamese 1 & 2"* or studied Vietnamese at least 300 hours before they start to use this book. It is believed that this process will advance students' competence in Vietnamese.

I trust this series of Vietnamese learning and teaching materials will fulfill the growing need of students, teachers and providers of Vietnamese language study across Australia. I congratulate Associate Professor Phan Van Giuong, the project leader, and his co-workers for their foresight and diligence in producing an internationally unique set of language resource.

Professor Kee Pookong
Director, Centre for Asia Pacific Studies

MỤC LỤC

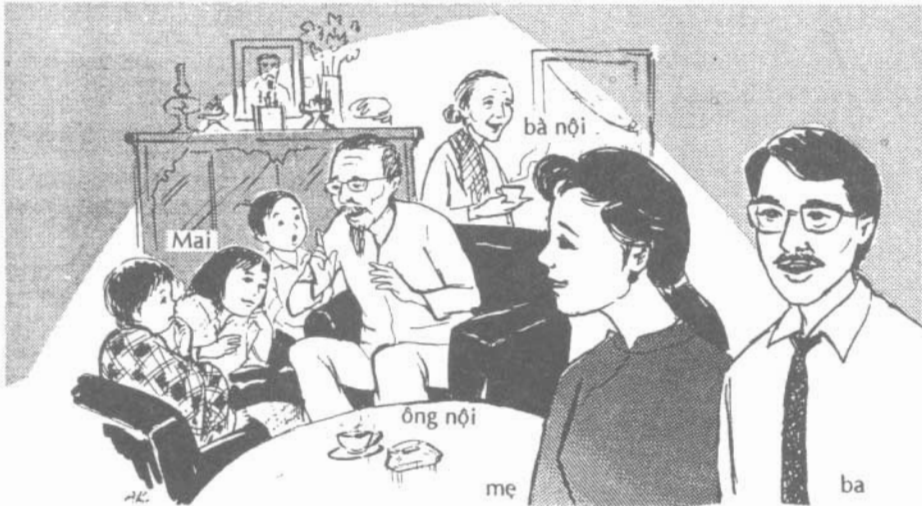
CONTENTS

Acknowledgements	v
Foreword	vi
Contents	vii
Bài học 1 : Gia đình Việt Nam	1
	<i>The Vietnamese Family</i>
Bài học 2 : Lễ cưới Việt Nam	20
	<i>Vietnamese Wedding Ceremony</i>
Bài học 3 : Văn chương truyền khẩu	33
	<i>Vietnamese Folk Literature</i>
Bài học 4 : Các tôn giáo lớn ở Việt Nam	55
	<i>Main Religions in Vietnam</i>
Bài học 5 : Thể dục thể thao	69
	<i>Sports and Recreation</i>
Bài học 6 : Thực phẩm	81
	<i>Food</i>
Bài học 7 : Vấn đề của tuổi trẻ	97
	<i>Youth Problems</i>
Bài học 8 : Tìm việc làm	108
	<i>Looking for a job</i>
Bài học 9 : Bài làm bắt buộc	127
	<i>Work Requirements</i>
References :	134

GIA ĐÌNH VIỆT NAM

The Vietnamese Family

1. Nghe cuộc đàm thoại sau đây giữa Mai và Mary. Mary muốn biết về tổ chức và liên hệ gia đình Việt Nam.



- Mary : *Mai ơi! Tôi nghe nói gia đình Việt Nam có đông người lắm, phải không?*
- Mai : *Có gia đình đông người nhưng cũng có gia đình ít người. Không phải gia đình nào cũng đông cả.*
- Mary : *Thế nghĩa là thế nào?*
- Mai : *Nếu hiểu theo người Úc thì gia đình Việt Nam là một đại gia đình.*
- Mary : *Tôi có nghe nói về từ đại gia đình nhưng chưa hiểu rõ. Mai giải thích thêm cho tôi được không?*
- Mai : *Đại gia đình là một gia đình gồm nhiều thế hệ sống chung với nhau. Đại gia đình gồm có ông bà nội ngoại, cha mẹ con cái và đôi khi gồm cả chú bác, cô dì, cậu mợ.*

- Mary : *À ra thế! Ở Úc, ít có gia đình sống chung với nhau như thế. Thông thường, một gia đình chỉ gồm có cha mẹ và con cái.*
- Mai : *Người Việt gọi đó là tiểu gia đình. Đối với người Việt, gia đình là trung tâm của vũ trụ. Những thành viên trong gia đình có bốn phận nuôi dưỡng, đùm bọc và che chở cho nhau.*
- Mary : *Tôi cũng được biết nhiều người Việt ở đây làm lụng rất vất vả nhằm kiếm tiền giúp đỡ nuôi nấng cha mẹ, anh chị em của họ.*
- Mai : *Người Việt cho việc giúp đỡ thân nhân là một bốn phận thiêng liêng, là một cách bày tỏ lòng hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ.*

2. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

- | | | | | |
|------|----------------------------|---|-------|----------------|
| 2.1 | <i>universe</i> | : | | thế hệ |
| 2.2 | <i>duty</i> | : | | lòng hiếu thảo |
| 2.3 | <i>family</i> | : | | giải thích |
| 2.4 | <i>generation</i> | : | | đại gia đình |
| 2.5 | <i>filial piety</i> | : | | thông thường |
| 2.6 | <i>nuclear family</i> | : | | bốn phận |
| 2.7 | <i>crowded with people</i> | : | | vũ trụ |
| 2.8 | <i>extended family</i> | : | | gia đình |
| 2.9 | <i>to explain</i> | : | | đồng người |
| 2.10 | <i>normally</i> | : | | tiểu gia đình |

3. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau:

A : *Trong nhà bạn có mấy người?*

B :

A : *Hãy kể ra những người trong gia đình bạn.*

B :

A : *Ông bà nội bạn đang ở đâu?*

B :

A : Ở Việt Nam, con cái có phải nuôi cha mẹ khi già yếu không?

B :

A : Tại sao đối với người Việt gia đình là trung tâm của vũ trụ?

B :

4. Nghe nhạc phẩm "Lòng Mẹ":



LÒNG MẸ

Blow *Y. Đan*

1. LÒNG MẸ bao la như biển Thái Bình sát
2. LÒNG MẸ chan chùi thân bao con lòng gần

áo, tình mẹ tha thiết như giếng nước ngọt,
xa, tình mẹ dâng lời trăng ngàn từng lặn đi
ngào, lời mẹ êm ái như đồng lúa chiêm trĩ
nghe, lời mẹ xao xuyến như đời sống hằng
rạo. Tiếng ru bên thềm trăng sáng soi bóng mẹ
thơ. Tiếng ru Thái Bình êm lịm khi tiếng trẻ
yêu LÒNG MẸ không con như sóng dâng lên mùa
xu. Một lòng nuôi nấng vỗ về những ngày con
thơ Bình Mẹ yêu mến như làn gió, đưa mắt
thơ Một tình không quên em như tiếng đàn lời
hồ. Lời mẹ maor mào em như sao đêm dạt
xa. Mẹ hiên sớm tối thuyền như bao lời mến.

dì. Hằng mùa sớm chiều vui cùng tiếng hát trẻ
mà. Khế ghi bên lòng con trẻ muốn biết đường/
khé. Chẳng con thao thức bao đêm tưởng con đã yên
xa. Chẳng con dục hải cầu em đêm, ru lòng thơ
giác. Học hiên vui sống biển bao. Chẳng con huyên sấm sét
dù quân gì thì thất vọng đêm. Bao đêm nước mắt như mưa
ngày. Lời mẹ ru con nuôi con lời ngày lớn
nguồn. Phận mẹ tim con mãi lời thơ. Đánh đắm
khôn. Gửi cho mùa gió không quên thân gầy mẹ
sống. Dù ai xa vắng hồn đồng điệu chiều về
thời. Một tiếng hai nắng cho bao mái đầu buồn
đầu. Dù khi mùa gió tháng ngày trong đời bé
phần. Ngày đêm sớm tối vui cùng con nhỏ một
đầu. Gửi cho phai nắng những lòng thường chẳng lạt
năm. Tiếng ru em đêm mẹ hiên nắng tháng đêm miền
màu. Vẫn mong quay về vui vầy dưới bóng mẹ yêu.

5. Nghe lại nhạc phẩm "Lòng Mẹ" và điền vào chỗ trống các từ nghe được.

Lòng Mẹ bao la như biển Thái Bình

Tình Mẹ tha thiết như giòng suối hiền

Lời Mẹ như đồng lúa chiếu rì rào.

Tiếng ru bên thềm trăng tà Mẹ yêu.

Lòng Mẹ thương con như tròn mùa thu.

Tình Mẹ yêu mến như làn gió đùa

Lời ru man mác như sáo diều dật dờ.

Nắng mưa sớm chiều vui cùng tiếng hát trẻ thơ.

Thương con bao đêm trường.

Con đã yên giấc Mẹ hiền biết bao.

Thương con bao tháng ngày.

Lặn lội gieo neo nuôi con lớn khôn.

Dù cho mưa gió không quản Mẹ hiền.

Một sương hai nắng cho bạc mái đầu

Ngày đêm vui cùng con nhỏ một niềm.

Tiếng ru êm đềm Mẹ hiền năm tháng triển miên.



6. Dùng mẫu "Không phải ... cũng" để đặt 5 câu. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: Không phải người Việt nào cũng sống chung trong một đại gia đình.

5.1

5.2

5.3

5.4

5.5

7. Đọc bài sau đây:

GIA ĐÌNH

Gia đình là một trong những định chế xưa nhất của nhân loại. Từ thời tiền sử, gia đình đã là một tổ chức quan trọng trong xã hội. Đa số mọi người đều sống và lớn lên trong một gia đình, và đến khi trưởng thành thì lập gia đình riêng của mình.

Danh từ "gia đình" được định nghĩa như "cha mẹ và con cái sống chung, hoặc không sống chung, dưới một mái nhà". Gia đình hiểu theo nghĩa này còn gọi là "tiểu gia đình", thường gồm có người chồng, người vợ và con cái. "Gia đình" cũng còn được hiểu là tổ tiên và bà con quyến thuộc của một người. Gia đình theo nghĩa này còn được gọi là "đại gia đình", gồm có ông bà, cha mẹ và con cái, đôi khi gồm cả chú bác, cậu cô dì và anh chị em họ.

Đa số gia đình được xây dựng trên quan hệ thân tộc. Tuy nhiên có những nhóm không có quan hệ thân tộc mà vẫn được xem như gia đình vì họ sống chung dưới một mái nhà và có chung những ràng buộc thân thương.

Gia đình có bốn phận che chở và dạy dỗ con cái, giúp con cái tiếp thu văn hóa của xã hội.



8. Tìm các từ trong bài đọc ở (7) tương đương với các từ tiếng Anh sau đây:

- 8.1 *parents* :
- 8.2 *mankind* :
- 8.3 *grandparents* :
- 8.4 *to share a home* :
- 8.5 *ancestor* :
- 8.6 *to protect* :
- 8.7 *culture* :
- 8.8 *cousin* :
- 8.9 *aunt* :
- 8.10 *kinship* :

- 8.11 *institution* :
- 8.12 *children* :
- 8.13 *uncle* :
- 8.14 *relative* :

9. Dịch ra tiếng Việt:

9.1 *Family is one of the most common institutions of mankind*

.....

9.2 *People of all known cultures live in family groups.*

.....

9.3 *The smallest family unit consists of two persons, such as a parent and a child.*

.....

9.4 *A couple and their children make up a nuclear family.*

.....

9.5 *When married children and their offspring live with the parents, the family is called an extended family.*

.....

.....

9.6 *Foster children and their foster parents are not related, but they live together and consider themselves a family.*

.....

.....

9.7 *In some societies, a person thinks of his family as including his ancestors and all his relatives.*

.....

.....

10. Viết chính tả bài sau đây:

CHA MẸ VÀ CON CÁI

Ở Việt Nam, hai tiếng *cha mẹ* được gọi khác nhau tùy theo địa phương. Ở miền Bắc, người ta gọi cha mẹ là *bố mẹ*; có nơi gọi là *thầy, u*. Ở miền Nam, người ta gọi cha là *tía*, mẹ là *má*. Sau này, ảnh hưởng của Pháp, đặc biệt là ở thành phố, người ta gọi cha mẹ là *ba me*. Một số gia đình, vì hiếm muộn và vì kiêng kỵ, cho con gọi cha mẹ là anh chị hoặc cậu mợ.

Dù cách gọi có thay đổi từng nơi, từng lúc, tình cha mẹ đối với con cái bao giờ cũng đậm đà thắm thiết. Khi con còn bé, cha mẹ chăm lo, nuôi nấng, dạy dỗ. Ai cũng muốn cho con học thành tài nên không ngại khó nhọc, tốn kém. Con bệnh, cha mẹ lo lắng, thức khuya dậy sớm trông nom. Con làm điều gì lầm lỗi, cha mẹ đau xót.

Chính vì vai trò quan trọng của người cha mà người Việt Nam thường nói: "*Con không cha như nhà không nóc*". Về người mẹ, ca dao có câu:

*Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp mật, như đường mía lau.*

"Chuối ba hương", "xôi nếp mật", "đường mía lau" đều là những đặc sản quý báu của Việt Nam, tượng trưng cho những gì ngọt ngào và thơm tho.



11. Từng hai sinh viên tập hỏi và trả lời các câu sau đây:

11.1 Ở Việt Nam, cách gọi cha mẹ khác nhau như thế nào?

.....

11.2 Công ơn cha mẹ đối với con cái như thế nào?

.....

11.3 Ý nghĩa của câu "*Con không cha như nhà không nóc*" là gì?

.....

11.4 Chúng ta có bốn phận gì đối với cha mẹ?

.....

11.5 Nói về công ơn cha mẹ, ca dao Việt Nam còn có câu: "Công cha như núi Thái Sơn. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra". Ý nghĩa câu ca dao này là gì?

.....

.....

12. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: thân thiết, nước, ông bà, bác, gia đình, sinh ra, tổ tiên, di, gia phả, lẫn nhau, cậu.

GIA ĐÌNH VÀ HỌ HANG

Trong gia đình, anh chị em cùng cha, cùng mẹ gọi là anh chị em ruột. Anh chị em ruột thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ là cha mẹ vui lòng.

Sinh ra cha mẹ là Sinh ra ông bà là các cụ cố. Trên các cụ cố là Anh em trai với cha, ta gọi là là chú. Chị em gái với cha, ta gọi là bác, là cô. Anh em trai với mẹ, ta gọi là Vợ cậu, ta gọi là vợ. Chị em gái với mẹ, ta gọi là Anh chị em con chú, con bác, con cô, con cậu, con di đều là anh chị em cả. Những người bà con bên cha gọi là họ nội, và bên mẹ gọi là họ ngoại. Phân ra họ nội, họ ngoại là để cho dễ gọi chứ tình thì nội hay ngoại cũng đều giống nhau.

Nhiều hợp lại thành một họ, cùng chung một vị tổ. Gia đình nào cũng có để ghi chép nguồn gốc, cội rễ trước, sau. Nhiều họ hay gia tộc hợp lại thành làng, nhiều làng hợp thành huyện, nhiều huyện hợp thành tỉnh, nhiều tỉnh hợp thành một hay quốc gia như quốc gia Việt Nam.



13. Đọc lá thư sau đây của một người chị gửi cho người em ruột:

Đà Nẵng, ngày 2 tháng 2 năm 1994

Tám thương,

Hôm qua chị nhận được thư của mẹ. Thư gửi hơn một tháng mới tới. Đọc thư mẹ, chị đã khóc vui. Trong thư, mẹ có nhắc đến Tám, vì thế, chị muốn viết thư này riêng cho Tám.

Tám ơi, Tám có nhớ không, những lúc gia đình mình còn được sum họp, chị là đứa ngỗ nghịch nhất nhà. Trong tất cả mấy chị em, mẹ đã tốn không biết bao nhiêu nước mắt vì chị. Chị còn nhớ, có một lần vì chị đã làm bậy một việc gì, muốn khuyên dạy chị, mẹ đã bắt chị nằm xuống và đánh chị năm roi. Vậy mà chị lại lấy đó làm hận; chị giận mẹ luôn ba ngày liền không ăn uống. Mẹ phải khóc hết nước mắt năn nỉ, chị mới chịu xuống nhà. Trời ơi, vậy mà chị còn coi đó là một sự hãnh diện, chị khốn nạn quá phải không em? Chị đã hành hạ mẹ từ thuở chị chỉ là đứa con nít cho tới khi chị lớn khôn. Tám ơi, những lúc được gần cha mẹ, được cha mẹ thương yêu và chiều chuộng thì chị không bao giờ thấy quý. Chị vẫn cho tình thương đó là tầm thường và chị không cần. Bây giờ, vắng cha xa mẹ rồi chị mới thấy thấm thía về tình thương yêu ấy.

Tám biết không, những lúc chị ốm đau, nằm một góc trong phòng không ai chăm sóc, chị thêm một vòng tay thương yêu của mẹ, một cái nhìn triu mến của cha. Chị chỉ ước chị đổi được ngàn ngày sống vô vị của chị lấy một giây phút sống trong tình mẹ. Chị hồi tưởng lại những lúc chị bị cúm, mẹ đã thức suốt canh thâu, mắt mẹ lõm đi vì lo sợ. Đến khi chị lành bệnh, mẹ mới cười, một nụ cười rạn rờ trên khuôn mặt già nua mà chị còn nhớ mãi. Đến bây giờ khi chị hối hận về những việc chị làm thì cha mẹ đâu còn ở bên cạnh để chị hầu hạ nữa. Em có nhớ câu ca dao "Mẹ già như chuối ba hương. Như xôi nếp mật, như đường mía lau" không? Tám ơi, chị hằng mong ước có một ngày nào đó, được quỳ dưới chân mẹ, chị sẽ vui vào lòng mẹ và hỏi: "Mẹ ơi, mẹ có biết là con thương mẹ lắm không?". Phải, tình mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Tám ơi, tình thương của mẹ sẽ mãi mãi ban xuống, sẽ mãi mãi trường tồn như dòng nước ra lòng đại dương, bao la và rộng lượng.

Vậy chị xin em hãy xem chị như một cái gương nghe em. Chị xin em đừng vì giây phút bóng bệu mà làm cha mẹ buồn phiền. Có xa cha mẹ rồi em mới thấy sự cần thiết đó. Em sẽ như người chết đuối cần một cái phao; cái phao ấy là vòng tay thương yêu của mẹ. Chị xin em hãy thay chị mà săn sóc cha mẹ, vì người bây giờ đã già đi nhiều. Ở nơi xứ lạ quê người, em là nguồn hy vọng cuối cùng của người đấy. Em cũng là nguồn hy vọng của chị; em hãy thương người chị vô phước này mà phụng dưỡng cha mẹ nghe Tám.

Chị của em

Lê Thị An



14. Viết tóm tắt các ý chính trong lá thư vừa đọc và trình bày trước lớp.

- 14.1
14.2
14.3
14.4

15. Tìm và viết lại các danh từ (tức là những từ chỉ tên người, đồ vật, loài vật và sự việc) trong bài ở (10). Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: Mai ơi! Tôi nghe nói gia đình Việt Nam có đông người lắm, phải không?

Trong câu này, có các danh từ là:

- danh từ riêng: Mai, Việt Nam
- danh từ chung: gia đình, người

Danh từ riêng:
.....
.....

Danh từ chung:
.....
.....

16. Tìm và viết lại các danh từ đơn (từ có một tiếng) và danh từ ghép (từ có hai tiếng trở lên) trong bài ở (7). Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: Anh, chị, em trong gia đình phải thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau

- danh từ đơn: anh, chị, em
- danh từ ghép: cha mẹ

Danh từ đơn:
.....
.....

Danh từ ghép:

.....

.....

17. Viết một đoạn văn ngắn so sánh gia đình Việt Nam và gia đình Úc theo các câu hỏi gợi ý sau đây:

- Theo người Việt, gia đình thường gồm những ai?
- Theo người Úc, gia đình thường gồm những ai?
- Ở Việt Nam, những người nào thường sống chung dưới một mái nhà?
- Ở Việt Nam, khi nào con cái phải nuôi cha mẹ?
- Ở Úc, anh chị em có nuôi nhau không?
- Tại sao người Việt xem gia đình là trung tâm của vũ trụ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

18. Từng nhóm 5 hoặc 6 học sinh đọc, tóm tắt bài tường trình sau đây của một học sinh lớp 11 và trình bày trước lớp:

CÔNG ƠN CHA MẸ

Từ xưa đến nay, con người sống trên trái đất đều do cha mẹ sinh ra và dưỡng nuôi từ thuở sơ sinh cho đến lúc trưởng thành. Bốn phận của con cái đối với cha mẹ có ảnh hưởng quan trọng đến đời sống tâm tình của người Việt Nam:

*Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ Hiếu mới là đạo con.*

Công ơn cha mẹ quả thật lớn lao. Mẹ thì chín tháng cưu mang, ba năm cho bú mớm, suốt cuộc đời chỉ biết hy sinh vì con. Lúc con còn nhỏ, mẹ luôn ở bên cạnh khi con cần đến. Khi con đau ốm, mẹ suốt đêm thao thức lo âu; chỉ khi con khoẻ mạnh, tươi cười thì mẹ mới vui tươi, hớn hờ. Gặp cảnh nghèo hèn mẹ nhịn bớt cơm cho con ăn, dành chỗ khô ráo, ấm áp cho con nằm.

*Nuôi con chẳng quản chi thân
Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn.*
(Ca dao)

Còn cha thì phải làm lưng vất vả để nuôi con, có khi phải làm thuê, ở mướn, làm những công việc cực nhọc, đổ mồ hôi lấy bát cơm, manh áo cho con: "Chỉ vì tình thương bao la của cha mẹ đối với con nên cha mẹ chẳng quản ngại cực nhọc, kể cả sự hy sinh chính bản thân mình cho con". (1)

Ngoài ra, cả cha lẫn mẹ còn phải dạy dỗ cho con học hành, ngày đêm lo lắng cho con thành người hữu dụng, khôn ngoan, không thua kém bạn bè. Tình thương của cha mẹ dành cho con cái như núi cao bề rộng không bút nào tả xiết: "Không ai thương ta bằng cha mẹ ta, không có tình yêu nào có thể thay thế tình yêu của cha mẹ đối với con cái, cái tình ấy tới luyên từ da thịt mà ra, từ tâm chất mà có." (2)

Từ đó ta thấy bốn phận của con cái đối với cha mẹ quan trọng nhất là



phải làm tròn chữ hiếu. Khi cha mẹ còn trẻ là lúc con cái tuổi còn nhỏ phải biết thương yêu, kính mến vâng lời dạy dỗ, chăm chỉ học hành, siêng năng giúp cha mẹ những công việc hợp với khả năng. Điều mong ước của cha mẹ là con cái luôn luôn sống chung với cha mẹ cho đến ngày trưởng thành.

Lúc cha mẹ về già rất cần sự thương yêu chăm sóc của con cái nhưng khi ấy con cái phần đông đã lập gia đình và không còn sống chung với cha mẹ nữa. Người con hiếu thảo phải tận tâm phụng dưỡng cha mẹ về già, mặc dù đã ở riêng nhưng nên thường xuyên đến viếng thăm cha mẹ.

*Mẹ già ở túp lều tranh
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.*
(Ca dao)

Ngày nay người Việt Nam ta định cư rất nhiều trên các quốc gia Âu Mỹ, ưu điểm nổi bật là phần đông cha mẹ già sống chung với con cái và được con cháu trông nom, chăm sóc chứ không sống trong các nhà dưỡng lão. Sống chung với con cháu, các bậc cha mẹ già không còn cảm thấy cô đơn mà trái lại rất vui vẻ, do đó sức khỏe cũng như tuổi thọ được gia tăng và việc này đã làm cho người Tây phương phải khen ngợi và khâm phục: "Ký giả Mỹ John Huddleston nói rằng: người Việt Nam thường giữ cha mẹ lại nhà để chăm sóc." (3)

Về mặt tinh thần, việc báo hiếu của con cái đối với cha mẹ không chỉ có ở người Việt chúng ta. Người Tây phương cũng có ngày nhớ ơn cha (Father's Day), ngày đến ơn mẹ (Mother's Day) để cho con cái có cơ hội sum họp, thăm viếng và biếu quà cho cha mẹ. Ngày Vu lan rằm tháng Bảy Âm lịch là ngày con cái cầu an cho cha mẹ được sống lâu với mình hay là cầu siêu cho cha mẹ đã qua đời. Trong dịp này, một đóa hoa hồng được dùng làm biểu tượng để: "Nếu anh còn mẹ, anh sẽ được cài một bông hoa màu hồng trên áo, và anh sẽ tự hào được còn mẹ. Còn nếu anh mất mẹ, anh sẽ được cài trên áo một bông hoa màu trắng và anh bỗng thấy tủi thân." (4)

Suốt cuộc đời lo cho con cái nay về già sức khỏe cha mẹ hao mòn, bổn phận làm con là phải tìm món ngon vật lạ, thuốc thang tốt để dâng lên song thân khi cần thiết.

*Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.*
(Ca dao)

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, bổn phận làm con là đừng bao giờ kể công nuôi lại cha mẹ và đừng vì sự tốn kém trong miếng ăn thức uống mà làm cho cha mẹ phải buồn tủi để rồi sau này ân hận.

*Sống thì con chẳng cho ăn
Chết thì xối thịt làm vắn tế ruồi.*
(Ca dao)

Bốn phận làm con không những phải hiếu thảo với cha mẹ lúc còn sống, mà cả khi cha mẹ chẳng may vì bệnh tật hay già yếu mà qua đời, con cái phải lo tang lễ cho trang trọng: "Trong đời người cái tang lớn nhất là tang cha mẹ. Tang lễ vốn là một hệ yếu bậc nhất trong nghi lễ của dân tộc Việt." (5)

Tóm lại, trong cuộc sống hằng ngày, bốn phận của con cái đối với cha mẹ không chỉ là quan tâm về mặt vật chất như lo cho cha mẹ có đầy đủ cơm ăn áo mặc, thuốc men..., mà còn phải chú ý đến một yếu tố quan trọng hơn nữa là yếu tố tinh thần. Người con hiếu thảo đến đáp thâm ân của cha mẹ bằng cách giúp đỡ, khích lệ và tạo niềm vui cho cha mẹ già.

Chú thích:

1. Tiêu Kiến Trung, "Chữ Hiếu", Nguyệt san *Phật giáo Việt Nam*, tr. 27.
2. Cao Thế Dung, *Tự hào là người Việt Nam*, tr. 154.
3. Tiêu Kiến Trung, "Chữ Hiếu", Nguyệt san *Phật giáo Việt Nam*, tr. 27.
4. Nhất Hạnh, "Bông Hồng Cài Áo", Tạp chí *Diễn Đàn* số 4, tr. 40.
5. Cao Thế Dung, "Đạo Hiếu", *Tự hào là người Việt Nam*, tr. 157



19. Đọc và thảo luận về bài sau đây:

VAI TRÒ TÍCH CỰC CỦA GIA ĐÌNH

Chữ "gia đình" ở đây được hiểu theo nghĩa gia đình nhỏ (tiểu gia đình): cha, mẹ hoặc chỉ có cha hay mẹ, và các con. Khi nào nói tới gia đình theo nghĩa rộng gồm cả ông bà chú bác cô dì v.v..., chúng tôi sẽ dùng chữ đại gia đình.

VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH THỜI XƯA

Điều quan tâm của chúng tôi là việc dạy dỗ trẻ em. Vì vậy, tôi tự hỏi trong quá khứ, gia đình đóng vai trò gì đối với trẻ em. Không cử trong gia đình Việt Nam, ở đâu trên thế giới gia đình cũng đóng một số vai trò sau đây:

- Gia đình là một đơn vị kinh tế:

Đối với trẻ, cha mẹ trước hết là những người cung cấp cơm ăn, nhà ở, quần áo mặc và tiền tiêu. Người Việt ta thường không quan tâm đến khía cạnh này vì chúng ta rất trọng các giá trị tinh thần và muốn tỏ ra coi nhẹ vật chất. Tuy nhiên, yếu tố kinh tế ẩn tàng trong nhiều cách đối đãi với trẻ. Thí dụ khi người bố nói: "Nếu các con dọn nhà cửa sạch sẽ, bố sẽ thưởng cho đi ăn tiệm", hoặc người mẹ hứa: "Học giỏi sẽ cho đi nghỉ hè ở...", trong mỗi câu trên đều có động cơ kinh tế. Nhiều khi đại gia đình ở chung với nhau vì lý do tiết kiệm, con lớn lên không muốn ra ở riêng cũng vì lý do tiết kiệm.

- Gia đình là một đơn vị xã hội:

Gia đình là "xã hội nhỏ" đầu tiên, nơi trẻ em phát triển tương quan với người khác. Trẻ em thấy an toàn và được bảo vệ, được hỗ trợ trong khung cảnh gia đình.

- Gia đình truyền đạt kiến thức và các giá trị cổ truyền:

Những kiến thức cần thiết để sống với xã hội bên ngoài được truyền từ thế hệ cha mẹ đến thế hệ con cái. Trẻ con học cách nói năng, cách ăn uống, cách giao tiếp với mọi người. Mẹ chỉ cho con gái cách làm bánh, bố chỉ cho con trai cách sửa ống nước, cách sửa xe v.v... Bên cạnh việc truyền thụ các kiến thức là các giá trị luân lý, nhất là các gia đình có truyền thống tôn giáo mạnh: phân biệt thiện với ác, phải với trái, thế nào là dễ thương, thế nào là đáng ghét v.v...



Tóm lại, gia đình đã đóng một vai trò văn hóa, vai trò trường học và giáo hội đầu tiên của trẻ em.

- Đại gia đình:

Trong xã hội cổ truyền của ta, đại gia đình đóng vai trò "an sinh xã hội", giống như hệ thống bảo hiểm thất nghiệp, bảo trợ xã hội ở các nước Tây phương ngày nay. "Sầy cha còn chú, sầy mẹ bú dì" là một thí dụ điển hình. "Chị ngã em nâng", "lá lành đùm lá rách" : đại gia đình là một bảo hiểm cho ta khi ta không gặp may mắn.

Đại gia đình còn là một bảo hiểm về địa vị và uy tín xã hội nếu trẻ em may mắn sanh trong một "đại gia" có uy tín và địa vị, ở trong một xã hội ổn định - tình trạng mà ngày nay ở nước ngoài chúng ta không còn nữa.



CÁC KHỦNG HOẢNG NỀN TẢNG CỦA GIA ĐÌNH

Cuộc sống ở hải ngoại có nhiều hoàn cảnh khiến gia đình không thể đóng được các vai trò trên.

- Trẻ em mới lớn lên sẽ có ý niệm độc lập về kinh tế rất sớm. Trước kia trong gia đình Việt Nam ai đi làm được tiền cũng góp vào quỹ chung mà người mẹ là người quản lý. Ngày nay nếu chúng ta không tập cho trẻ từ nhỏ, các em sẽ nghĩ như nhiều trẻ ở các xứ Tây phương rằng "ai làm ra tiền người nấy xài". Một mối liên hệ rất mật thiết bị đứt. Tất nhiên chúng ta không chủ trương lấy quyền "kiểm soát kinh tế" để thao túng, kềm chế con. Nhưng quan niệm về của chung, của riêng, của chúng ta hay của mỗi người, đều biểu lộ những ràng buộc tinh thần có chặt chẽ hay không. Bây giờ ta cần có ý thức về khía cạnh này, vì trong truyền thống của ta, ta vốn sao lãng khía cạnh kinh tế trong liên hệ cha mẹ, con cái. Cha mẹ nên bàn với các con về ngân sách gia đình. Thí dụ làm cách nào tiết kiệm một khoản chi tiêu để dành cho các mục tiêu khác như nghỉ hè, cưới hỏi v.v...

- Trẻ em ngày nay cũng sống với các "xã hội nhỏ" khác hơn là gia đình. Bạn bè ở trường, bạn bè trong các câu lạc bộ thể thao, ca nhạc là các xã hội nhỏ mà các em cảm thấy mình là một thành phần mật thiết. Mối liên hệ với gia đình có nguy cơ trở

thành thứ yếu, thuần túy vật chất (ăn chung, ở chung ..) hay sinh học (cùng dòng máu, cùng màu da).

Vai trò truyền thụ văn hóa có thể bị lay chuyển mạnh hơn cả. Những hiểu biết, giá trị mà chúng ta thấu nhận, thấm nhuần ở Việt Nam có thể trở thành vô ích ở xã hội mới này. Một số điều chúng ta muốn dạy trẻ có thể trở thành lỗi thời hay trái nghịch với điều trẻ học ở xã hội bên ngoài.

- Đại gia đình khó tồn tại vì đời sống kinh tế khiến con cái khi lớn lên khó ở gần cha mẹ (một là mất giỗ, hai là mất con!), anh chị em lớn lên khó ở gần nhau (bán anh em xa, mua láng giềng gần). Một người con đầu, con rể ngoại quốc sẽ không chia sẻ quan niệm về đại gia đình như ta.

Trên đây là một số hiện tượng khiến nền tảng gia đình bị lung lay. Cơ chế khủng hoảng có trình độ nhẹ hay nặng tùy theo từng gia đình, và tùy địa phương. Ở nơi người Việt đông và sống quần tụ với nhau chắc khủng hoảng nhẹ hơn. Ở Âu châu có lẽ nhẹ hơn ở Mỹ châu. Tuy nhiên, trên căn bản, ta đều thấy các vai trò truyền thống của gia đình đã bị thay đổi. Nếu quý vị đồng ý chúng ta cần củng cố gia đình, tạo một vai trò tích cực cho gia đình trong việc dạy dỗ con em và dùng gia đình như môi trường căn bản để dạy con em về truyền thống dân tộc, về giá trị văn hóa Việt và Đông phương, thì chúng tôi xin đề nghị một số điều sau đây.

VAI TRÒ MỚI CỦA GIA ĐÌNH: TỔ ẤM

Trước hết, củng cố gia đình không có nghĩa là tập cho con em sống cách chúng ta đã từng sống trong gia đình cổ truyền Việt Nam, dù trí nhớ của chúng ta còn giữ lại hình ảnh một gia đình hoàn hảo. Trí nhớ tự nó biết lựa chọn. Chúng ta thường quên những chuyện xấu, chuyện khó chịu và chỉ nhớ các chuyện vui và đẹp.

Không phải chỉ có người mình (con rống cháu tiến) mới thiết tha với gia đình. Năm 1980, hãng nghiên cứu dư luận Harris hỏi ý kiến người Mỹ về mục tiêu quan trọng nhất của đời người. Có 95% dân Mỹ cho rằng "đời sống gia đình hạnh phúc" (having a good family life) là một mục tiêu hàng đầu.

Vậy chúng ta muốn gia đình đóng vai trò nào trong đời sống của trẻ? Vai trò đó có phù hợp với xã hội hiện nay và chúng ta có thể thực hiện được vai trò đó bằng hiểu biết và kinh nghiệm của ta không?

Nếu quý vị cho phép dùng một văn ảnh, tôi xin trả lời: "vai trò của gia đình phải là một tổ ấm", và xin giải thích chữ "tổ ấm" với các đặc điểm sau đây:

- Tổ ấm là nơi chúng ta tìm đến để yêu và đón nhận tình yêu. Điều này áp dụng không những cho các con đối với cha mẹ, mà giữa cha mẹ đối với nhau nữa. Gia đình

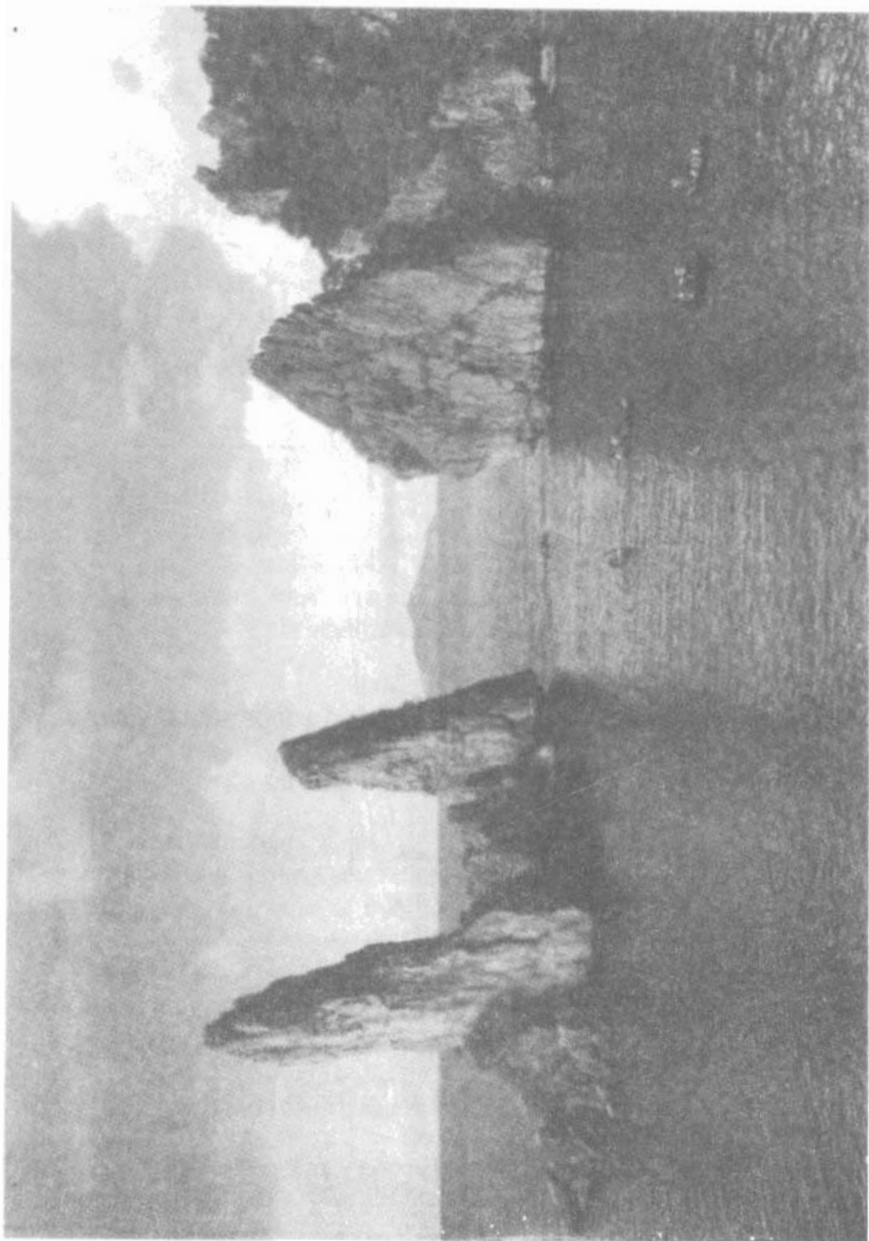
là tổ ấm vì chúng ta đều có nhu cầu yêu và được yêu chiều, quý mến một cách vô vị lợi, chứ không phải chúng ta cần gia đình vì các nhu cầu ăn ở, may mặc hoặc sinh lý khác.

- Tổ ấm là nơi ta có thể bày tỏ tình cảm, là nơi ta tìm sự tin cậy, nâng đỡ khi gặp khó khăn, chia sẻ khích lệ khi thành công ngoài đời. Hơn nữa, tổ ấm còn là nơi ta cùng tạo ra các cơ hội để chia sẻ niềm vui, các giờ giải trí, các sinh hoạt hữu ích.

- Đặc biệt đối với trẻ em, tổ ấm gia đình còn giúp chúng cảm thông được với các thế hệ ông bà, tổ tiên và toàn thể dân tộc.

(theo Đỗ Quý Toàn,
Yêu con dạy con nên người Việt)





• Hòn Phụ Tử - Hà Tiên

Bài học

2

LỄ CƯỚI VIỆT NAM

Vietnamese Wedding Ceremony

1. Xem hình vẽ và thiệp cưới dưới đây:



Ông Bà NGUYỄN ỨC TRAI
Melbourne, Australia

Ông Bà PHẠM QUẾ SƠN
Sydney, Australia

Trân trọng báo tin Hôn Lễ của con chúng tôi
Have the honour of announcing the marriage of their children

NGUYỄN ĐÔNG PHA
Thủ Nam

PHẠM HỒNG HÀ
Thủ Nữ

Hôn Lễ sẽ được cử hành vào lúc 11 giờ sáng
ngày 18 tháng 12 năm 1993 (nhằm ngày 6 tháng 11 năm Quý Dậu)
tại tư gia số 33 Church Street, Footscray 3012
Melbourne, Australia.

*The wedding ceremony will be held at 11.00 am
on the 18th of December 1993 at 33 Church Street, West Footscray 3012
Melbourne, Australia.*

Trân trọng kính mời đến chung vui buổi
tiệc cưới của chúng tôi vào lúc 19 giờ ngày 18 tháng 12 năm 1993
tại nhà hàng Nguyệt Cầm, 650 Barkly Street, West Footscray, VIC 3011.
Sự hiện diện của là niềm vinh hạnh cho gia đình chúng tôi.



2. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau:

A : *Thiệp báo tin lễ thành hôn của ai?*

B :

A : *Lễ cưới được tổ chức vào ngày giờ nào?*

B :

A : *Cha mẹ của cô dâu ở đâu?*

B :

A : *Tiệc cưới được tổ chức vào ngày giờ nào và ở đâu?*

B :

A : *Kể ra sự khác biệt giữa áo cưới của cô dâu Việt Nam và áo cưới của cô dâu người Úc.*

B :

.....

3. Đọc lớn bài sau đây:

HÔN LỄ CỦA NGƯỜI VIỆT

Theo truyền thống văn hóa Việt Nam, cưới hỏi là một việc rất quan trọng. Các lễ cưới và hỏi phải được tổ chức chu đáo, long trọng và theo đúng lễ nghi. Thường thường, sau thời gian đôi trai gái quen biết, tìm hiểu nhau, họ đồng ý tính đến chuyện hôn nhân. Việc đầu tiên là họ phải làm lễ hỏi. Trong dịp này, nhà gái chính thức công bố cùng bà con họ hàng rằng họ đã nhận lời gả chồng cho con gái.

Lễ cưới sẽ được tổ chức sau đó, lâu hay mau là tùy theo sự thỏa thuận của hai gia đình. Các lễ vật chính trong ngày cưới gồm có đôi đèn, mâm trầu cau, khay rượu, trà, hoa quả và hộp nữ trang. Có thể có thêm nhiều lễ vật khác, tùy theo sự đòi hỏi của nhà gái.



Trong ngày cưới, nhà trai thường nhờ một người đại diện lớn tuổi mà vợ chồng con cái còn đầy đủ đi trước, tiếp đến là chú rể, phù rể, cha mẹ, anh chị em và họ hàng bạn bè thân thuộc.

Ở nhà gái, chú rể và cô dâu cùng làm lễ gia tiên và sau đó rước dâu về nhà trai. Ngày nay, tại Úc, sau lễ gia tiên, mọi người cùng nhau ra công viên chụp hình, quay phim lưu niệm. Đến chiều tối, tất cả đến nhà hàng dự tiệc cưới, cùng chung vui với cô dâu chú rể và gia đình hai họ.



4. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

- | | | | | |
|------|----------------------------|---|-------|--------------|
| 2.1 | <i>jewellery</i> | : | | hôn lễ |
| 2.2 | <i>bride</i> | : | | truyền thống |
| 2.3 | <i>groom</i> | : | | chu đáo |
| 2.4 | <i>wedding ceremony</i> | : | | long trọng |
| 2.5 | <i>carefully</i> | : | | hôn nhân |
| 2.6 | <i>marriage</i> | : | | lễ hỏi |
| 2.7 | <i>engagement ceremony</i> | : | | công bố |
| 2.8 | <i>traditional</i> | : | | nữ trang |
| 2.9 | <i>to declare</i> | : | | chú rể |
| 2.10 | <i>solemn</i> | : | | cô dâu |
| 2.11 | <i>ancestry ritual</i> | : | | lễ gia tiên |

5. Từng nhóm 5 học sinh thảo luận về bài đọc ở (3) và trả lời các câu hỏi sau đây:

5.1 Tại sao các lễ cưới, hỏi phải được tổ chức chu đáo?

.....

5.2 Khi đôi trai gái đồng ý chính thức tính đến chuyện hôn nhân, họ phải làm gì?

.....

5.3 Các lễ vật chính trong ngày cưới là gì?

.....

5.4 Cô dâu phải làm gì trước khi về nhà chồng?

.....

5.5 Sau lễ gia tiên, cô dâu và chú rể đi đâu?

.....

6. Đặt 5 câu đơn giản (chủ ngữ + vị ngữ) có thành phần phụ của câu đứng trước như ví dụ sau đây:

Ví dụ: Theo truyền thống văn hóa Việt Nam, cưới hỏi là một việc rất quan trọng.

- Theo truyền thống văn hóa Việt Nam: *thành phần phụ của câu*
- cưới hỏi là một việc rất quan trọng: *câu đơn giản*
- cưới hỏi: *chủ ngữ*
- là một việc rất quan trọng: *vị ngữ*

6.1

6.2

6.3

6.4

6.5

7. Đặt 5 câu đơn giản (chủ ngữ + vị ngữ) có thành phần phụ của câu đứng trước chỉ nơi chốn như ví dụ sau đây:

Ví dụ: Ở nhà gái, chú rể và cô dâu cùng làm lễ gia tiên.

- Ở nhà gái: *thành phần phụ của câu chỉ nơi chốn*
- chú rể và cô dâu cùng làm lễ gia tiên: *câu đơn giản*
- chú rể và cô dâu: *chủ ngữ*
- cùng làm lễ gia tiên: *vị ngữ*

- 7.1
 7.2
 7.3
 7.4
 7.5

8. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: cô dâu, thân thuộc, gọi, bận việc, phụ giúp, nhà trai, đoàn xe, gia tiên, bó hoa, thân sinh.

ĐÁM CƯỚI

Gần tới giờ rước dâu, cả nhà ai cũng
 tíu tít. Người xếp bánh, người trái cây,
 người sửa soạn pha trà. Người bận rộn nhất là chị Hoa.
 Tuy có hai cô bạn việc trang điểm nhưng
 chị Hoa vẫn có vẻ luỳnh quỳnh lắm.

Tiếng còi xe báo hiệu đã đến. Chiếc
 xe hoa dẫn đầu một bóng lộn. Ba mẹ
 chị Hoa nhờ một người ra ngoài cửa đón khách. Ba mẹ
 chống chị Hoa dẫn đầu họ Theo sau
 là chú rể, tay cầm đi giữa hai người phụ
 rể và tiếp theo là họ hàng thân thuộc và bạn bè.

Vào trong nhà, hai vị chú rể ngỏ lời
 với ba mẹ chị Hoa và họ hàng nhà gái.

Sau đó, chị Hoa từ phòng bước ra
 cúi đầu chào hai họ. Sau đó, cô dâu và chú rể tiến đến
 trước bàn thờ làm lễ



(theo Bùi Văn Bảo)

9. Dịch ra tiếng Việt:

9.1 *Yesterday evening I attended the wedding party of Minh and Hoa. Minh is the groom and Hoa is the bride. Minh's father is a friend of mine and he invited me. At the party I was pleased to meet two other friends of mine again: Nam and his wife, Mai. They are acquaintances of the bride's mother.*

10. Từng học sinh đọc, tóm tắt bài sau đây và trình bày trước lớp:

TỔ CHỨC ĐÁM CƯỚI

Đối với người Việt Nam, hôn lễ là một sự kiện quan trọng đặc biệt. Ngày xưa, hôn lễ của con cái là do cha mẹ, ông bà sắp đặt. Ngày nay, thanh niên nam nữ cảm thấy hạnh phúc trăm năm là chuyện của mình, do đó muốn tự mình quyết định tất cả, từ việc yêu đương đến việc tổ chức cưới hỏi. Tuy nhiên, vì tầm quan trọng của nó, việc tổ chức hôn lễ cần được chuẩn bị cẩn thận.

Việc đầu tiên là chọn ngày tháng. Ngày xưa, người ta thường tin tưởng vào ngày lành tháng tốt, do đó, thường chọn ngày cưới hợp với tuổi của đôi trai gái. Ngày nay, việc chọn ngày tháng tùy thuộc vào nhiều yếu tố, trước hết là vào các dịp nghỉ hàng năm và vào ngày thứ Bảy hoặc Chủ nhật.

Sau khi chọn được ngày tháng và được sự đồng ý của cha mẹ, đôi trai gái cần soạn danh sách công việc phải làm. Trong bảng danh sách này, bên cạnh việc phải làm, cần ghi rõ người được nhờ phụ trách công việc, thời gian, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và số tiền cần phải trả. Việc này giúp tránh được cảnh quên đầu quên đuôi.

Việc tổ chức đám cưới cần nhiều người tiếp tay, giúp đỡ. Nếu có cha mẹ, anh em ruột thì thật là may mắn. Còn không, phải nhờ đến bạn bè. Nên chọn người theo khả năng của họ. Chẳng hạn, người điều khiển chương trình trong tiệc cưới phải là người ăn nói hoạt bát, hóm hỉnh, có thể tạo ra không khí vui vẻ.

Ngoài những người phụ dâu, phụ rể, trang trí bàn thờ, nhà hàng, cần có người theo dõi nhắc nhở cô dâu chú rể mọi việc phải làm.

Việc tổ chức đám cưới và đặt nhà hàng cần phải được tính trước ít nhất bốn hay năm tháng. Khi đã có ngày giờ và địa điểm tổ chức lễ (ở nhà thờ, chùa hay nhà riêng) và tiệc cưới thì mới có thể in thiệp được. Không nên in loại thiệp đắt quá, cũng không nên in loại đơn giản quá. Thiệp cưới góp một phần vào sự trang trọng của đám cưới nhưng dù sao cũng nên chọn loại hợp với túi tiền của mình. Có điều đa số người Việt ít để ý đến hàng chữ R.S.V.P. (*Répondez s'il vous plaît*). Với người Việt, nên in thêm hàng chữ: "Xin



vui lòng trả lời* và cho biết ngày tháng chậm nhất có thể trả lời. Khách được mời, dù đến được hay không, đều phải trả lời. Nhờ kết quả của việc trả lời này mà cô dâu chú rể biết được chính xác số người đến dự, từ đó có thể đặt bàn trong nhà hàng.

Đám cưới thường có ban nhạc sống cho thêm phần vui nhộn. Cô dâu chú rể có thể góp ý về những bản nhạc mình thích. Điều cần lưu ý là không nên để ban nhạc mở máy khuếch âm quá lớn khiến người nghe cảm thấy khó chịu.

Quần áo và việc trang điểm của cô dâu cũng rất quan trọng. Việc chọn lựa quần áo tùy theo sở thích. Nói chung, trong một đám cưới, có 3 kiểu áo dành cho ba giai đoạn: áo dài hoàng hậu mặc khi làm lễ gia tiên; áo cưới trắng mặc trong lúc làm lễ trao nhẫn, chụp hình, quay phim trước tiệc cưới; và kiểu áo thứ ba mặc khi đãi tiệc (áo dạ hội, áo đầm hay áo dài Việt Nam...).

Đám cưới ngày nay không thể thiếu màn quay video và chụp hình. Cô dâu chú rể nên nhờ các thợ chuyên nghiệp làm việc này.

Việc tổ chức đám cưới còn có nhiều chi tiết khác tùy theo hoàn cảnh và khả năng của từng người. Những điểm nêu trên chỉ là những gợi ý hầu giúp đôi trai gái có một số ý niệm cần thiết.



11. Tìm 10 danh từ ghép trong đó cả 2 tiếng đều có nghĩa và bổ túc cho nhau. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: trai gái ("trai" và "gái" đều là 2 tiếng có nghĩa)

Danh từ ghép:

.....

.....

12. Tưởng tượng mình là người đại diện hai họ, hãy soạn một đoạn văn ngắn để cảm ơn quan khách và thân hữu hai họ đến dự tiệc cưới.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

13. Tả một lễ cưới của người Việt ở Úc. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

- Lễ cưới của ai?
- Lễ cưới được tổ chức ở đâu? (nhà thờ, chùa hay nhà riêng) vào lúc nào?
- Họ nhà trai gồm có ai?
- Họ nhà gái gồm có ai?
- Có dâu và chú rể ăn mặc như thế nào?
- Lễ cưới có được thực hiện theo nghi thức cổ truyền Việt Nam không?
- Cảm nghĩ của bạn về lễ cưới.

14. Đọc và thảo luận về bài báo sau đây:

KHAI MẠC ĐÚNG GIỜ!

... Hầu hết các tiệc cưới Việt Nam đều không thể khai mạc đúng giờ, khiến quan khách phải chờ đợi quá lâu. Khuyết điểm này vẫn tiếp tục càng ngày càng tệ hơn, đến nỗi mỗi khi nhận lời dự đám cưới, người được mời đều ngại ngần khi nghĩ đến chuỗi giờ dài chờ đợi tại bàn tiệc. Vậy chúng ta cần phân tích và nghiên cứu tìm nguyên do nào gây ra, rồi tìm cách sửa chữa.

NGUYÊN NHÂN VÀ HẬU QUẢ

Trong thời gian mới định cư tại Mỹ, đa số người Việt gặp rất nhiều khó khăn khi đi kiếm địa chỉ nhà hàng, nhất là khách từ những vùng ở xa. Đến giờ khai mạc, số khách hiện diện mới chỉ được một phần ba so với số nhận lời, thử hỏi gia chủ nào dám khai mạc bữa tiệc. Rốt cuộc khách đến đúng giờ phải chờ đợi và sự chậm trễ xảy ra nhiều lần khiến những người đến đúng giờ nảy ra ý kiến rằng, những lần tiệc sau họ sẽ đến trễ để khỏi phải chờ lâu.

Không ai bảo ai, nhiều người thực hành như vậy nên những người tôn trọng giờ mời đều bị ngờ ngàng, lẻ loi. Khi đến nhà hàng đúng giờ mà chưa thấy người nào, kể cả gia đình đương sự, vì gia đình tổ chức bữa tiệc nghĩ rằng tuy giầy mọi ghi là 5 giờ

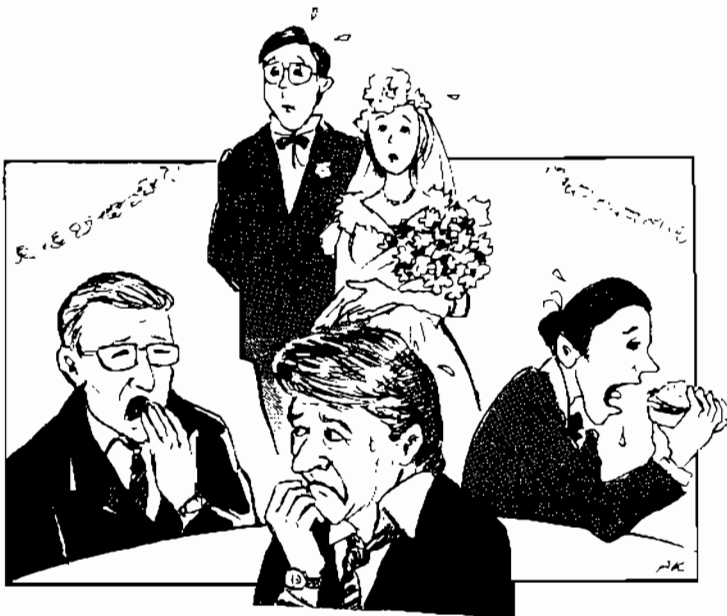
nhưng ít nhất 6 giờ khách mới đến nên chẳng vội gì.

Khuyết điểm trở nên trầm trọng hơn khi một số gia đình thấy các bữa tiệc khác, vì số khách chưa đông đủ, phải khai mạc trễ 2 giờ đồng hồ, họ bèn bỏ khuyết bằng cách ghi vào giấy mời sớm hơn dự định. Thí dụ họ dự định khai mạc bữa tiệc lúc 7 giờ tối thì họ ghi vào thiệp mời là 5 giờ chiều để "trừ bì".

Khoảng giữa mùa hè tại Cali, 8 giờ 30 mới sấm sấm tối, khách đến đúng giờ phải chờ từ 5 giờ chiều đến 8 giờ tối mới thấy loáng thoáng có khách đến, cũng lúc này mới thấy ban nhạc lục tục khiêng nhạc cụ vào. 8 giờ 30 mới được nửa số bàn có người ngồi, cuối cùng 8 giờ 45 khai mạc, sau những nghi thức thường lệ, 9 giờ tiệc mới bắt đầu.

Như vậy khách đến đúng giờ phải chờ đợi tổng cộng là 4 tiếng đồng hồ trong một nhà hàng máy lạnh chạy rất yếu, với bộ đồ lớn, tất cả vật trong thời tiết mùa hè tại Cali. Người viết đã chứng kiến việc này đã xảy ra tại một tiệc cưới: 2 người khách Mỹ ngồi chờ 2 tiếng đồng hồ, chẳng thấy tiệc đâu, họ đứng lên, ra cửa bắt tay cô dâu chú rể nói: "Congratulations! Bye bye!" rồi họ đi ra.

Trong một tiệc cưới khác, một vị khách trẻ tuổi, sau 2 giờ chờ đợi chưa thấy tiệc bắt đầu, bèn chạy sang tiệm bên cạnh mua một cái hamburger đem về bàn thần nhiên ngồi ăn.



Tình trạng chờ đợi lâu còn đáng ngại hơn đối với các vị khách lớn tuổi và sức khoẻ yếu kém. Có những cụ ông, cụ bà vì thương con thương cháu hoặc vì nề nang chỗ thân tình, không đi dự tiệc không được, mà đi thì phải ngồi tại bàn tiệc 5, 6 tiếng đồng hồ, đã có một cụ già bị ngồi lâu quá xlu ngay tại bàn tiệc!

Có người đã có sáng kiến ghi vào thiệp mời hàng chữ "Chúng tôi sẽ khai mạc đúng giờ", dùng bút màu tô lên để khách phải chú ý, nhưng cũng chỉ có đôi đám thành công là khai mạc chỉ trễ nửa giờ, còn một số khác đến giờ khai mạc chỉ có một phần ba khách hiện diện nên cũng đành chờ cho đến khi có nửa số bàn hiện diện mới dám khai mạc.

Cũng có người đề nghị các gia chủ cứ theo đúng nguyên tắc, khai mạc đúng giờ, khách sẽ bỏ thói quen đến trễ. Nói thì dễ, làm thì khó: chủ nhân nào cũng nghĩ rằng đời người cưới xin chỉ có một lần mà đem nguyên tắc áp dụng với khách của mình thì quả là không ai dám làm. Để khách chờ đợi lâu là một điều khổ tâm, nhưng chủ nhân nào cũng đành tự nhủ: "Thôi, ai sao mình vậy" và... rón chờ!

NHỮNG GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ

Nếu chúng ta không cùng nhau cố gắng cải thiện, thói quen trễ giờ này cứ tiếp diễn thì đám cưới Việt Nam không những sẽ mất đi những ý nghĩa cao đẹp, những nét phong phú cổ truyền mà còn có người đã hơi quá lời cho rằng đám cưới dần dần trở thành một "tệ nạn" trong cộng đồng Việt Nam.

Khuyết điểm xảy ra không phải lỗi tại khách mà cũng không phải lỗi tại chủ, vậy chỉ cần thiện chí của hai bên. Người viết xin có những đề nghị sau đây:

a. Phía chủ

Người tổ chức bữa tiệc phải thận trọng khi ghi giờ vào thiệp mời, bỏ tục "trừ bì, trừ hao", đừng ghi sớm hơn giờ dự định, mời khách lúc 4 giờ chiều để hy vọng khai mạc lúc 6 giờ tối là vô lý, không thực tế, và tội cho người đến đúng giờ. Hãy nghiên cứu xem ngày tổ chức bữa tiệc, mặt trời lặn vào mấy giờ; giờ khách đến tốt nhất là lúc trời sắp tối: khi thấy trời bắt đầu tối, khách nào bận hoặc hay quên tới đâu cũng nhớ ra là đã đến lúc nên đi dự tiệc, không thể trễ hơn được nữa.

Thiệp mời thường phải in từ mấy tháng trước ngày bữa tiệc diễn ra. Khi in thiệp, người tổ chức chỉ nghĩ đến giờ giấc và thời tiết lúc in, không hề nghĩ ra là mấy tháng sau đó thời tiết thay đổi rất nhiều, chỉ trong vài tháng, giờ mặt trời lặn khác nhau cả 3 tiếng đồng hồ, vậy giờ mời lúc đó có thể trễ quá hoặc sớm quá, do đó sẽ gây trở ngại rất nhiều cho khách cũng như chủ.

Nếu khéo ấn định giờ, sẽ có đông khách đến đúng giờ. Lẽ dĩ nhiên khi thấy số khách đã đông thì phải khai mạc đúng giờ, không nên vì lý do này khác mà trì hoãn,

không nên vì một người nào đó, dù là quan trọng, mà bắt tất cả số đông mọi người phải chờ.

Chủ cũng phải hết sức tránh những sơ sót có thể gây chậm trễ giờ khai mạc, chẳng hạn những nhân vật chủ chốt trong bữa tiệc chưa tới, có đâu quên bộ áo đẹp nhất, ông chủ hôn để quên bài diễn văn ở nhà đang sai người về kiểm, nhà hàng chưa sửa soạn xong thức ăn và hàng trăm lý do "vì, tại, bởi" lăm lăm khác, làm nản lòng những người thiện chí tôn trọng giờ giấc.

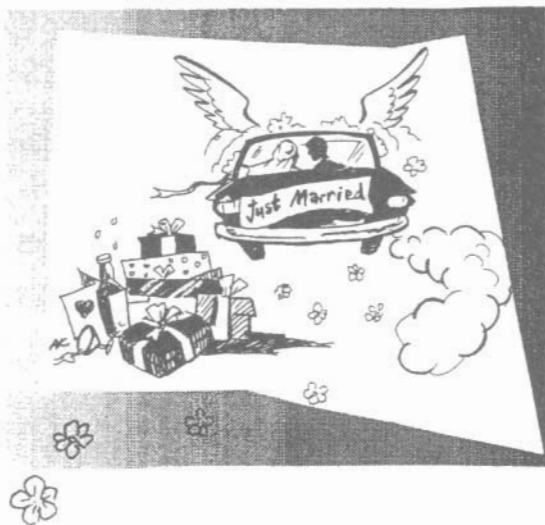
Khi đến giờ mà thấy số khách đã quá nửa, thì nên khai mạc càng sớm càng tốt. Cần chuẩn bị trước để có người đón bàn bằng cách khéo léo lịch sự mời khách ngồi vào những bàn còn trống chỗ.

Nói chung, gia chủ cần phải đặt ưu tiên vấn đề tôn trọng thì giờ của khách mời. Ở một xứ mà thì giờ quý hơn tiền bạc này, khách đã có lòng đến dự tiệc mà gia chủ, chỉ vì một người nào đó, bắt tất cả mọi người phải chờ đợi thì thật là bất nhã vô cùng.

b. Phía khách

Để xóa bỏ hủ tục trễ giờ, khách cũng cần đóng góp nhiều thiện chí. Khi đã có lòng nhận lời dự tiệc, nếu không đến sớm hơn như hầu hết khách ngoại quốc vẫn làm, thì cũng nên cố gắng đến đúng giờ (trừ trường hợp bất khả kháng). Nếu nhiều người đến đúng giờ, đương nhiên gia chủ sẽ khai mạc đúng giờ, *gia chủ nào cũng mong như thế*. Nếu lần này phải chờ lâu thì cũng không nên vì lý do mà đến dự bữa tiệc khác trễ hơn. Nếu mọi người đều có thiện chí hy sinh như vậy, người viết nghĩ rằng chỉ một thời gian sau, những người đi trễ sẽ cảm thấy ngượng ngập khi thấy mọi người đã ăn uống từ lâu trước khi mình đến. Và họ sẽ len lén im lặng đi vào tìm bất cứ một góc nào có thể ngồi được, không dám phàn nàn trách móc về chỗ ngồi không ưng ý...

(theo Đỗ Hữu Thuận)



1. Đọc các câu tục ngữ sau đây:

- 1.1 Uống nước nhớ nguồn.
- 1.2 Đói cho sạch, rách cho thơm.
- 1.3 Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng.



1.4 Có qua có lại mới toại lòng nhau.

1.5 Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

1.6 Yêu nên tốt, ghét nên xấu.



1.7 Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

1.8 Con sâu làm rầu nồi canh.

1.9 Đi cho biết đó biết đây
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.



2. Viết lại các câu tục ngữ trên theo từng nội dung sau đây:

2.1 luận lý:

.....
.....

2.2 cách xử thế:

.....
.....

2.3 sự khôn ngoan ở đời:

.....
.....

2.4 kinh nghiệm thường thức:

.....
.....

3. Đọc 2 bài sau đây:

VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU

Văn chương truyền khẩu là văn chương do dân gian sáng tác và truyền tụng bằng cách ngâm, đọc hoặc kể cho nhau nghe từ đời này sang đời khác. Về sau, khi đã có chữ viết hoặc khi trình độ văn hoá phát triển cao, các học giả mới sưu tầm và ghi chép vào sách vở.

Văn chương truyền khẩu bao gồm nhiều thể loại: tục ngữ, ca dao, dân ca, câu đố, vè và truyện. Truyện có nhiều loại: thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn và truyện cười.

Dưới hình thức nào, văn chương truyền khẩu cũng đều mang một số đặc điểm giống nhau. Thứ nhất là tính chất tập thể, nghĩa là do nhiều người sáng tác, sửa chữa, thêm thắt và truyền bá. Thứ hai là tính chất biến dị, nghĩa là có thể có nhiều sự khác biệt trong văn bản do việc sửa chữa, thêm thắt của dân gian. Thứ ba là tính chất phổ quát: văn chương truyền khẩu không bày tỏ tâm sự



hoặc nhận thức của một ai cụ thể cả. Nó thường chung chung. Truyện dân gian thường bắt đầu bằng những câu mơ hồ như: "Ngày xưa, ngày xưa, ở một làng nọ, có một người nọ...". Ca dao cũng vậy. Những câu như "Chiều chiếu ra đứng ngõ sau" hoặc "Đêm qua tát nước đầu đình" đều có tính chất quy ước, không ám chỉ một buổi chiều, một buổi tối hoặc một con ngõ, một đầu đình nào cụ thể, nhất định.

Nhờ tính chất phổ quát ấy, văn chương truyền khẩu dễ được phổ biến. Mọi người đều có thể tìm thấy trong văn chương truyền khẩu những sự đồng cảm sâu xa. Và cũng nhờ thế, khi đọc lại văn chương truyền khẩu, chúng ta không những học được nhiều kinh nghiệm quý báu mà còn hiểu được tâm tư, tình cảm và phong tục của người xưa.

TỤC NGỮ

Tục ngữ là những câu nói ngắn gọn, đầy đủ ý nghĩa, được lưu hành trong dân gian từ xưa đến nay.

Tục ngữ khác thành ngữ ở chỗ: trong khi thành ngữ chỉ là một nhóm từ, một phần của câu nói, tục ngữ là một câu nói hoàn chỉnh và độc lập. "Con ông, cháu cha", "ăn trên, ngồi trước", "nhát như thỏ", "nghèo rớt mồng tơi"... là thành ngữ. Khi sử dụng thành ngữ trong lời nói hoặc trong văn viết, chúng ta phải thêm vào một số từ khác, chúng mới thành một câu. Ví dụ: "Anh ấy nhát như thỏ đế", "Chị ấy ở hiền gặp lành". Còn tục ngữ, ngược lại, tự chúng đã đầy đủ ý nghĩa. "Có tật giật mình", "Một câu nhện, chín câu lành", "Lá lành đùm lá rách"... là tục ngữ.

Tục ngữ là sự đúc kết kinh nghiệm sống, làm việc của người dân qua nhiều thế hệ. Nội dung của tục ngữ rất đa dạng. Có khi là một nhận xét về thời tiết, về khí tượng, ví dụ: "Quá mù sa mưa". Có khi là một nhận xét về kinh nghiệm trồng trọt, ví dụ: "Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa". Có khi là một nhận xét về cách sống, ví dụ: "Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm" v.v...

Chính vì thế, tục ngữ được coi là một kho tàng quý báu về tri thức, về kinh nghiệm xử thế mà người xưa truyền lại cho các thế hệ sau này.



4. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

2.1	<i>scholar</i>	:	sưu tầm
2.2	<i>to create</i>	:	đời / thế hệ
2.3	<i>generation</i>	:	tính chất phổ quát
2.4	<i>characteristic</i>	:	kinh nghiệm
2.5	<i>myth</i>	:	thần thoại
2.6	<i>legend</i>	:	sáng tác
2.7	<i>universality</i>	:	đặc điểm
2.8	<i>fairy tale</i>	:	phong tục
2.9	<i>to collect</i>	:	học giả
2.10	<i>experience</i>	:	truyện cổ tích
2.11	<i>customs</i>	:	truyền thuyết

5. Những lời phát biểu sau đây là đúng hay sai? (Đ / S)

	Đ	S
5.1 Văn chương truyền khẩu là loại văn chương được truyền từ miệng người này qua người khác từ xưa đến nay.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2 Người ta đã sáng tác văn chương truyền khẩu bằng cách viết ra trước khi cho truyền đi khắp nơi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.3 Truyện cười, truyện thần thoại không phải là loại văn chương truyền khẩu.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.4 Văn chương truyền khẩu do nhiều người sáng tác.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.5 Tục ngữ là một câu nói hoàn chỉnh.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.6 Tục ngữ chỉ khuyên răn người ta cách sống ở đời mà thôi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.7 Tục ngữ thể hiện nhiều khía cạnh của đời sống dân ta.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.8 "Lên voi xuống chó", "Được voi đòi tiên" là những câu tục ngữ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

6. Từng nhóm 4 đến 6 học sinh đọc và thảo luận về bài sau đây:

CA DAO

ĐỊNH NGHĨA

Ca dao là những bài hát ngắn, có vần có điệu do dân gian sáng tác và truyền tụng.

ĐẶC ĐIỂM

Với cách định nghĩa trên, chúng ta thấy ngay mối quan hệ mật thiết giữa ca dao và dân ca. Có thể nói ca dao được hình thành từ dân ca. Khi nói đến ca dao, chúng ta nghĩ đến lời ca. Khi nói đến dân ca, chúng ta nghĩ đến cả nhạc điệu và những thể thức hát nhất định. Tuy nhiên, về sau, dần dần, ca dao không chỉ được hát mà còn được ngâm hoặc được đọc. Do đó, mối quan hệ giữa ca dao và dân ca càng xa dần. Ca dao trở thành một thể thơ truyền khẩu của dân gian với những đặc điểm riêng về nghệ thuật và phong cách.

Ca dao cũng khác tục ngữ. Tục ngữ thiên về lý trí trong khi ca dao thường thiên về việc bộc lộ tình cảm: tình cảm giữa trai gái, giữa vợ chồng, giữa anh em, làng xóm, hoặc tình cảm của con người đối với thiên nhiên, đất nước nói chung.

HÌNH THỨC

Ca dao thường được sáng tác theo các cách thức sau:

- a. theo cách nói lối (tức là mỗi câu 4 chữ)

*Lạy trời mưa xuống
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cày
Lấy cấy bát cơm.*

- b. theo lối thơ lục bát (tức là câu trên 6 chữ, câu dưới 8 chữ)

*Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng.*

- c. theo lối lục bát biến thể (tức là không đặt liền tục cứ một câu 6, một câu 8)

*Công anh đắp nắm trồng chanh
Chẳng được ăn quả vin cành cho cam.*



*Xin đừng ra Bắc đạ Nam
Nhất nhật bất kiến như tam thu hế! (1)
Hưởng tam thu như bất kiến hế.*

- d. theo lối song thất lục bát (2 câu 7, 1 câu 6, 1 câu 8 chữ)

*Bác mẹ già phơ phơ đầu bạc
Con chàng còn trứng nước thơ ngây.
Có hay chàng ở đâu đây
Thiếp xin mượn cánh chấp bay theo cùng.*

- đ. theo lối lục bát song thất (1 câu 6, 1 câu 8 và 2 câu 7 chữ)

*Nhớ anh lời cũng muốn vô
Sợ trướng nhà Hồ, sợ phá Tam giang.
Phá Tam giang ngày rầy đã cạn
Trướng nhà Hồ, Nội tán cấm nghiêm. (2)*

- e. theo lối hỗn hợp (tức là gồm 2 hay 3 cách thức trên)

*Cầu trời khẩn Bụt
Cho tóc mai dài
Bao giờ tóc chấm ngang vai
Thì ta kết nghĩa làm hai vợ chồng.*



NỘI DUNG

Nội dung ca dao rất phong phú: ca dao diễn tả đầy đủ về con người, về sinh hoạt của xã hội và về lịch sử, địa lý của đất nước ta.

- a. Về con người thì nói đến những điều luân lý, giáo dục, tâm lý, tình cảm, thói hư tật xấu...

- luân lý:

*Làm người phải biết cương thường
Xem trong ngũ đẳng, quân vương ở đầu. (3)*

-
- (1) Dịch nghĩa: Một ngày không gặp nhau dài như ba mùa thu (ý nói ba năm).
- (2) Nhắc đến việc ông quan Nội tán Nguyễn Đăng Khoa đẹp yên được giặc cướp ở vùng T.ướng nhà Hồ thời vua Nguyễn Hiếu Tôn.
- (3) Ngũ đẳng: năm quan hệ xã hội được đề cao theo quan niệm Nho học: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè.

- giáo dục:

*Thờ cha kính mẹ trước sau
Anh em hòa thuận mới hầu làm nên.*

- tâm lý:

*Thế gian chuộng của chuộng công
Nào ai có chuộng người không bao giờ.*

- tình cảm:

*Qua đình ghé nón trông đình
Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu.*

- thói hư tật xấu:

*Có mới thì nơi cũ ra
Mới ở trong nhà cũ để ngoài sân.*

b. Về sinh hoạt của xã hội thì nói đến phong tục, tập quán, nghề nghiệp, thói mê tín dị đoan và gia chánh.

- phong tục:

*Trường nam nào có gì đâu
Một trăm cái giỗ, đổ đầu trường nam.*

- tập quán:

*Có cưới mà chẳng có cheo
Nhân duyên trắc trở như kèo không chân.*

- nghề nghiệp:

*Làm ruộng lấy lúa, chăn tằm lấy tơ,
Tằm có lứa ruộng có mùa.
Chăm làm, Trời cũng có khi đến bù.*

- thói mê tín dị đoan:

*Chập chập rồi lại cheng cheng
Con gà trống hiến để riêng cho thấy.*

- gia chánh:

*Con gà cục tác lá chanh
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi.*



c. Về lịch sử, địa lý:

- lịch sử:

Tiết thay cây quế giữa rừng

Để cho thành Mán, thẳng Mường nó leo.

(cây quế là một thứ cây quý, ở đây chỉ Huyền Trân Công Chúa)

- địa lý:

Đống Đàng có phố Kỳ Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.

KẾT LUẬN

Nhờ có giá trị nghệ thuật cao lại thể hiện được tâm tình của dân chúng, ca dao vẫn tiếp tục được truyền từ đời này sang đời khác. Trước đây, ở Việt Nam, các bà mẹ thường ru con ngủ bằng cách đọc ca dao. Khi nói chuyện hoặc khi viết văn, người ta cũng có thói quen trích vài câu ca dao cho lời nói hoặc bài viết trở thành nhẹ nhàng và thơ mộng.

7. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau:

A : *Ca dao là gì?*

B :

A : *Kể ra sự khác biệt giữa ca dao và dân ca.*

B :

A : *Kể ra sự khác biệt giữa ca dao và tục ngữ.*

B :

A : *Nêu một vài câu ca dao nói về tình cảm.*

B :

A : *Nêu một vài câu ca dao ở thể lục bát.*

B :

8. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: giá trị, nhân quả, truyền tụng, giáo dục, tưởng tượng, đời xưa, lưu truyền, số lượng, phong phú.

TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyện cổ tích là tên gọi chung chỉ tất cả các chuyện kể do dân chúng sáng tác và

Truyện cổ tích bao gồm nhiều loại: truyện về động vật, về thần tiên và về các sinh hoạt xã hội. Dù kể về việc gì, truyện cổ tích bao giờ cũng là sản phẩm của trí Nghe hoặc đọc truyện cổ tích, chúng ta thích thú và kinh ngạc trước sức tưởng tượng và kỳ diệu của cha ông. Nhưng truyện cổ tích không phải chỉ có tác dụng thoả mãn óc tò mò của con người mà còn có tác dụng rất lớn. Hầu như truyện cổ tích nào cũng nhằm đến việc nhắc nhở người ta phải sống có tình có nghĩa, có trước có sau. Tư tưởng phổ biến nhất trong các truyện cổ tích Việt Nam là luật Có thể tóm tắt luật này như sau: người nào ở hiền thì gặp lành; người nào ở ác thì gặp dữ.

Hiểu được lớn lao của truyện cổ tích, cha ông chúng ta, ngay từ xưa, đã cố gắng sưu tầm các truyện cổ tích được rải rác trong dân gian để biên soạn thành sách. Sau này, rất nhiều nhà nghiên cứu vẫn tiếp tục công việc quan trọng đó. Nhờ thế, truyện cổ tích chúng ta có hiện nay khá nhiều.



9. Đọc và kể lại một trong hai truyện cổ tích sau đây:

LẠC LONG QUÂN VÀ ÂU CƠ

Tục truyền, ngày xưa, xưa lắm, Kinh Dương Vương, vua của nước Xích Quỷ, lấy con gái của thần Động Đình Hồ, tên Long Nữ. Hai người sinh được một người con trai, tên là Sùng Lãm, hiệu là Lạc Long Quân.

Lạc Long Quân khoẻ mạnh, bơi giỏi, thông minh và mưu trí vô cùng. Nối nghiệp cha, Lạc Long Quân cai quản đất Lạc Việt. Thuở ấy, đất Lạc Việt còn hoang vu, hiểm trở, rất nhiều quái vật, dân chúng chịu rất nhiều khốn đốn. Dần dần, bằng sự dũng

cảm và tài trí của mình, Lạc Long Quân tiêu diệt hết tất cả các quái vật ấy. Rồi Lạc Long Quân lại dạy cho dân chúng biết cách trồng trọt, nấu cơm, đốn gỗ làm nhà sàn.

Sau, Lạc Long Quân lấy Âu Cơ, con gái của Đế Lai. Hai người ở với nhau một thời gian, Âu Cơ có thai và sinh được một cái bọc lớn. Bảy ngày sau, bọc nở ra một trăm cái trứng, mỗi trứng nở thành một người con trai.

Mặc dù có vợ con nhưng Lạc Long Quân thường về ở với mẹ dưới thủy cung nên vắng nhà mãi. Khi Âu Cơ trách, Lạc Long Quân đáp: "Ta thuộc nòi Rồng còn nàng thì thuộc giống Tiên, kẻ ở dưới nước, người ở trên cạn, khó sống với nhau được lâu dài. Bây giờ ta chia nhau: Nàng đem 50 con lên núi, ta đem 50 con xuống biển. Khi nào cần thì báo cho nhau biết để cứu nhau".

Từ đấy, họ chia tay nhau, đi khắp nơi và thành Tổ tiên của người Bách Việt. Người con trưởng ở Phong Châu trở thành vua Hùng của nước Văn Lang. Dân ta tự nhận là nòi giống Rồng Tiên và tôn Hùng Vương làm thủy tổ chính là do sự tích này.



THÁNH GIÓNG

Vào thời Hùng Vương, có một người phụ nữ đã tuổi sống độc thân. Một buổi sáng đi làm ruộng, bà kinh hãi nhìn thấy một dấu chân khổng lồ trên ruộng của bà. Tò mò, bà ước thử bàn chân của mình vào dấu chân ấy. Bỗng bà rùng mình. Từ đó bà mang thai.

Hơn chín tháng sau, bà sinh được một người con trai bụ bẫm và đặt tên là Gióng. Gióng chóng lớn, nhưng lạ một điều là, đến ba tuổi, vẫn cứ nằm hoài, không bò, không lật, không cười, không nói gì cả. Bà rất buồn và lo cho con.

Một hôm, giặc Ân kéo quân sang đánh nước ta. Quân vua Hùng chống cự không nổi. Nhà Vua lo lắng, cho sứ giả đi khắp nơi tìm những người tài giỏi ra giúp nước, chống ngoại xâm.

Khi sứ giả đến làng, mẹ Gióng đang ru con, nói đùa:

- Con ơi! Sao con chậm lớn, chậm khôn quá vậy, bao giờ mới giúp nước được?

Gióng bỗng nhìn mẹ, bật ra tiếng:

- Mẹ cho gọi sứ giả vào đây!

Bà mẹ ngạc nhiên, ra mời sứ giả. Sứ giả thấy đứa bé còn nằm trong nôi, cũng rất ngạc nhiên, hỏi:

- Mà còn bé thế, định mời ta vào đây làm gì?

Gióng trả lời chững chạc:

- Vế bảo với Vua đúc cho ta một con ngựa sắt, một thanh gươm sắt, một giáp sắt và một nón sắt, ta sẽ đánh tan giặc dữ cho xem!

Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về triều báo tin cho vua hay Mừng rỡ, vua Hùng liền cho lính làm ngay những thứ Gióng bảo. Thứ gì cũng nặng trĩu. Vua phải cho hàng ngàn quân lính chở đến cho Gióng.

Khi nghe tin quân lính sang kéo ngựa sắt đến làng, mẹ Gióng rất lo, bảo Gióng:

- Con ơi, Lính sắp đến kia! Con làm sao bây giờ!

Gióng vụt ngồi dậy, bảo mẹ:

- Mẹ đừng lo. Con sẽ trừ giặc được mà. Nhưng mẹ phải cho con ăn thật nhiều mới được.

Bà mẹ vội nấu cơm cho Gióng ăn. Nấu xong nồi nào, Gióng ăn ngay nồi ấy. Bà mẹ nấu không kịp, cả làng xúm vào giúp. Cứ ăn xong một nồi cơm, Gióng lại lớn lên một chút. Càng ăn, Gióng càng lớn. Chẳng mấy chốc, đầu Gióng đã cao đụng đến nóc nhà. Vừa lúc ấy, quân lính kéo ngựa sắt đến. Gióng bước ra, mặc giáp sắt, đội nón sắt, tay cầm gươm sắt múa quanh mấy vòng. Sau khi từ biệt mẹ và người làng, Gióng nhảy lên lưng ngựa sắt. Ngựa sắt bỗng chồm lên, phun lửa đỏ rực, rồi phi như bay. Xông thẳng vào đồn giặc, Gióng vung gươm như sét đánh, không ai chống cự nổi. Gươm gãy, Gióng nhổ cả bụi tre hai bên đường quật vào quân giặc. Cuối cùng, giặc tan. Lúc bấy giờ, ngựa của Gióng đã đến chân núi Sóc Sơn. Gióng bèn bỏ nón lại, rồi cả người lẫn ngựa bay thẳng lên trời.

Sau khi thắng trận, để nhớ ơn người anh hùng, Hùng Vương cho lập đền thờ Gióng ở làng quê, phong Gióng làm Phù Đổng Thiên Vương.



10. Đọc lời bình giảng bài ca dao sau đây và trình bày lại trước lớp:

Hôm qua tát nước đầu đình
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin
Hay là em để làm tin trong nhà.
Áo anh sứt chỉ đường tà
Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu.
Áo anh sứt chỉ đã lâu
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công
Mai một lấy chồng anh sẽ giúp cho.
Giúp em một thùng xôi vò
Một con lợn béo, một vò rượu tăm.
Giúp em đôi chiếu em nằm
Đôi chân em đắp, đôi tầm em đeo.
Giúp em quần tám tiền cheo
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.



10.1 Đại ý:

Để tỏ tình với người con gái, người con trai mượn chuyện bỏ quên cái áo để nói đến tình cảnh của mình. Từ đó gợi đến chuyện nhân duyên bằng cách mượn người con gái khâu áo và hứa hẹn trả công bằng những lễ vật đám cưới.

10.2 Bố cục:

Bài ca dao trên được chia làm 3 đoạn:

- đoạn 1 (từ câu 1 đến câu 4): Người con trai nói đến việc bỏ quên cái áo để gợi chuyện với người con gái.
- đoạn 2 (từ câu 4 đến câu 8): Ý nói bóng gió mượn người con gái về khâu áo và cũng để tỏ bày tình cảnh gia đình của mình: vợ chưa có còn mẹ thì đã già.
- đoạn 3 (từ câu 8 đến câu 16): Đoạn này nói lên lời hứa hẹn trả công nhưng thật ra là nói đến lễ vật của một đám cưới tương lai.

10.3 Bình giảng:

Câu chuyện bắt đầu rất tự nhiên. Làm việc để quên áo là một việc rất bình thường. Người con trai nhắc đến chuyện đó như một việc tình cờ. Nhưng xưa nay, phần nhiều cũng chỉ vì tình cờ mà bao nhiêu cuộc tình duyên được xây đắp.

Nhắc đến cái áo để gợi chuyện cũng là một dụng ý khéo léo: săn sóc áo anh cũng chẳng khác nào săn sóc đến anh vậy! Nhiều câu hát phong tình thường lấy cái áo làm đầu để cho cuộc tình duyên cũng vì lẽ ấy.



*Thương nhau cởi áo cho nhau
Về nhà mẹ hỏi qua cầu gió bay.*

(Ca dao)

Bắt đầu một cách xa xôi, người con trai không nói rõ ý định một cách đột ngột mà chỉ tiến dần dần đến câu chuyện rất khó nói là chuyện cưới xin. Đó là chiến thuật bóng gió xa xôi của một người con trai khi muốn tỏ tình với người con gái. Trong câu "Em được thì cho anh xin", ý chỉ mới thoáng hiện. Đến câu "Vợ anh chưa có..." thì ý đã bắt đầu hơi rõ. Với câu "Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng", ý lại càng rõ hơn. Bắt đầu từ câu 11, sự che đậy chỉ còn là một cái cớ để trừu tượng: đồ giúp cưới chính là đồ để dẫn cưới, và người giúp cưới lại là chú rể.

Ý định tỏ tình một cách khéo léo được thấy rõ trong cách xưng hô: khi thì gọi nàng bằng *em* một cách đầm thắm, khi thì gọi là *cô* một cách khách sáo hóm hỉnh.

Ngôn ngữ bài ca dao giản dị, dễ hiểu nhưng đầm thắm, phù hợp với tâm trạng của một thanh niên đang yêu.

11. Từng học sinh đọc và bình giảng bài ca dao sau đây:

*Làm trai quyết chí tu thân
Công danh chớ vội, nợ nần chớ lo.
Khi nên trời giúp công cho
Làm trai năm liệu, bầy lo môi hào.
Trời sinh, trời chẳng phụ nào
Công danh gặp hội anh hào ra tay.
Trí khôn rắp để dạ này
Có công mài sắt, có ngày nên kim.*



12. Viết chính tả bài sau đây:

Làm trai nết đù trăm đường
Trước tiên điếu Hiếu, đạo thường xưa nay.
Công cha, đức mẹ cao dày
Cứu mang trứng nước những ngày ngày thơ.
Nuôi con khó nhọc đến giờ
Trưởng thành, con phải biết thờ hai thân.
Thức khuya, dậy sớm chuyên cần
Quạt nóng, ấp lạnh giữ phần đạo con.

13. Dựa vào bài viết sau đây, từng nhóm 4 đến 6 học sinh thảo luận về thể thơ lục bát.

THƠ LỤC BÁT

13.1 Định nghĩa:

Thơ lục bát (Sáu, Tám) là thể thơ có yêu vận, đặc biệt của Việt Nam, dài ngắn bao nhiêu cũng được, cứ lần lượt hết một câu 6 chữ đến một câu 8 chữ. Bài thơ bao giờ cũng phải bắt đầu bằng câu 6 chữ và kết thúc bằng câu 8 chữ.

13.2 Cách gieo vần:

Chỉ gieo vần *bằng* (không dấu hay có dấu huyền). Chữ cuối câu 6 chữ vần với chữ thứ 6 của câu 8 chữ. Rồi chữ cuối của câu 8 chữ này vần với chữ thứ 6 của câu dưới nữa..., và cứ thế liên tục mãi (Xem thí dụ ở đoạn 13.5 nói về vận hay vần).

13.3 Âm:

Tiếng Việt Nam là thứ tiếng đơn âm nghĩa là mỗi phát âm đủ thành một tiếng.

13.4 Thanh:

Mỗi âm có hai thanh chính:

- bình thanh*** là những tiếng có thanh *bằng*, đọc lên nghe nhẹ nhàng gồm những chữ *không có dấu* (thí dụ: tôi, ta) hoặc *có dấu huyền* (thí dụ: tôi, tà, lờ, mờ).
- trắc thanh*** là những tiếng có thanh *trắc*, đọc lên nghe trúc trắc, gồm những chữ *có dấu sắc, dấu nặng, dấu hỏi hay dấu ngã* (thí dụ: mớ, mợ, mỗ, mỗ).

13.5 Vận hay vần:

Có thanh *bằng* và thanh *trắc* nên vần thơ cũng có vần *bằng* và vần *trắc*.

- a. **yêu vận** hay **vấn lưng** là vần gieo ở *giữa* câu.
 b. **cước vận** hay **vấn chân** là vần gieo ở *cuối* câu.

Thí dụ: - Thành tây có cảnh **Bích cầu** (cước vận)
 Cỏ hoa góp lại một **bầu** (yêu vận) xinh **sao** (cước vận)
 - Đua chen thu cúc **xuân đào** (cước vận)
 Lựu phun lửa hạ, mai **chào** (yêu vận) gió **đông** (cước vận).
 (Bích Câu Kỳ Ngộ)

- **bầu** và **chào** là yêu vận (vấn lưng).
 - **cầu, sao, đào, đông** là cước vận (vấn chân).
- Những vần trên đây đều là vần bằng.

13.6 Luật bằng trắc:

Thơ lục bát bắt đầu bằng chữ có thanh bằng. Thí dụ:

1	2	3	4	5	6	7	8
<i>Đường</i>	<i>vô</i>	<i>xứ</i>	<i>Nghệ</i>	<i>quanh</i>	<i>quanh</i>		
B	B	T	T	B	B		
<i>Non</i>	<i>xanh</i>	<i>nước</i>	<i>biếc</i>	<i>như</i>	<i>tranh</i>	<i>họa</i>	<i>đó.</i>
B	B	T	T	B	B	T	B

- Ở câu lục (6 chữ), chữ thứ 3, 4 là trắc và số còn lại là bằng.
- Ở câu bát (8 chữ), chữ thứ 3, 4 và 7 là trắc và số còn lại là bằng.

* *Chú ý:*

- Nếu không kể hai chữ thứ 7 và 8 ở câu bát (8 chữ) thì luật bằng trắc ở câu 8 chữ này cũng y như ở câu 6 chữ.
- Trong câu bát thì chữ thứ 6 và 8 đều là tiếng *bằng*, nhưng không được cùng một *thanh*, nghĩa là nếu chữ thứ 6 không có dấu thì chữ thứ 8 có dấu huyền.
 Thí dụ: ở câu 8 chữ trên đây: chữ *tranh* không có dấu thì chữ *đó* có dấu huyền.
 Và ngược lại, nếu chữ thứ 6 có dấu huyền thì chữ thứ 8 không có dấu.
 Thí dụ: Gà cùng một mẹ chớ *hoài đá nhau*.

13.7 Lệ bất luận:

Làm thơ theo đúng luật thanh âm rất khó nên từ xưa đã có lệ bất luận, nghĩa là không bắt buộc phải theo đúng luật bằng trắc ở một số chữ trong câu.

Ở thể thơ lục bát, các chữ số lẻ đều bất luận, nghĩa là:

- câu lục (6 chữ) được bất luận ở những chữ thứ **nhất, ba, năm** nên gọi là *Nhất, Tam, Ngũ bất luận*.
- câu bát (8 chữ) được bất luận ở những chữ thứ **nhất, ba, năm, bảy** nên gọi là *Nhất, Tam, Ngũ, Thất bất luận*.

Thí dụ:

1 2 3 4 5 6 7 8
Lấy chóng mà chẳng có con
Cũng bằng hoa nở trên non một mình.

- Những chữ in đậm đều bất luận.
- Tuy nhiên, khi nào câu 6 chữ chia làm hai đoạn rõ rệt thì chữ thứ nhì có thể đổi ra trắc được.

Thí dụ:

- *Người yếu điệu, khách thanh tao.*
- *Khi gió mát, lúc trăng trong.*

(Bích Câu Kỳ Ngộ)

13.8 Lục bát biến thể:

Thơ lục bát biến thể thường có xen một số câu mà cách gieo vần và luật bằng trắc bị biến đổi. Thí dụ:

1 2 3 4 5 6 7 8
Đầu thời đội nón cổ may
Mặt võ mình gầy đọc sách giờ lâu. (Truyện Lý Công)

- Cách gieo vần biến đổi:** Chữ cuối câu lục (6 chữ) vần với chữ thứ tư câu bát (8 chữ) tức là yêu vận đáng lẽ ở chữ thứ sáu lại ở chữ thứ tư.
- Luật bằng trắc biến đổi:** Vì yêu vận đổi chỗ nên luật bằng trắc cũng biến đổi.

14. Viết lại 4 câu lục ngũ hoặc ca dao làm theo thể lục bát mà em biết.

14.1

14.2

14.3

14.4

16. Đọc và ghi lại những điểm chính sau đó trình bày trước lớp bài sau đây:

GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU

Giá trị của văn chương truyền khẩu có thể được xét trên ba phương diện: xã hội, văn hóa và văn học.

Về phương diện xã hội, văn chương truyền khẩu giúp chúng ta hiểu được nếp sống, cách sống của một dân tộc. Đọc ca dao, tục ngữ, chúng ta biết được phong tục, tập quán, những lễ hội ngày xưa.

Về phương diện văn hóa, văn chương truyền khẩu thể hiện tâm tình, nhận thức và cả thái độ của dân chúng đối với các vấn đề liên quan đến xã hội hoặc tình hình chính trị trong nước. Ví dụ, đọc truyện Trưng Quỳnh, chúng ta có thể thấy được sự bất mãn của dân chúng trong một giai đoạn lịch sử rối ren, hỗn loạn. Đọc tục ngữ, chúng ta thấy cha ông chúng ta trước đây đánh giá rất cao tư cách đạo đức: làm người phải sống có tình, có nghĩa.

Đọc câu ca dao:

*Nhong nhong ngựa ông đã về
Cắt cỏ Bến Đê cho ngựa ông ăn.*

Chúng ta hiểu được nỗi vui mừng của dân chúng khi thấy nghĩa quân của Lê Lợi về đóng tại Bến Đê (thuộc Gia Lâm) chuẩn bị tổng tấn công, chiếm lại thành Đông Quan (nay là Hà Nội).

Đọc câu ca dao:

*Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Con bé, con dất, con bống, con mang.*

Chúng ta hiểu được đời sống sung túc, ấm no dưới thời vua Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông. Kinh tế phát triển, đất nước hòa bình, gia đình nào cũng đông đúc con cháu.

Về phương diện văn học, nên nhớ là văn chương truyền khẩu xuất hiện rất lâu trước văn chương thành văn. Văn chương truyền khẩu có tác dụng rèn luyện ngôn ngữ dân tộc ngày một thêm tinh tế qua cách dùng chữ, đặt câu trong ca dao, tục ngữ, dân ca và vè. Văn chương truyền khẩu cũng hoàn chỉnh một số thể thơ đặc biệt của Việt Nam:



thể lục bát và song thất lục bát. Cả hai thể thơ này đều được dân chúng khám phá, thể nghiệm khi làm ca dao, sau đó được các nhà thơ tiếp nhận và sử dụng trong văn chương thành văn. Văn chương truyền khẩu còn có tác dụng khác nữa là góp phần nâng cao năng khiếu thẩm mỹ của dân tộc. Hát, ngâm hoặc đọc hoài những câu ca dao, dân ca giản dị mà trau chuốt, mọi người dần dần cảm nhận được cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ.

Cả ba giá trị trên hiện nay vẫn còn. Đọc văn chương truyền khẩu, chúng ta hiểu rõ hơn về quá khứ, về dân tộc, về tâm tư của dân chúng thời xưa và nay. Đọc văn chương truyền khẩu, chúng ta còn hiểu được sự phong phú và tinh tế của tiếng Việt.



• Sông Hương, Núi Ngự - Huế.

17. Cả lớp cùng nghe và hát nhạc phẩm "Cây trúc xinh" sau đây:

CÂY TRÚC XINH
THE PRETTY BAMBOO TREE
Le Joli Petit Bambou

Điệu Ca Cổ Truyền
 Traditional
 Chắp Duettoonal
 Adaptation: Phạm Duy
 Phạm Duy Cường



Lento

Am C

1. CÂY TRÚC XINH TANG TINH LÀ CÂY TRÚC
 LE PETIT BAMBOU EST JO LI QUAND IL EST PLANTE
 THE BAMBOO TREE IS VERY VERY PRETT--

G Am C A Dm 4

NOC QUA LỐI NƠ BẾN BỜ AO CHI HAI
 LÀ PRES D'UNE MA RE AU VIL LA MAIS MA
 WHEN GROW-ING BY THE POND BUT MY

Am C D A

XINH MI E TANG TINH LÀ CHI HAI ĐỪNG ĐỪNG NƠI NÀO QUA
 LOVE IS VERY VERY PRETT--Y A A AN--Y
 PRES D'UNE MARE SANS ETRE
 A A AN--Y

D A D A

LỐI XINH CÙNG XINH ĐỪNG ĐỪNG NƠI NÀO QUA
 PRES PRES D'UNE TANG PRES PRES D'UNE MA RE SANS E-TRE
 WHERE SHE MAY BE AN--Y WHERE AN--Y

D A A

LỐI XINH CÙNG XINH XINH
 PRES PRES D'UNE TANG OU
 WHERE SHE MAY BE ONE

CÂY TRÚC XINH

Dân ca cổ truyền - Phạm Duy sưu tập

1. Cây trúc xinh tang tình là cây trúc mọc
Qua lối nọ bên bờ ao
Chị Hai xinh tang tình là chị Hai đứng
Đứng nơi nào qua lối xinh cũng xinh... (2 lần)
2. Cây trúc xinh tang tình là cây trúc mọc
Qua lối nọ bên đình
Chị Hai xinh tang tình là chị Hai đứng
Đứng một mình qua lối xinh cũng xinh... (2 lần)



THE PRETTY BAMBOO TREE

Ancient folk song

Collected, arranged by Phạm Duy

1. *The bamboo tree is very, very pretty
When growing by the pond
But my love is very, very pretty
Anywhere, anywhere she may be... (repeat)*
2. *The bamboo tree is very, very pretty
When it grows by the temple
But my love is very, very pretty
Whenever, whenever she is alone... (repeat)*

TÔN GIÁO LỚN Ở VIỆT NAM

Main Religions in Vietnam

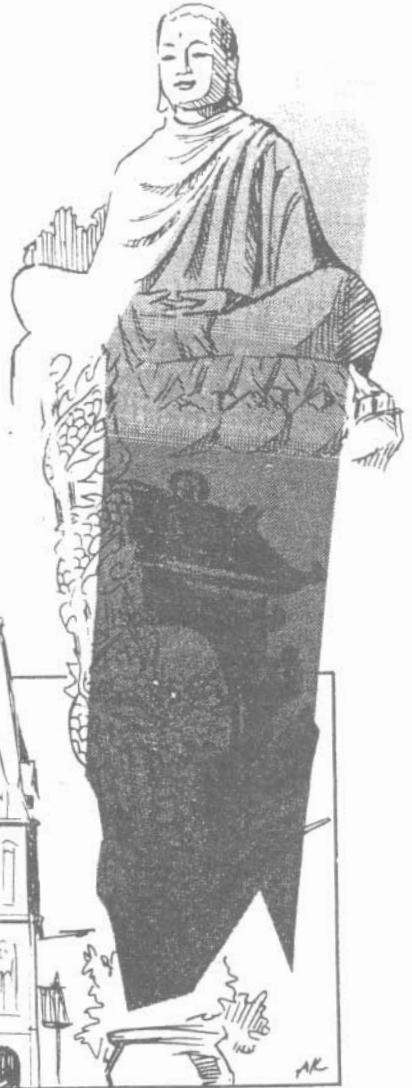
1. Đọc bài sau đây:

TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI VIỆT

Người Việt Nam theo nhiều tôn giáo khác nhau và đối với tôn giáo nào cũng tôn trọng và tin tưởng.

Sau hàng ngàn năm Bắc thuộc và vài trăm năm gần đây tiếp xúc với người Âu châu, hiện nay tại Việt Nam có nhiều tôn giáo lớn như Khổng giáo, Lão giáo, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Phật giáo Hòa Hảo v.v... Ngoài việc theo các tôn giáo kể trên, dân chúng Việt Nam còn thờ cúng tổ tiên, các vị anh hùng dân tộc v.v...

Đối với dân tộc Việt Nam thì đạo nào cũng dạy người ta làm điều tốt, tránh điều xấu. Vì thế, đạo nào cũng được tôn trọng như nhau và ai muốn theo đạo nào cũng được tự do tin theo.



2. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

2.1	<i>Chinese colonization</i>	:	anh hùng dân tộc
2.2	<i>to believe</i>	:	đạo Tin Lành
2.3	<i>religion</i>	:	thờ cúng
2.4	<i>national hero</i>	:	Lão giáo
2.5	<i>Taoism</i>	:	Bắc thuộc
2.6	<i>Protestantism</i>	:	tiếp xúc
2.7	<i>Confucianism</i>	:	Khổng giáo
2.8	<i>to respect</i>	:	tin tưởng
2.9	<i>to contact</i>	:	tín ngưỡng
2.10	<i>to worship</i>	:	kính trọng
2.11	<i>belief</i>	:	tôn giáo

3. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau:

A : *Thái độ của người Việt Nam đối với các tôn giáo như thế nào?*

B :

A : *Kể ra một vài tôn giáo lớn ở Việt Nam.*

B :

A : *Ngoài việc theo các tôn giáo, dân Việt còn thờ cúng ai?*

B :

A : *Tại sao tôn giáo nào cũng được người Việt tôn trọng như nhau?*

B :

4. Nghe và ghi lại những điểm chính trong các bài sau đây:

NHO GIÁO

Nho giáo hay Khổng giáo không phải do đức Khổng Tử sáng lập mà do Ngài phát huy và phổ biến. Nho giáo được dân Việt Nam tin theo ngay từ thời Bắc thuộc, tức là gần hai ngàn năm nay.

Theo Nho giáo thì con người cần phải có năm đức là: "Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín" để cư xử ở đời. Với căn bản luân lý này, khi đã trưởng thành, người ta còn phải cố gắng "tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ". Ngoài ra, người phụ nữ phải biết "tam tòng, tứ đức".

Nho giáo đã ảnh hưởng sâu xa đến đời sống của dân chúng và tạo thành phong tục của người Việt Nam. Mặc dù theo thời gian và đà tiến hóa của nhân loại, một vài điểm trong Nho giáo không còn hợp với xã hội ngày nay, nhưng nói chung Nho giáo vẫn còn được một số người yêu thích.

Để tôn thờ đức Khổng Tử, ở khắp nơi người ta đã xây dựng Văn Miếu. Tại Hà Nội, vua Lê Thánh Tông đã cho xây Văn Miếu tại xã Minh Giám, còn gọi tắt là Giám, để hàng năm, xuân thu hai lần, người ta làm lễ cúng tế đức Khổng Tử cùng các học trò xuất sắc của Ngài. Theo người xưa thì Văn Miếu là nơi duy trì đạo đức cho toàn thể mọi người trong nước.



LÃO GIÁO

Lão giáo do Lão Tử, họ Lý, tên Nhĩ, người Trung Hoa sáng lập, được truyền vào Việt Nam cùng với sự đô hộ của người Tàu. Đúng ra Lão Tử là một triết gia hơn là một giáo chủ.

Lão Tử soạn bộ Đạo đức kinh, ý tưởng rất cao, khiến người trí thức, sau khi tìm hiểu rồi, đâm ra chán đường danh lợi, chỉ thích hưởng sự an nhàn, tự do. Trái lại, giới bình dân thường hiểu lầm Lão giáo, rối tin vào những chuyện ma quỷ, thần tiên, huyền hoặc. Do đó, nhiều môn phái đã tìm cách lợi dụng lòng tin đó để lập điện, lập am vẽ bùa, bắt quỷ, trừ ma, trừ quỷ, lấy tiền...

Từ khi được truyền sang Việt Nam, Lão giáo đã có thời rất thịnh. Các vị vua đời nhà Lý đã dùng Tam giáo (Lão giáo, Nho giáo và Phật giáo) để ra đề thi cho các thí sinh. Ngày nay, tại Việt Nam, những biến thể sai lầm của Lão giáo đã sản xuất ra những thầy phù thủy, những ông đồng, bà đồng, với những điều mê tín dị đoan, phản khoa học, cần phải trừ bỏ...



PHẬT GIÁO

Phật giáo là một đạo quan trọng vào bậc nhất tại Việt Nam, do đức Thích ca Mâu ni ở Ấn Độ sáng lập và sau Ngài được tôn làm Phật tổ Như Lai.

Phật giáo được truyền sang Việt Nam theo hai ngã: từ Trung Hoa trong thời Bắc thuộc gọi là Bắc tông hay phái Đại thừa; từ Thái Lan, Ai Lao, Cam-pu-chia sang, gọi là Nam tông hay phái Tiểu thừa.

Theo Phật giáo thì sự đau khổ của người đời là do bốn tai ách (sinh, lão, bệnh, tử) mà ra. Để thoát khỏi vòng luân hồi cùng mọi sự khổ não, người ta cần phải diệt dục. Phật giáo có năm điều cấm (ngũ giới) là không sát sinh, không trộm cắp, không gian dâm, không nói dối và không dùng rượu thịt. Chùa thờ Phật có sư tăng hoặc sư ni ở, để tụng kinh hoặc tổ chức các khóa lễ cho Phật tử, tức là những tín đồ của Phật giáo. Phái Tiểu thừa chỉ thờ một tượng đức Thích ca và các tăng ni đều mặc áo vàng, trưa đi khát thực. Phái Đại thừa, ngoài Đức Thích ca còn thờ thêm chư Phật và chư Bồ tát. Tăng ni của phái này mặc áo nâu hay xám, tự làm lấy mà ăn.

Ngoài ngày rằm và mồng một, Phật giáo còn có các lễ trọng là lễ Phật đản, lễ Đức Phật thành đạo, lễ Vu lan bốn v.v...



THIÊN CHÚA GIÁO

Thiên Chúa giáo, còn gọi là Công giáo, là một tôn giáo có tổ chức chặt chẽ nhất ở Việt Nam.

Thiên Chúa giáo thờ phụng Đức Chúa Trời, được truyền sang Việt Nam từ đầu thế kỷ 16, nhưng lúc đầu gặp nhiều khó khăn nên phát triển chậm. Tiếp theo lại có nhiều cuộc cấm đạo và sát đạo của các vua, chúa nên đã có hàng mấy chục ngàn giáo dân và tu sĩ bị tù đày hoặc xử tử. Tuy nhiên, nhờ lòng hy sinh và việc hoạt động văn hóa, xã hội của các dòng tu mà cho tới ngày nay, trên toàn cõi Việt Nam đã có trên 3 triệu giáo dân, 22 địa phận chánh tòa, 3 tòa tổng giám mục và một Đức Hồng y.



Đặc biệt nhất là vào giữa thế kỷ 17, linh mục Đắc Lộ cùng một số tu sĩ khác đã sáng tác ra chữ quốc ngữ để thay thế cho chữ Hán (hoặc chữ Nôm) dùng vào việc dịch kinh và giảng đạo. Nhờ đó, sau mấy trăm năm dần dần cải tiến, dân tộc Việt Nam đã có một thứ chữ viết, dựa vào mẫu tự La-tinh, khác hẳn chữ viết của các nước láng giềng như Trung Hoa, Ai Lao, Cam-pu-chia v.v...



5. Đặt 4 câu có nội dung diễn tả sự việc xảy ra trong quá khứ trong mỗi trường hợp sau đây:

5.1 dùng phụ từ "đã":

Ví dụ: Nho giáo đã ảnh hưởng sâu xa đến đời sống dân chúng.

- a.
- b.
- c.
- d.

5.2 dùng trạng ngữ chỉ thời gian, ví dụ như: hôm qua, tháng trước, năm ngoái...

Ví dụ: Hôm qua, tôi gặp ông Nam ở tiệm sách.

- a.
- b.
- c.
- d.

5.3 dùng cả phụ từ "đã" lẫn trạng ngữ chỉ thời gian:

Ví dụ: Ngày xưa, vua Lý Thánh Tông đã cho xây Văn Miếu để hàng năm làm lễ cúng đức Khổng Tử.

- a.
- b.

- c.
- d.

5.4 dùng phụ từ "đã... rồi":

Ví dụ: Người Việt đã tin tưởng vào tôn giáo nào rồi thì họ hết lòng tin tưởng.

- a.
- b.
- c.
- d.

6. Dùng mẫu "Đối với... thì" để đặt 5 câu. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: Đối với dân Việt Nam thì đạo nào cũng khuyên mọi người làm điều tốt, tránh điều xấu.

- 6.1
- 6.2
- 6.3
- 6.4
- 6.5

7. Từng nhóm 3 sinh viên thảo luận về các tôn giáo chính ở Việt Nam, dựa theo bài đọc ở (4) và tài liệu sau đây:

Tôn giáo	Người sáng lập hoặc phổ biến	Xuất hiện tại Việt Nam từ	Sơ lược về giáo lý
Khổng giáo	Khổng Tử	thời Bắc thuộc (gần 2.000 năm trước)	<ul style="list-style-type: none"> - Con người trong xã hội phải cư xử theo "Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín". - Trật tự xã hội: "Quân, Sư, Phụ". - Người đàn ông phải "tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". - Người phụ nữ phải có "tam tòng, tứ đức".
Lão giáo	Lão Tử	thời Bắc thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết Vô Vi: mọi sự trên đời đều tam bợ. Không nên tự bó buộc vào việc gì, quan trọng nhất là sự tự do, nhàn nhã.
Phật giáo	Thích ca Mâu-ni	thời Bắc thuộc	<ul style="list-style-type: none"> - "Sinh, Lão, Bệnh, Tử" là nguyên nhân của đau khổ. - Tu để thoát khỏi vòng luân hồi. - Ngũ giới: không sát sinh, không trộm cắp, không gian dâm, không nói bậy, không dùng rượu thịt.
Thiên Chúa giáo	Chúa Giê-su	đầu TK 16	<ul style="list-style-type: none"> - Thương đồng loại như thương chính mình. - Đối xử với mọi người như anh em một nhà.
Phật giáo Hòa Hảo	Huỳnh Phú Sổ	1939	<ul style="list-style-type: none"> - Bắt nguồn từ đạo Phật với lý tưởng từ bi bác ái và luật nhân quả. - Gạt bỏ mê tín dị đoan: không thờ hình tượng, không đốt vàng mã, không lập đàn tràng. - Ngăn cấm rượu chè, thuốc sái, trai gái, cờ bạc.
Đạo Cao Đài	Ngô Văn Chiêu <i>sáng lập</i> Lê Văn Trung <i>phổ biến</i>	1926	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm tất cả mọi chân lý của Khổng, Lão, Phật, Thiên Chúa... - Ngũ giới: không sát sinh, không biến lộn, không ham ăn ngon, không chuồng xa hoa, không nói điều bậy. - Chủ trương hòa hợp mọi tín ngưỡng để trở thành một tôn giáo chung cho toàn vũ trụ.

8. Trả lời các câu hỏi sau đây:

8.1 Ở Việt Nam, những đạo nào đã có từ rất lâu?

.....

8.2 Đạo nào có chủ trương không sát sinh?

.....

8.3 Đạo nào chủ trương mọi sự đều là tạm bợ?

.....

8.4 Đạo nào bao gồm chân lý của tất cả các đạo khác?

.....

8.5 Đạo nào coi mọi người như anh em một nhà?

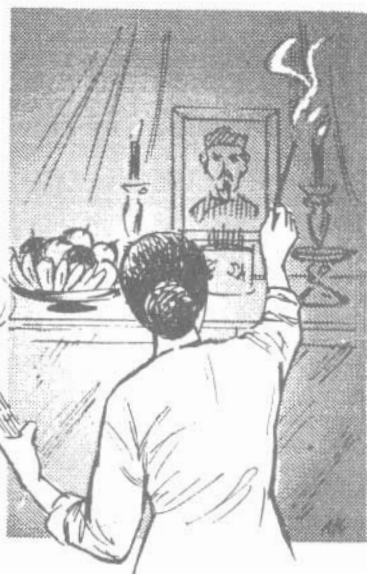
.....

9. Viết chính tả bài sau đây:

TỤC LỆ THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Có thể nói mọi người Việt Nam đều coi trọng việc thờ cúng tổ tiên, vì tổ tiên sinh ra ông bà, cha mẹ rồi sau đó mới có mình. Vì thế, người con hiếu thảo phải biết ơn tổ tiên.

Khi ông bà, cha mẹ còn sống, con cháu phải phụng dưỡng, nghe theo lời dạy bảo để các người vui lòng. Khi các người qua đời, phải thờ cúng trong các ngày giỗ, ngày Tết để tỏ lòng nhớ ơn. Ngoài ra, khi lấy vợ, sinh con hoặc làm bất cứ việc gì quan trọng, người Việt Nam cũng thường làm lễ trình báo tổ tiên. Lễ vật không cần thiết, có khi chỉ là bông hoa, chén nước lạnh, nhưng quý hơn cả là tấm lòng thành của con cháu.



10. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong đoạn văn cho hợp nghĩa: *trang hoàng, nghi ngút, bàn thờ, bài vị, sáng trưng*.

BÀN THỜ TỔ TIÊN

Trong nhiều nhà Việt Nam thường có
tổ tiên. Trên bàn thờ kê một cỗ ngai trên đặt
Trước cỗ ngai bày nhiều đồ thờ như bát hương, đỉnh trầm,
đèn nến, bình hoa v.v... Những ngày giỗ Tết, bàn thờ
được đẹp đẽ. Đèn nến ,
khói hương , bàn thờ đầy vẻ trang nghiêm.

Chú thích:

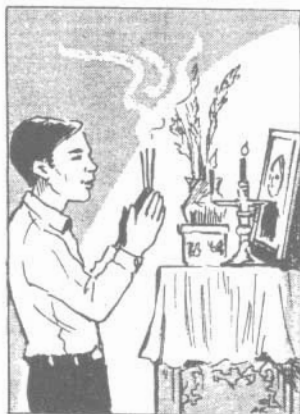
ngai: ghế của vua ngồi. Đồ thờ tựa như cái ngai của vua,
dùng để đặt bài vị.

bài vị: tấm gỗ ghi tên họ người chết để thờ.

đỉnh: đồ dùng thường bằng đồng để đốt trầm, phía trên
có nắp.

nghi ngút: bốc cuốn cuộn (nói về khói).

trang nghiêm: nghiêm nghị, đứng đắn.



11. Từng học sinh đọc và tìm ý chính của từng đoạn trong bài sau đây:

THÀNH PHỐ ĐÊM GIÁNG SINH

Muôn ngàn màu sắc của ánh sáng đèn điện bùng lên làm nổi bật quang cảnh rộn rịp của ngày lễ Giáng Sinh.

Vừa ngắm làn sóng người ồ ạt ngược xuôi, vừa đưa mắt nhìn vào tủ kính đã lau chùi sạch sẽ và trong suốt như pha-lê, người ta nhìn thấy nào bánh, nào hoa và nhiều thứ lạ mắt. Đây đây, những miếng bông gòn kết lại thành tuyết trắng, thành cả râu tóc ông già Nô-en đang dậm bước đi sâu vào làng mạc khuất mờ tận xa xa. Kia là cây thông đứng chơ vơ trên lưng chừng đối chằng còn màu xanh nữa, cả một lớp tuyết trắng trùm lên cảnh vật gieo vào lòng ta một cảm giác lạnh lẽo, cái lạnh của mùa đông tuyết giá.

Bao nhiêu hoa đèn xanh đỏ kết thành dây từ chót vót nóc thánh đường kia chạy dài xuống đất soi sáng



hàng ngàn gương mặt tin đổ đứng đông đặc cả ngoài sân. Tiếng chuông Tả làm sao được tiếng chuông của thánh đường thân yêu vang mênh mông và vọng lên từ một cõi nào xa vắng. Từ trong thánh đường sâu thẳm, tiếng hát du dương vang ra gieo vào lòng mọi người một nỗi nhớ tiếc bàng khuâng, một niềm tin trong sáng.

(theo Trọng Nguyễn)

12. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau:

A : *Quang cảnh thành phố đêm Giáng Sinh như thế nào?*

B :

A : *Trong các tủ kính có bày những gì?*

B :

A : *Các tin đổ tụ tập ở đâu để mừng lễ Giáng Sinh?*

B :

A : *Bài văn này được viết theo thể loại gì?*

B :

A : *Đại ý toàn bài trên nói gì?*

B :

13. Dịch bài báo sau đây ra tiếng Anh:

**HÀNG NGÀN PHẬT TỬ TẠI VICTORIA THAM DỰ
LỄ ĐẶT VIÊN ĐÁ ĐẦU TIÊN XÂY DỰNG CHÙA QUANG MINH**

BRAYBROOK (Sunshine, Victoria). Sáng thứ bảy vừa qua, buổi lễ đặt viên đá đầu tiên xây dựng chùa Quang Minh tại Victoria đã được tổ chức trọng thể với sự tham dự của cả ngàn Phật tử đồng hương tại Melbourne cũng như khắp các tiểu bang khác. Về phía quan khách, người ta thấy đông đủ các cấp đại diện chính quyền, đối lập liên bang, tiểu bang... Đa số các hội đoàn người Việt tại Melbourne cũng có mặt đông đủ. Về phía tu sĩ giáo hội, nhiều vị

thượng tọa, đại đức, từ Tây Úc, Nam Úc, Canberra cũng về hiện diện để buổi lễ được thêm phần trang nghiêm và long trọng.

Sau phần nghi thức thường lệ là phần phát biểu của quan khách, các cấp chính quyền liên bang và tiểu bang. Mọi người đều hoan hỉ tán thành việc xây dựng một ngôi chùa cho tiểu bang Victoria.

Ước nguyện xây dựng ngôi chùa cho tiểu bang Victoria này đã mạnh nha cách đây hơn 10 năm. Thời gian vận động kéo dài, qua nhiều giai đoạn khác nhau, với những khó khăn chống chọi. Cuối cùng, với sự quyết tâm của các vị lãnh đạo giáo hội địa phương, nhất là Hòa thượng Hội chủ cũng như toàn thể tín đồ Phật giáo tại Victoria..., những chướng ngại trên đã được vượt qua.

Cho đến nay, tại tiểu bang Victoria đã có hai ngôi chùa: một ở Springvale và một ở Broadmeadows. Chùa Quang Minh sẽ là ngôi chùa chính cho cả tiểu bang.



*Thả bong bóng và bỏ cầu trong buổi lễ... .

(theo Người Melbourne)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

14. Đọc thêm bài sau đây:

CHÙA LÀNG TÔI

Chùa làng tôi được xây trên một thửa đất rộng ở đầu làng. Trước chùa có ba bốn cây cổ thụ, cây đa, cây bàng và cây xoài với cành lá rườm rà xanh tốt.

Từ đằng xa, người ta đã trông thấy, thấp thoáng sau cành lá, mái chùa cong cong với hai con rồng chầu mặt nguyệt đồ chổi.

Trước cửa chùa có một hồ bán nguyệt trồng sen, với những tàu lá nhỏ trên mặt nước như những chiếc nón màu xanh. Hoa sen nở tỏa mùi hương ngào ngạt.

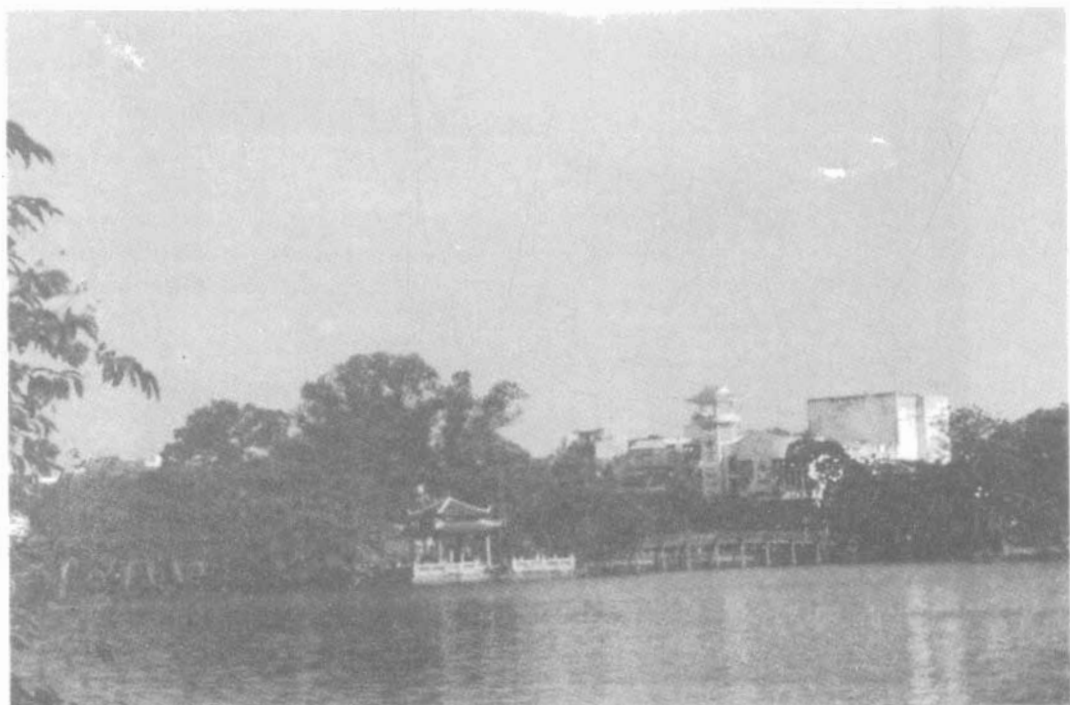
Ở ngoài cùng là một tam quan cao, bằng gạch, với tám cột gạch khắc những câu đối bằng chữ Nho.

(theo Học Báo)

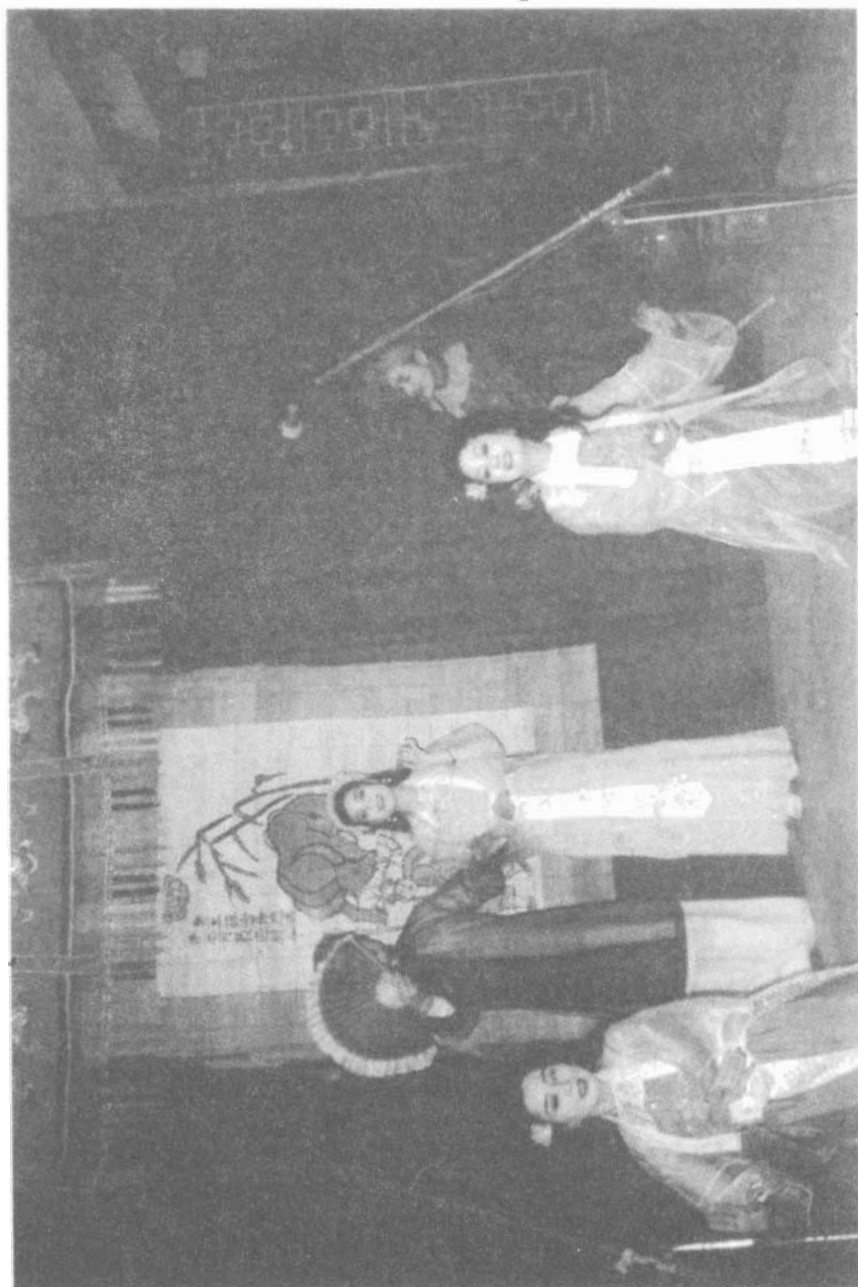


**15. Viết một đoạn văn ngắn tả một buổi lễ sinh hoạt tôn giáo mà bạn đã tham dự.
Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:**

- Buổi lễ được tổ chức vào ngày, tháng nào? Ở đâu?
- Có khoảng bao nhiêu người tham dự?
- Bạn đến tham dự buổi lễ như một tín đồ, phải không?
- Buổi lễ được tiến hành như thế nào? Kéo dài bao lâu?
- Cảm tưởng của bạn về buổi lễ này.



• Đền Ngọc Sơn - Hà Nội



• *Hát chèo*

1. Viết lại tên môn thể thao thích hợp dưới mỗi hình vẽ:

- bóng chuyền
- bóng đá
- bóng rổ

- bóng bàn
- quần vợt
- đua xe đạp

- đua thuyền
- chạy bộ
- nhảy cao



1.1



1.2



1.3



1.4



1.5



1.6



1.7



1.8



1.9

2. **Mỗi học sinh chọn một môn thể thao, sưu tầm tài liệu và tường trình trước lớp. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:**

- 2.1 Tên môn thể thao là gì?
- 2.2 Môn thể thao này được chơi ở đâu?
- 2.3 Bao nhiêu người tham dự?
- 2.4 Nói qua về luật chơi.
- 2.5 Cho biết lợi ích của môn thể thao này.

3. **Viết chính tả bài sau đây:**

CÁC MÔN THỂ THAO

Đức, trí, dũng là ba mục tiêu của nền giáo dục tại Việt Nam. Do đó, ở trường học, học sinh thường được luyện tập thể dục và chơi thể thao.

Các môn thể thao phổ biến ở Việt Nam là bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, bóng rổ, nhảy cao, nhảy dài, đua xe đạp, bơi lội, võ cầu, quần vợt... Một số môn thể thao phổ biến ở nước khác nhưng không hề có ở Việt Nam là trượt tuyết, túc cầu Úc, lướt sóng.

Có những môn thể thao chơi nhẹ nhàng chỉ cần ít người như bóng bàn, võ cầu, quần vợt. Có những môn đòi hỏi nhiều sức lực và nhiều người chơi như bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ. Tuy nhiên môn thể thao nào cũng lợi ích và hấp dẫn cả người chơi lẫn người xem.

Đối với người Việt Nam, bóng đá là môn thể thao được nhiều người ưa thích nhất. Có thể nói mỗi quận và mỗi tỉnh đều có đội banh và sân banh riêng.



4. Đọc bài sau đây:

XEM BÓNG ĐÁ

Mới ba giờ chiều, sân vận động đã đông nghẹt người. Các dãy ghế trên khán đài không còn một chỗ trống. Tiếng còi của trọng tài vừa thổi lên, hai đội banh liền ra sân.

Sau khi chào khán giả, các cầu thủ bắt đầu giao đấu. Mọi người hồi hộp từng phút từng giây khi banh tới gần khung thành. Cầu thủ cũng như khán giả sung sướng như điên cuồng khi có banh tung vào lưới địch. Tất cả những tình cảm đó được bộc lộ qua những tiếng hò, tiếng hét, tiếng vỗ tay... Có người quên hẳn mình là khán giả ngồi xem mà tưởng mình đang đứng trên sân cỏ, thấy trên sân người ta co chân đá cũng... phóng chân ra đá một trái tưởng tượng! Chỉ khi người ngồi trước mặt kêu lên mới biết mình lầm.

Trận đấu càng lúc càng sôi nổi nhất là sau khi một bên đã ghi được một bàn thắng. Khán giả cổ vũ nồng nhiệt làm rung động cả khán đài.



5. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

- 5.1 *player* :
- 5.2 *stadium* :
- 5.3 *stand* :
- 5.4 *to score a goal* :
- 5.5 *to encourage* :
- 5.6 *umpire* :
- 5.7 *audience* :
- 5.8 *team* :
- 5.9 *match* :
- 5.10 *goal post* :
- 5.11 *exciting* :

- sân vận động
- trọng tài
- khán giả
- cầu thủ
- khán đài
- khung thành
- sôi nổi
- cổ vũ
- ghi một bàn thắng
- đội
- trận đấu

6. Dùng các từ "càng lúc càng", thường đứng trước tính từ để chỉ sự tăng trưởng, để đặt 5 câu. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: Trận đấu càng lúc càng sôi nổi.

6.1

6.2

6.3

6.4

6.5

7. Dùng các từ "càng ngày càng" thay vì "càng lúc càng" để đặt 5 câu. Xem ví dụ trước khi làm.

Ví dụ: Người Việt ở Úc càng ngày càng đông.

7.1

7.2

7.3

7.4

7.5

8. Tập đặt câu để tìm hiểu một sự kiện bằng cách dùng các từ để hỏi: ở đâu? khi nào? ai? như thế nào? bao nhiêu?

Ví dụ: Sự kiện: Một trận bóng chuyền

Câu hỏi: - Trận bóng chuyền được tổ chức ở đâu?

- Trận bóng chuyền xảy ra khi nào?

- Ai đấu với ai?

- Trận bóng chuyền diễn ra như thế nào?

- Bao nhiêu người tham dự?

8.1 Sự kiện: Giải đua xe đạp năm 1995

Câu hỏi:

- a.
- b.
- c.
- d.
- e.

8.2 Sự kiện: Đại hội thể thao sinh viên học sinh

Câu hỏi:

- a.
- b.
- c.
- d.
- e.

9. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: *ngoại quốc, tuyển thủ, đoạt giải, thượng võ, xử sở, bóng bàn, thành tích, luyện tập, đấu đất, tranh đấu.*

BÓNG BÀN VIỆT NAM

Trong các đoàn của ta đã mang chuông đi gióng nước người, đoàn tuyển thủ đã quảng cáo nhiều cho

Các danh tài của ta đã nhiều lần quán quân, rất vẻ vang ở Một đôi khi, không may phải hạ vợt trước đoàn đông mạnh hơn, họ cũng nêu cao được gương đùng với tinh thần



Đoàn bóng bàn Việt Nam đạt được
như vậy là nhờ ở tài khéo léo của nhà
và nhất là sự chuyên cần của các tuyển
thủ.

10. Đọc bài báo sau đây:

Đội bóng bàn Việt Nam ở Victoria đoạt giải Vô địch Á châu tại Úc

Sau 14 năm tham dự giải Vô địch Bóng bàn Á châu (International Asian Table Tennis Championship) dành cho các hội bóng bàn thuộc sắc tộc Á châu tại Úc, cuối cùng đội bóng bàn Việt Nam ở Victoria đã đoạt giải vô địch năm 1994. Giải này đã được tổ chức vào cuối tuần ngày 24-25 tháng 9 tại Albert Park, Victoria.

Cũng nên nhắc lại là từ năm 1980, tức là từ lúc giải này được tổ chức hằng năm ở tiểu bang Victoria, mọi nỗ lực của đội bóng bàn Việt Nam ở Victoria là phải đoạt giải này cho bằng được. Thật ra, đây cũng là nỗ lực chung của mọi sắc tộc. Những năm đầu tiên (1981-1986), hội bóng bàn Ái hữu người Hoa ở Victoria (CFV, Chinese Fellowship of Victoria) đã mời các tay vợt cừ khôi người Mã Lai Á, Tân Gia Ba, Phi Luật Tân và Campuchia tới giúp hội nhà nhiều lần chiếm giải. Thời gian đó, đội bóng bàn Việt Nam ở Victoria cũng đã phải nhiều lần mời các tay vợt Việt Nam ở tiểu bang New South Wales xuống kết hợp

để đối phó, nhưng, kết quả vẫn giống nhau: đội bóng bàn Việt Nam chỉ được giải nhì. Những năm tiếp theo (1987-1993), một hội mới là hội Bóng bàn Liên Á châu (Combined Asian) được thành lập và đã nhiều lần giật giải này trên tay của đội Ái hữu người Hoa (CFV). Đội Liên Á châu đã mời được một số tay vợt quốc gia đại diện cho Úc như Dennis Malkaling (nhiều năm vô địch nam của Úc), Shirley Zhou (vô địch nữ của Úc), Stephen Gao (hạng 7 của Úc) và các tay vợt hạng A1 của Victoria tham dự giải này. Cũng nên biết thêm là đội này đã vào chung kết 7 năm liền và đoạt giải 5 lần

(1987, 1988, 1991, 1992, 1993). Đội Liên Á châu chỉ thua đội Ái hữu người Hoa (CFV) năm 1988 khi đội này mời được ba tay vợt quốc tế từ Tân Gia Ba và Mã Lai Á tới giúp. Một lần khác, vào năm 1990, đội Liên Á châu lại thua đội Asian Progressive Company khi đội này mời được hai tay vợt quốc tế từ Trung Hoa và từ tiểu bang New South Wales tới tham dự.

Cũng chính vì thế mà đội bóng bàn Việt Nam ở Victoria phải cố gắng luyện tập không ngừng để mong một ngày đoạt giải và cuối cùng, ngày vinh quang ấy đã tới.



Từ trái sang phải. Hàng sau: Nguyễn Hiệp, Trần Huy, Vương Bình, Ngô Hoàng
Hàng đầu: Vương Dũng, Vương Sơn, Hiếu

11. Ghi ra tên 4 đội bóng bàn từng đoạt giải Vô địch Á châu tại Úc.

11.1

11.2

11.3

11.4

12. Tưởng tượng mình là một cầu thủ vừa đoạt giải vô địch bóng bàn toàn nước Úc và được một nhà báo Việt Nam đến phỏng vấn, hãy viết lại nội dung cuộc phỏng vấn ấy.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

13. Từng học sinh đọc bài sau đây:

THỂ VẬN HỘI

Lá cờ thể vận vĩ đại màu trắng tung bay trước gió và ngọn đuốc thể vận bùng cháy ánh lửa vàng. Hàng trăm lực sĩ, dưới những sắc cờ đóa lợi của các quốc gia trên thế giới, đứng đông nghịt cả thao trường. Bản thể vận ca hùng dũng trời lên xé tan tấm màn im lặng. Đột nhiên, muôn ngàn cánh chim câu trắng bay vút lên nén trời xanh. Đó là quang cảnh buổi khai mạc thể vận hội, một cuộc tranh tài vĩ đại về thể thao trên thế giới.

Từ năm 1896 đến nay, thể vận hội đã được tổ chức tại nhiều nơi trên hoàn cầu. Năm nay, thể vận hội đã khai diễn tại Úc, với 73 nước tham dự các cuộc tranh tài về đủ các môn thể thao cho cả nam lẫn nữ.

Thể vận hội vượt qua đại lục và trùng dương, nối liền các dân tộc trên thế giới. Châm ngôn của thể vận hội là: "Kết quả chính của đời người không phải là cuộc thắng trận mà là cuộc tranh đấu; điều quan trọng không phải là đã thắng trận mà là đã hết lòng đấu tranh."

(theo T.G.T.D)



14. Tìm và viết ra tất cả các tính từ trong bài đọc trên.

Tính từ:

.....

.....

.....

15. Viết một bài văn ngắn khoảng 250 chữ để đánh giá châm ngôn của thể vận hội: "Kết quả chính của đời người không phải là cuộc thắng trận mà là cuộc tranh đấu; điều quan trọng không phải là đã thắng-trận mà là đã hết lòng đấu tranh". Qua châm ngôn trên, em rút ra được bài học gì?

17. Viết lại bài thơ sau đây thành văn xuôi:

TRÊN SÂN VẬN ĐỘNG

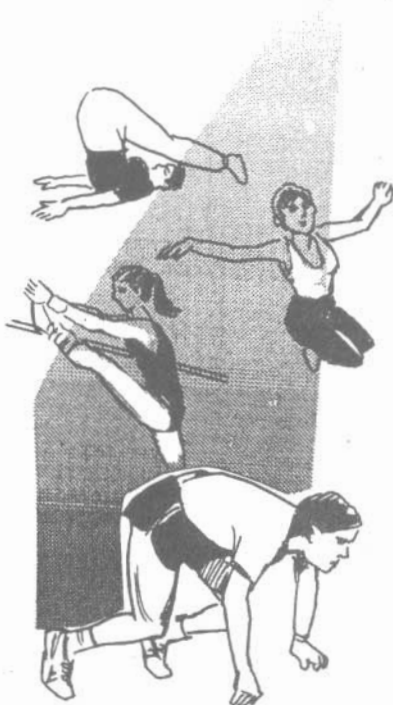
Gà mới vừa gáy sáng
Rạng đông trời trong xanh
Vận động trường tấp nập
Bao nhiêu người tập tành.

Những tấm thân cường tráng
Nằm vắt trên xà ngang.
Nhưng cánh tay chắc nịch
Đánh đu thật nhịp nhàng.

Trên con đường than bột
Chạy vòng chung quanh sân
Từng tốp người gắng gỏi
Giành nhau từng bước chân.

Gió thổi căng lồng ngực
Cổ cây cùng vươn cao
Bao nguồn sinh lực mới
Hòa trong ánh nắng dào.

HOÀI ĐIỆP



.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Becker rolls along with victory over Sampras

Frankfurt, Thursday. Boris Becker produced one of the best matches of his already impressive year and frustrated top-ranked Pete Sampras with a 7-5, 7-5 win in the ATP world championship yesterday.

Becker posted his second straight win over the No.1 in the world and raised his round-robin record at the \$4 million tournament to 2-0.

"He was just too good, that's the best I've seen him play against me", Sampras said.

Earlier, Michael Chang crushed Alberto Berasategui 6-1, 6-0. Berasategui, who has won three games in two

matches, said he was suffering from a wrist injury.

Stefan Edberg, No. 8, made a successful start by beating fourth-ranked Goran Ivanisevic 6-3, 6-4.

Sampras has to beat Edberg in his next match to stay alive. Ivanisevic, 0-2, a semi-finalist the past two years, was eliminated.

Becker also beat Sampras en route to lifting the Stockholm Open in the last week of October and is now 5-5 against the American in his career.

"I don't know if it was my best match against him, but it

was definitely one of the best of the year for me.", said the German who out-acted Sampras 15-11.

Becker is in his element in Frankfurt's Festhalle, where he is cheered by 9,000 adoring fans every time he plays.

Becker broke Sampras for decisive 6-5 leads in each set and never dropped his own serve.

He hit two aces in the last game with second serves, the last one giving him three match points. He missed the first serve, but clinched the match when Sampras returned his second serve into the net...

1. Viết lại các từ sau đây dưới hình vẽ cho thích hợp:

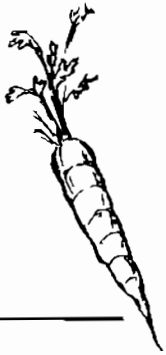
- 1.1 thịt bò
thịt heo
thịt gà
thịt vịt
thịt cừu

- 1.2 cá
tôm
mực
lươn
tôm hùm



- 1.3 cà-rốt
xà-lách
bắp cải
đậu
cà chua
bí

- 1.4 hành
tỏi
rau răm
rau thơm
ngò
ớt



2. Liệt kê thực phẩm cần mua để ăn trong một tuần lễ.

2.1

thịt, cá

bao nhiêu kg/g

ăn mấy ngày

.....
.....
.....
.....

2.2

rau cải

bao nhiêu kg/bó

ăn mấy ngày

.....
.....
.....
.....

2.3	gia vị	bao nhiêu g/bó	ăn mấy ngày
.....
.....
.....
.....

2.4	các thứ bắp đậu	bao nhiêu kg/g	ăn mấy ngày
.....
.....
.....
.....

3. Nghe cuộc đàm thoại sau đây giữa Mai và mẹ của Mai. Hai người đang tính chuyện đi chợ cho bữa cơm đãi người bạn Úc.



- Mẹ Mai : *Mai ơi, chủ nhật tới, ba mẹ mời một gia đình người Úc đến nhà mình ăn cơm. Con có biết người Úc thích món ăn gì của Việt Nam không?*
- Mai : *Con thấy người Úc thích nhiều món ăn Việt Nam, chẳng hạn như món gỏi cuốn, chả giò, cá kho tộ...*
- Mẹ Mai : *Trước hết mẹ định làm món gỏi gà và xúp măng cua để khai vị. Còn các món chính sẽ là chả giò, tôm lăn bột chiên, mì xào giòn, canh chua tôm, cá kho tộ...*
- Mai : *Có món cơm nữa chứ!*
- Mẹ Mai : *Đĩ nhiên rồi. Con thấy cần thêm món nào cho hấp dẫn nữa không?*
- Mai : *Món chạo tôm cũng đặc biệt lắm mẹ à.*
- Mẹ Mai : *À phải. Mẹ sẽ làm thêm món chạo tôm.*
- Mai : *Còn món tráng miệng? Mẹ định cho ăn gì?*
- Mẹ Mai : *Mẹ sẽ đãi họ món chè hạt sen và bánh chuối.*
- Mai : *Con thấy mẹ chỉ làm một món được rồi. Bây giờ đang là mùa xoài, mẹ cho ăn xoài đi. Nếu không, mẹ làm món trái cây thập cẩm cũng được.*
- Mẹ Mai : *Như vậy mẹ nhờ con viết ra các thứ cần mua kẻo mẹ quên. Hôm đó, con cùng đi chợ với mẹ nhé.*

4. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau về bữa cơm đãi một người khách Úc.

A : *Nhà bạn định đãi ai?*

B :

A : *Vào ngày nào?*

B :

A : *Khai vị là các món gì?*

B :

A : *Những món ăn chính là gì?*

B :

A : Theo bạn, người Úc thường thích ăn món gì của Việt Nam?

B :

5. Viết các từ tiếng Việt sau các từ tiếng Anh cho hợp nghĩa.

- 5.1 *springroll* :
5.2 *entrée* :
5.3 *asparagus & crab meat soup* :
5.4 *dessert* :
5.5 *chow mein* :
5.6 *fish cooked in an earthen pot* :
5.7 *dish* :
5.8 *grilled ground prawn* :
5.9 *fried flour-coated prawn* :
5.10 *to invite to a family meal* :

mì ăn cơm
lò m lửa bột chiên
xúp măng cua
món khai vị
chả giò
mì xào giòn
cá kho tộ
chạo tôm
tráng miệng
món ăn

6. Viết chính tả bài sau đây:

BỮA ĂN CỦA NGƯỜI VIỆT

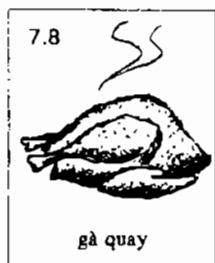
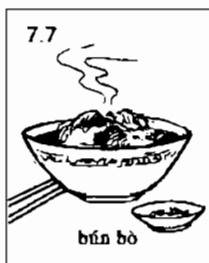
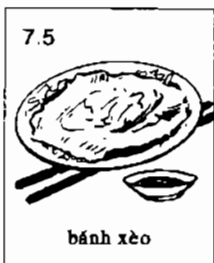
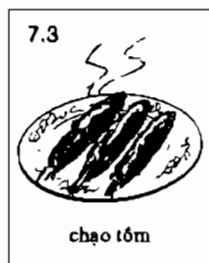
Người Việt thường ăn ba bữa một ngày: bữa sáng, bữa trưa và bữa tối. Bữa sáng thường là một tô phở, tô mì hoặc một đĩa xôi. Bữa trưa và tối gồm có cơm, món xào, món mặn và món canh. Canh là một món ăn hợp khẩu và thích hợp trong điều kiện khí hậu nhiệt đới, có khả năng dung hợp hài hòa với các thức ăn khô và mặn. Món mặn có thể là cá kho hay thịt kho. Món xào thường là rau cải hay đậu xào với thịt heo xắt nhỏ. Trong các loại thịt, thịt heo thường được dùng hơn cả. Nước mắm là gia vị không thể thiếu trong bữa cơm của người Việt. Trên mâm cơm, bao giờ cũng có một chén nhỏ đựng nước mắm, đôi khi vắt thêm chút chanh hay dấm thêm ớt tươi.



7. Xem các hình vẽ dưới đây, dùng các từ "đã... rồi" và "chưa bao giờ" để viết ra món ăn nào đã từng ăn hoặc chưa bao giờ ăn.

Ví dụ: - Tôi đã ăn phở nhiều lần rồi.

- Tôi chưa bao giờ ăn xôi.



7.1

7.2

7.3

7.4

7.5

7.6

7.7

7.8

8. Dùng hình vẽ ở phần (7), từng hai học sinh hỏi và trả lời xem họ đã bao giờ ăn món ăn đó chưa.

Ví dụ: A : Anh / Chị / Cô đã bao giờ ăn phở chưa?

B : Tôi đã ăn phở rồi. / Tôi chưa bao giờ ăn phở.

9. Đọc bài sau đây:

VIỆC ĂN UỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

Người Việt Nam từ xưa đến nay lấy cơm làm món chính trong bữa ăn. Thức ăn nhiều mấy, ngon mấy cũng phải có "ba bát cơm" vào bụng mới được. Đó là vì nước ta trồng lúa từ thời thượng cổ, gạo tẻ thì nấu cơm tẻ, gạo nếp thì nấu cơm nếp hoặc xôi. Chất bột, ngoài gạo ra, còn có ngô, khoai, sắn, và các thứ củ: dong, sọ, mài, từ...

Món ăn thì gồm đủ thứ, từ nguồn thực vật, động vật có trong nước, cây cỏ, cầm thú, cua cá được chế biến bằng nhiều cách khác nhau. Trải qua hàng thế kỷ, đã hình thành được một kỹ thuật - có thể nói là một nghệ thuật - nấu nướng tinh xảo, hợp với khẩu vị người Việt Nam, ngon, bổ và rẻ tiền. Có nhiều phương pháp: luộc, nấu, ninh (hầm), tẩm (chưng cách thủy), om, kho, hấp, xào, rán, quay, làm nộm, nấu canh, pha chế nước chấm. Món ăn còn khác nhau ở cách dùng gia vị. Người phương Tây dùng bơ, phó-mát, người Trung Hoa dùng dầu mè, dầu lạc, mỡ heo, xì dầu còn người Việt Nam thì dùng mỡ, nước mắm, mắm tôm, hoa hối, quế chi, nghệ...

Đặc biệt nhất trong khoa nấu nướng Việt Nam là cách pha chế nước chấm như nước mắm chanh ớt, nước mắm gừng, nước mắm cà cuống v.v... và làm các món ăn để lâu như dưa, cà, tương, mắm.

Nhiều người đi ra nước ngoài, cao lương mỹ vị không thiếu thứ gì, nhưng lại thèm đĩa rau muống luộc chấm tương, thèm đĩa mắm tôm chua, quả cà pháo nén cần giòn tan. Những thức ấy gợi nhớ đến quê hương xứ sở.



10. Trả lời các câu hỏi sau đây:

1.1 Món chính trong bữa ăn của người Việt là món gì?

.....

1.2 Ngoài cơm ra, người Việt còn ăn những loại thức ăn có chất bột nào?

.....

1.3 Việc nấu nướng của người Việt có đặc điểm gì?

.....

1.4 Kể ra một số gia vị người Việt thường dùng để nấu ăn.

.....

11. Dịch đoạn văn sau đây ra tiếng Việt:

Vietnam has many traditional dishes. In Vietnam, people have three meals a day: breakfast, lunch and dinner. The main dishes for lunch and dinner are steamed rice, fish sauce-simmered fish or pork and thin soup. Nowadays, Vietnamese dishes are known by many Australians. Many Australians like spring rolls, beef noodle soup, pork noodle soup. Vietnamese dishes are delicious and nutritious.

.....
.....
.....
.....
.....
.....



12. Đặt 2 câu với từ "nào" trong mỗi trường hợp sau đây:

12.1 "nào" là một từ dùng để hỏi biểu thị ý lựa chọn.

Ví dụ: Bạn thích món ăn nào?

a.

b.

12.2 "nào" là một trợ ngữ từ, đứng sau một câu nói nhằm ý giục giã.

Ví dụ: Chúng ta cùng ăn nào!

a.

b.

12.3 "nào" kết hợp với "cũng" có nghĩa là tất cả.

Ví dụ: Mẹ nấu món nào cũng ngon.

a.

b.

12.4 "nào" kết hợp với "khi" để hỏi về thời gian.

Ví dụ: Khi nào chúng ta mời gia đình người Úc đó đến ăn cơm?

a.

b.

13. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: *tuyệt vời, cuộn, giòn, nước chấm, tham dự, rau sống, hộp mật, thuận tủy, nghệ thuật.*

ĂN CHẢ GIÒ

Tôi có một số người bạn Việt Nam. Họ thường tổ chức những buổi ăn uống thân mật. Tôi thường được mời những buổi họp mặt này.

Trong buổi tiệc thế nào cũng có món chả giò, một món ăn độc đáo của người Việt. Bên cạnh đĩa chả giò chiên vàng ngậy là một chén với những khoanh ớt đỏ tươi, những sợi cà-rốt vàng mềm và một đĩa



Ăn chả giò quả là một nghệ thuật: lấy một lá xà-lách, cho vào một ít rau thơm, cuốn chả giò lại rồi chấm vào chén nước chấm. Miếng chả giò vừa, vừa thơm, nhai với rau sống quả thật

14. Nghe và ghi chép những điểm chính trong bài sau đây:

MÓN ĂN HUẾ

Đối với người Huế, nấu món ăn và cách ăn là một nghệ thuật, đã trở thành nét văn hóa cổ truyền, mang tính triết lý sâu sắc. Vì thế mà món ăn Huế, cách ăn Huế đã trở nên nổi tiếng, đến mức định hình như một chuẩn mực, một phong cách.

Có một cuốn sách đã giới thiệu tới 600 món ăn "nấu theo lối Huế" (125 món chay, 300 món mặn, 175 thứ chè, cháo, dưa, mắm...). Âu cũng dễ giải thích, bởi Huế là nơi phủ Chúa, cung Vua, nơi hàng mấy trăm năm quy tụ tinh hoa khắp mọi miền đất nước. Tất cả dần dà trong một thời gian được định hình và nâng cao thành nét Huế riêng...

Thế triết lý ẩm thực Huế thể hiện như thế nào trong các món ăn? Xin có một vài cảm nhận bước đầu. Nổi bật nhất trong một mâm cơm Huế (dù là bữa cơm cung đình mà ta hay gọi là "cơm Vua", hay bữa cơm bình dân trong mỗi gia đình) là tính hài hòa: hài hòa về màu sắc, hương vị, hài hòa về âm dương, hài hòa trong bố cục chén, đĩa, bát, đĩa - Vàng, hài hòa như tự nhiên, thiên nhiên.

Một đĩa rau sống Huế chứa đựng cả một thế giới chan hòa màu sắc. Trong cái nền xanh đậm đáy như sự sống, nổi lên ngôi sao màu khế, mặt trời đỏ rực cà chua, màu ngà ngà của lát vả thái hình nửa vành trăng khuyết, lát chuối trắng tròn xoe... Bạn có thể gấp trắng, sao rực rỡ ấy cùng với món thịt heo ba chỉ luộc kẹp với mắm tôm chua nổi tiếng. Một miếng ăn ấy thôi là có đủ chua, cay, mặn, ngọt, chát, béo, bùi... hòa quyện thành sự thích thú khoái cảm nhờ đời!



(hạn chế)

Đối với người Huế trong một mâm cơm, hay theo từng mùa, các món ăn phải đảm bảo đủ yếu tố âm (mát) dương (nóng). Mùa nóng thì tăng cường các món ăn tính âm, mùa lạnh thì ngược lại. Ăn uống theo mùa là nguyên tắc lớn trong triết lý ẩm thực Huế. Xuân, hạ, thu, đông, mùa nào cũng có thực đơn riêng, ngon mà rẻ.

Ngay đến việc sử dụng bát đĩa đơm bày các món ăn, hay bát đũa đồ ăn cơm, người Huế cũng sử dụng nguyên tắc hài hòa. Bát đựng thức ăn, đĩa đựng món ăn dù sang đẹp cũng không to quá, không "lắm" thức ăn. Bát ăn cơm cho khách không được to hơn bát bày trong mâm. Người Huế thường dọn cơm, tiệc hay tiếp khách bằng loại "chén kiếu" (chén xưa, nhỏ). Món ăn như thế, bát đĩa như thế nên người ngồi ăn cũng thật tự nhiên, không cảm thấy bị cách bức, gò bó. Ăn uống tự nhiên mà lịch sự, tử tôn. Hài hòa là bản chất của cái đẹp vậy!

Các món ăn Huế nổi tiếng như cơm hến, bún bò giò heo, nem Huế, tôm chua- thịt luộc, hay các loại bánh khoai thượng tứ, bánh nậm, bánh bèo... đều thể hiện một triết lý sống đậm đặc của người Huế, xứ Huế. Nghèo mà sang! Nói cách khác, triết lý ẩm thực Huế là nghệ thuật làm cho các thực phẩm bình dân hàng ngày trở thành những món ăn nổi tiếng quynh rừ...

(theo Ngô Minh)

15. Hãy viết cách làm một món ăn thuần túy Việt Nam mà em thích. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

- Tên món ăn là gì? thuộc miền nào?
- Liệt kê vật liệu dùng để nấu.
- Món ăn này được nấu như thế nào?
- Những gia vị nào là chính?
- Tại sao em thích món ăn này?

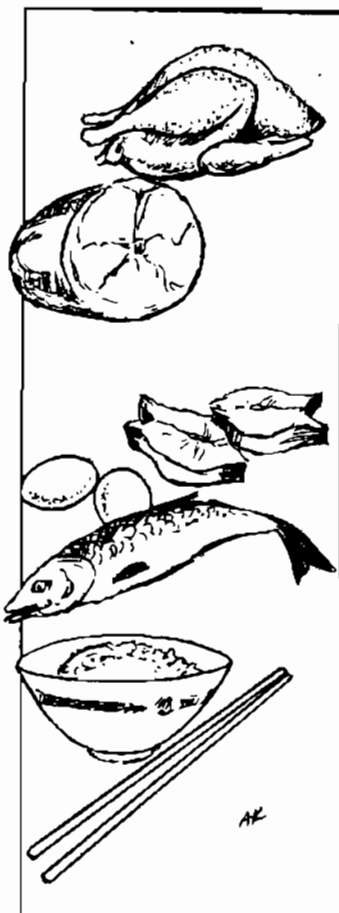
16. Dịch bài sau đây ra tiếng Anh:

THỨC ĂN CỦA NGƯỜI VIỆT

Trong khi ăn uống, người Việt thường không nghĩ các món ăn sẽ cho ta bao nhiêu chất đạm, chất béo, chất đường... Họ cũng không nghĩ mỗi người cần bao nhiêu nhiệt lượng mỗi ngày. Họ thường nghĩ đến các món ăn như những vị thuốc: món nào hàn, món nào nhiệt; món nào bổ tim, món nào bổ phổi... Gia vị cũng được chọn theo được tính của nó: hành, tỏi, gừng... là những vị thuốc chữa các bệnh tiêu hóa.

Người Việt cũng cho rằng trong thức ăn có món lạnh, có món độc. Người bệnh thường được khuyên nên ăn món gì và kiêng món gì.

Tóm lại, đối với người Việt, thức ăn cũng là một loại thuốc vậy.



17. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau:

A : *Khi ăn, người Việt có tính đến chất đạm trong thức ăn không?*

B :

A : *Người Việt có tính món ăn sẽ cung cấp cho họ bao nhiêu nhiệt lượng không?*

B :

A : *Tại sao người Việt phân biệt thức ăn thành món hàn và món nhiệt?*

B :

A : *Gia vị người Việt dùng trong thức ăn có tác dụng gì?*

B :

A : *Theo em, khi đau ốm có nên kiêng cử món ăn không?*

B :

18. Đặt 2 câu với từ "được" trong mỗi trường hợp sau đây:

18.1 "được" (trái với bị) chỉ sự hưởng lợi

Ví dụ: Hôm nay, chúng ta **được** ăn những món ăn ngon lành.

a.

b.

18.2 "được" chỉ sự thắng, sự đoạt lấy.

Ví dụ: Anh Tân ăn ở **được** lòng mọi người.

a. ...

b. ...

18.3 "được" chỉ sự có thể.

Vi dụ: Ăn được, ngủ được là tiên.

a. ...

b. ...

18.4 "được" chỉ sự đã làm.

Vi dụ: Lớp học tiếng Việt được bắt đầu từ tháng Hai.

a. ...

b. ...

19. Đọc thêm bài sau đây:

TÔ PHỞ

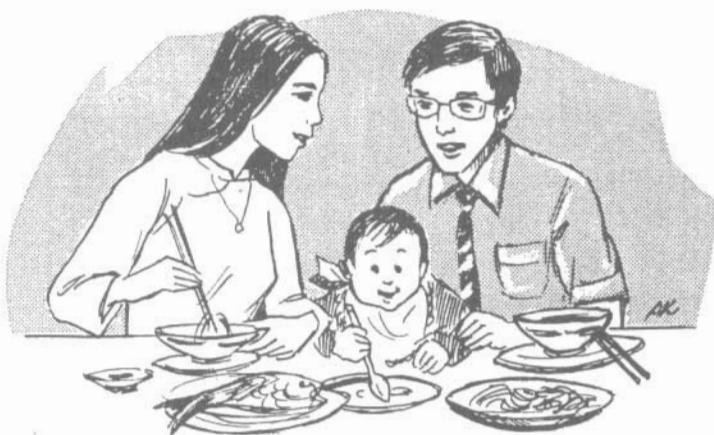
Cứ nhìn bát phở không thôi cũng thú. Một nhúm bánh phở, một ít hành hoa thái nhỏ, điểm mấy ngọn rau thơm xanh mát, mấy nhát gừng màu vàng thái mỏng như tơ, mấy miếng ớt mỏng vừa đỏ màu hoa hiên, vừa đỏ xám như hoa lựu. Ba bốn thứ màu sắc đó cho ta cảm giác được ngắm một bức họa lập thể của một họa sĩ trong phái văn nghệ tiên tiến dùng màu sắc hơi lố bịch, hơi bạo quá nhưng mà đẹp mắt.

Thế là "bài thơ phở" viết xong rồi đấy, mời ông cảm đũa. Húp một tí nước thôi, đừng nhiều nhé! Ông đã thấy tỉnh người rồi phải không?

Nước dùng nóng lấm đậy, nóng bỏng rẩy lên, nhưng ăn phở có như thế mới ngon. Thịt thì mềm, bánh thì dẻo, thỉnh thoảng lại thấy cay cái cay của gừng, cay cái cay của hạt tiêu, cay cái cay của ớt; thỉnh thoảng lại thấy thơm nhẹ nhẹ cái thơm của hành hoa, thơm hăng hắc cái thơm của rau thơm, thơm dịu dịu cái thơm của thịt bò tươi và mắm... Rồi thì hòa hợp tất cả những vị đó lại, nước dùng cứ ngọt lử đi, ngọt một cách hiền lành, êm dịu, ngọt một cách thành thực, thiên nhiên, không có gì là hóa học... Không, ông phải thú nhận với tôi đi: "Có phải ăn một bát phở như thế thì khoan khoái quá, phải không?"

Quả vậy, ăn một bát phở như thế, phải nói rằng có thể "lâm ly" hơn là nghe thấy một câu nói hữu tình của người yêu. Ăn một bát phở như thế ví như sau một thời gian xa cách, được ngả vào trong tay một người vợ đẹp mà lại đa tình vậy!

(theo Vũ Bằng, *Miếng ngon Hà nội*)





• Chủ cá Lã Vọng - Hà Nội

VẤN ĐỀ CỦA TUỔI TRẺ

Youth Problems

1. Nghe cuộc đàm thoại sau đây giữa Minh và Hòa. Minh vào bệnh viện thăm Hòa sau khi nghe tin Hòa bị tai nạn xe hơi.



- Minh : Sao, đỡ chưa Hòa? Nghe nói anh bị tai nạn, tôi vội vào thăm anh ngay.
- Hòa : Cảm ơn anh. Tôi cũng đỡ nhiều rồi. Bác sĩ vừa chiếu điện, bảo xương tôi không bị gãy. Cũng còn may...
- Minh : Anh tốt số đấy. Anh uống nhiều rượu quá phải không? Anh không biết uống rượu rồi lái xe là nguyên nhân chính của những tai nạn giao thông trầm trọng hay sao?
- Hòa : Tôi thật ân hận. Tôi cũng biết uống rượu rồi lái xe là nguy hiểm, nhưng lúc đó tôi nghĩ là mình không say lắm. Thôi, từ nay tôi nhất định sẽ không bao giờ uống một giọt rượu nào nữa.

- Minh : *Không cần phải thế. Anh chỉ nên uống ít đi là được, và hễ đã uống thì đừng bao giờ ngó vào tay lái.*
- Hòa : *Không... không... Tôi nhất định bỏ rượu. Tôi vừa đọc tài liệu về những tác hại của rượu, tôi sợ quá. Không ngờ ghiền rượu lại gây ra nhiều thứ bệnh như vậy.*
- Minh : *Anh muốn nói đến bệnh đau bao tử, bệnh ung thư gan? Nhưng ngoài các bệnh đó, ghiền rượu còn có những tác hại về tâm lý, xã hội nữa, anh biết không?*
- Hòa : *Tác hại gì vậy?*
- Minh : *Người ghiền rượu thường mệt mỏi, uể oải làm việc, không chu toàn trách nhiệm khiến tâm lý lúc nào cũng bất an; đôi khi bị mặc cảm nữa. Về mặt xã hội, họ là gánh nặng cho các cơ quan y tế, xã hội của chính phủ.*
- Hòa : *Nhưng quan trọng hơn cả là người ghiền rượu đã tự rút ngắn đời sống của mình. Về điểm này thì người ghiền thuốc lá và ma túy cũng tương tự.*
- Minh : *Anh nhận xét rất đúng. Một số thanh niên hiện nay đua đòi với bạn bè, tập tành uống rượu, hút thuốc và sử dụng cả ma túy nữa. Những thứ này một khi đã quen thì rất khó bỏ, và thứ nào cũng rất tai hại cho sức khỏe.*
- Hòa : *Theo anh thì có cách nào để tránh những thói quen xấu này không?*
- Minh : *Có chứ. Ghiền rượu, thuốc lá hay ma túy đều có thể tránh được nếu người ta ý thức được sự nguy hại của chúng và tránh xa ngay từ đầu. Đối với những người đã ghiền, có thể nhờ các cơ quan y tế, bệnh viện giúp đỡ để cai rượu, cai thuốc... hoặc tự mình giảm bớt số lượng sử dụng.*
- Hòa : *Tôi thấy những người ghiền thuốc, ghiền rượu rất khó bỏ.*
- Minh : *Vì thế, tốt nhất là đừng nên tập uống rượu, hút thuốc, phải không anh?*
- Hòa : *Đúng thế. Chẳng hạn như tôi, nếu tôi không biết uống rượu thì hôm nay hẳn là tôi đã không phải nằm bệnh viện!*

2. Tìm các từ tiếng Anh tương đương với các từ tiếng Việt sau đây:

- 2.1 bị tai nạn :
- 2.2 đỡ :
- 2.3 tốt số :
- 2.4 ăn hận :
- 2.5 bỏ rượu :
- 2.6 bệnh đau bao tử :
- 2.7 bệnh ung thư gan :
- 2.8 mắc cảm :
- 2.9 người sử dụng :
- 2.10 nhận xét :
- 2.11 thói quen xấu :
- 2.12 ý thức :

3. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau:

A : *Bạn có uống rượu không?*

B :

A : *Theo bạn, uống rượu có hại gì?*

B :

A : *Có nên lái xe sau khi uống rượu nhiều không?*

B :

A : *Người uống rượu nhiều có bị giảm tuổi thọ không?*

B :

A : *Tại sao nhiều thanh niên tập tành uống rượu và hút thuốc?*

B :

A : *Người Việt Nam thường uống rượu nhiều hay ít?*

B :

4. Đọc các tài liệu sau đây và nghe lại bài đàm thoại ở (1), xong viết một bài tường trình về tác hại của rượu.

RƯỢU VÀ THAI NGHÉN

Bác sĩ khuyên phụ nữ đang mang thai không nên uống rượu vì rượu có thể gây tai hại cho thai nhi. Nếu uống thường xuyên và nhiều có thể làm hư thai, hoặc làm cho đứa bé sau này chậm phát triển hoặc ngu đần.



RƯỢU VÀ LUẬT PHÁP

Ở Úc, phần lớn luật về rượu đều do các chính phủ tiểu bang ban hành.

Các luật này quy định rõ ai có thể bán và mua rượu; nơi nào có thể mua và uống rượu.

Bán rượu cho một người dưới 18 tuổi là phạm pháp.



RƯỢU VÀ LÁI XE

Rượu là một trong những nguyên nhân gây ra rất nhiều tai nạn giao thông tại Úc.

Tại New South Wales, luật thông qua năm 1982 quy định rằng ai lái xe với nồng độ rượu trong máu (BAL) trên 0.05% là vi phạm luật. Người nào vi phạm luật này phải chịu nhiều hình phạt nặng nề như mất bằng lái xe trong một thời gian nào đó, bị phạt vạ, hoặc có thể bị phạt tù.

AI bị ảnh hưởng của rượu mà lái xe làm bị thương hoặc làm chết người khác có thể bị phạt tù.



.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Viết chính tả bài sau đây:

TÁC HẠI CỦA RƯỢU

Từ ngàn xưa, rượu đã gắn bó mật thiết với đời sống con người. Rượu là yếu tố không thể thiếu trong các dịp lễ lạc, quan hôn tang tế. Tuy vậy, việc uống rượu nhiều thường gây ra nhiều hậu quả rất trầm trọng.

Về phương diện thể chất, rượu là nguyên nhân của nhiều chứng bệnh hiểm nghèo như bệnh chai gan, vàng da, cổ trướng, sưng lá lách, viêm thần kinh...

Về phương diện tinh thần, rượu tác hại trực tiếp đến tế bào não, gây nên các chứng phán đoán sai lầm, mau quên, thần kinh bị rối loạn...

Về phương diện xã hội, người say rượu thường không chu toàn nhiệm vụ của mình, làm việc thất thường và là một gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Tóm lại, rượu gây ra nhiều nguy hại cho đời sống con người về cả ba phương diện: thể chất, tinh thần và xã hội.



6. Đối những câu sau đây thành những câu hỏi:

6.1 Vé phương diện thể chất, rượu là nguyên nhân của nhiều chứng bệnh hiểm nghèo.

.....
.....

6.2 Rượu là yếu tố không thể thiếu trong các dịp lễ lạc, quan hôn tang tế.

.....

6.3 Bán rượu cho một người dưới 18 tuổi là phạm pháp.

.....

6.4 Rượu là nguyên nhân gây ra rất nhiều tai nạn giao thông.

.....

7. Dùng các từ sau đây để điền vào chỗ trống trong bài cho hợp nghĩa: cấm, nguy hiểm, hoạt động, máy khói, hút thuốc, nguyên nhân, thanh niên, công cộng, chết yểu, bệnh phổi, bỏ hút.

TÁC HẠI CỦA THUỐC LÁ

Ngày nay, ai cũng biết thuốc lá là một trong những chính gây ra ung thư phổi, bệnh tim và nhiều thứ bệnh khác.

Những người bị kinh niên mà ghiền thuốc nặng thường có số tử vong cao gấp 30 lần so với những người không Lý do rất đơn giản là khói thuốc vào phổi sẽ làm phổi kém Thuốc lá cũng là nguyên nhân gây nên việc của nhiều thai nhi. Hơn thế nữa, hàng năm, những người ghiền thuốc lá tại Úc đốt hơn 10 triệu đô la thành

Do đó, Quốc Hội Úc đã thông qua đạo luật hút thuốc tại các nơi như chỗ làm việc, trường học và trên các phương tiện giao thông công cộng. Ngoài ra, ở Úc đã có nhiều chương trình kêu gọi và khuyến khích dân ghiền thuốc Đặc biệt là cấm các tiệm bán thuốc lá cho nam nữ dưới 18 tuổi.



8. Đặt 2 câu với từ "đến" trong mỗi trường hợp sau đây:

8.1 "đến" là một động từ.

Ví dụ: Anh nên **đến** nhà tôi càng sớm càng tốt.

a.

b.

8.2 "đến" là một phụ từ, đặt sau động từ với ý nghĩa chỉ mục đích.

Ví dụ: Các bạn đang nói **đến** sự tác hại của rượu.

a.

b.

8.3 "đến" kết hợp với "từ" thành cặp từ nối "từ... đến...".

Ví dụ: Từ ngày bị tai nạn xe hơi **đến** nay, tôi không còn muốn uống rượu nữa.

a.

b.

8.4 "đến" kết hợp với "thế" thành cặp từ tán thán "đến thế".

Ví dụ: Anh Nam hút thuốc nhiều **đến** thế!

a.

b.

9. Viết lại một câu chuyện cãi cọ xảy ra do việc uống rượu nhiều gây nên. Sau đây là các câu hỏi gợi ý:

- Sự việc xảy ra ở đâu?
- Do ai bắt đầu?
- Họ đã uống rượu nhiều chưa?
- Kể lại diễn tiến việc gây gỗ giữa hai bên.
- Có ai can ngăn họ không?
- Có ai gọi cảnh sát không?
- Sự việc kết thúc như thế nào?



10. Đọc tài liệu sau đây, ghi ra những điểm chính và thảo luận theo từng nhóm.

Vấn đề nghiện ngập ma túy

Nguyên nhân

Các công trình nghiên cứu khoa học về vấn đề nghiện ngập ma túy cho thấy yếu tố di truyền giữ một vai trò quan trọng trong việc một người có thể rơi vào con đường nghiện ngập. Điều này có nghĩa là một người sinh ra với yếu tố di truyền cảm ứng ma túy trong người dễ bị nghiện ma túy hơn người không có yếu tố di truyền.

Tuy nhiên, yếu tố hoàn cảnh mới thực sự đẩy người ta vào con đường này. Các yếu tố hoàn cảnh sau đây tuy đóng vai trò xúc tác quan trọng trong việc sử dụng và đưa đến con đường nghiện ngập ma túy nhưng không phải lúc nào cũng là điều kiện đủ để gây nghiện ngập.

- Cảm giác nhàm chán, cô đơn, buồn bã ở một đứa trẻ là một trong những yếu tố dễ đưa đến các hoạt động hoặc hành vi bất lợi, kể cả việc sử dụng ma túy.

- Không có hướng đi, tương lai "mù mịt" vì học không được, vì gia đình ly tán v.v...

- Lòng tự ti mặc cảm vì bị cha mẹ đánh đập, chửi mắng, hoặc đối xử rề rúng, hay bị tật nguyền, bị khiếm khuyết về một phương diện nào đó.

- Bị các áp lực như thi cử, học hành thi đua với bạn bè, tranh đua thể thao, cố tuân thủ mong ước của gia đình hay gia tộc.

- Theo gương xấu của những người chung quanh: rượu chè, hút sách, chích chòe...

- Bạn bè rủ rê đàn đúm, cùng nhau tổ ra mình cứng cỏi, mạnh mẽ, hay để được lòng nhau.

- Có tiền rủng rỉnh, cần phải chi tiêu thứ này thứ nọ.

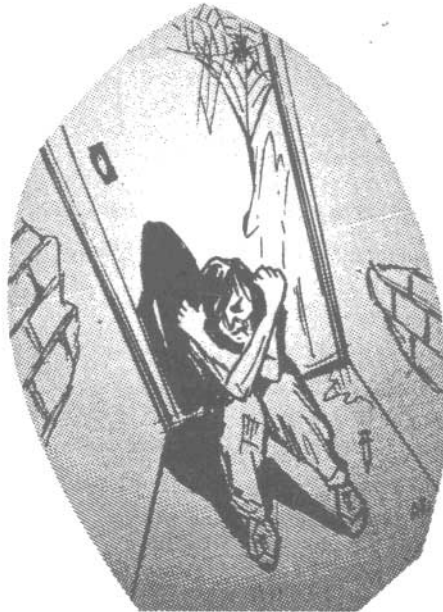
- Ma túy đã tràn ngập lại thêm bị dụ dỗ bởi những tay chuyên quyền rũ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy. Các thanh thiếu niên không ở với thân nhân là một trong những nhóm dễ bị chúng dụ dỗ.

Nói chung các em lúc đầu sử dụng ma túy vì tò mò muốn thử cho biết. Cũng có khi ma túy là giải pháp giúp làm lắng dịu các cơn âu lo, sợ hãi và thất vọng. Lâu dần, "giải pháp" trở thành cơn ghiền đòi hỏi phải được chữa trị.

Việc chữa trị

Chữa trị chứng nghiện ngập ma túy có lẽ là công việc tốn hao tâm huyết và thì giờ nhất trên đời. Đúng như lời phát biểu trên chương trình Việt ngữ của đài SBS: bỏ thuốc lá đã là một công trình to tát nói chi đến bỏ ma túy.

Thông thường cách chữa trị cho các người nghiện ma túy gồm hai phần: phần trị liệu bằng hướng dẫn tâm lý và phần chữa trị bằng thuốc men. Các chương trình chữa trị công phu này thường được tổ chức trong các y viện đặc biệt. Bác sĩ hay nhân viên y tế cộng đồng có thể giúp giới thiệu người bệnh gia nhập



các chương trình trị liệu này.

Ngoài ra, chương trình "methadone program" giúp người nghiện bạch phiến thoát giảm tình trạng nghiện ngập. Họ được cấp liều lượng "methadone" định kỳ để khỏi bị vật vã. Tuy nhiên họ vẫn ở trong tình trạng nghiện bạch phiến. Các chuyên viên về ma túy và rượu có thể giải thích thêm các chi tiết về chương trình này nếu quý vị cần.

Trong việc chữa trị, dù dưới bất cứ hình thức nào và ở đâu, người nghiện phải được hết lòng nâng đỡ về mặt tâm lý, tình cảm và tinh thần. Ngoài ra, gia đình phải chuẩn bị tư tưởng để đối phó

với nhiều khó khăn trước mắt: sự dèm pha của người chung quanh, sự lố kém, nãn chí và buồn phiền...

Nghiện ngập càng lâu càng nặng và càng khó chữa. Dấu điểm tình trạng con cái mình nghiện ngập sẽ chẳng giải quyết được gì mà còn có thể gây thêm nguy hại về nhiều phương diện: chẳng hạn, các em có thể sa vào cuộc sống phạm pháp để tìm cách thỏa mãn cơn nghiện hoặc phải chịu những biến chuyển tâm sinh lý tai hại do tình trạng nghiện ngập kéo dài. Tốt hơn hết là nên bắt tay vào việc tìm đường cứu chữa. Cứ coi như con mình đang bị một cơn bệnh nan y cần phải được chữa trị cấp thời.

Cố gắng xóa tan các mặc cảm về cá nhân cũng như gia đình. Giúp con mình luyện chí đủ mạnh để thoát ra khỏi mãnh lực của ma túy. Và cũng đừng quên rằng bạn ghiền cũ, chấu ghiền cũ là những nhắc nhở đưa người được chữa hết ghiền trở lại con đường nghiện ngập ma túy.

Tóm lại, khi phát giác con cái bị nghiện ngập ma túy, cha mẹ nên tìm phương cách chữa trị ngay. Việc chữa trị chứng nghiện ma túy là một công trình đầy nước mắt và tình thương. Cha mẹ nào thành công qua chặng đường này, giúp đỡ con trẻ thoát đời nghiện ngập ma túy rất đáng được kính nể và ca ngợi...

(theo Dương Xuân)

11. Dịch các câu sau đây ra tiếng Việt:

11.1 *Diseases such as lung cancer and heart disease tend to occur in those who have smoked for a number of years.*

.....

11.2 *Studies have shown that the levels of carbon monoxide in the blood of a 20 cigarette a day smoker can impair vision, perception of time and co-ordination.*

.....

11.3 *Nicotine from tobacco smoke reaches the brain and muscle tissue within seconds of being inhaled. When nicotine is present a number of changes occur.*

.....

11.4 *The heart rate increases. This can be measured as an increase in pulse rate. Nicotine also causes an increase in blood pressure and a slowing in circulation in*

the smaller blood vessels. This slowing in circulation, together with constriction of blood vessels has the effect of lowering the skin temperature.

12. Từng nhóm 4 học sinh đọc và thảo luận về tài liệu sau đây:

Phòng ngừa bệnh AIDS là trách nhiệm của mọi người

Tại Úc, bệnh AIDS được phát hiện lần đầu tiên vào năm 1982. Từ đó, chứng bệnh này đã lan tràn nhanh chóng đến mức khủng khiếp.

Vi khuẩn AIDS có thể xâm nhập vào bất cứ ai, bất kể giới tính (nam hay nữ), bất kể màu da (người Âu châu, Úc châu hay Á châu...)

Hiện nay y học chưa trị nổi bệnh AIDS. Không có thuốc thần hay thuốc chích ngừa nào có thể cản trở vi khuẩn dừng lan tràn cả.

Tuy nhiên ta có thể phòng ngừa để cho vi khuẩn AIDS đừng xâm nhập vào gia đình, cộng đồng chúng ta và chính chúng ta.

AIDS là gì?

Chữ AIDS là viết tắt những chữ Acquired Immune Deficiency Syndrome (Hội chứng liệt kháng).

Tình trạng này do một vi khuẩn gọi là HIV (Human Immunodeficiency Virus) tức vi khuẩn giảm kháng tố gây ra

Vi khuẩn này được truyền trong máu, tinh dịch, âm dịch (chất nhờn trong bộ phận sinh dục phụ nữ) và sữa của những người mẹ bị nhiễm bệnh.

Vi trùng AIDS xâm nhập vào thân thể con người khiến cho thân thể mất khả năng chống bệnh tật nên bạn rất dễ bị tấn công bởi bất cứ loại vi trùng nào.

Vi khuẩn AIDS có dễ bị lây không?

Không, vi khuẩn AIDS rất yếu và chỉ có thể sống trong một thời gian rất ngắn ngoài thân thể con người.

Không có bằng chứng y khoa nào cho rằng bạn có thể mắc phải vi khuẩn AIDS qua việc hôn hít, sờ mó, bắt tay, ôm ấp, ho hoặc hắt xì, bị muỗi hay côn trùng cắn, ăn hay uống chung, sử dụng hồ tắm chung...

Vi khuẩn AIDS lan tràn bằng cách nào?

- Qua các hoạt động sinh lý: Sự giao hợp rất nguy hiểm khi một trong hai người bị mắc bệnh AIDS. Nguy cơ truyền bệnh sẽ được giảm nếu bạn sử dụng lối sinh lý an toàn, thí dụ như dùng áo mưa.

- Qua việc chích thuốc phiện vào người: Dùng chung kim chích và ống chích thuốc phiện với người khác là một điều nguy hiểm vô cùng bởi vì vi khuẩn AIDS có thể chạy ngay vào dòng máu.

- Từ mẹ qua con: Một bà mẹ bị nhiễm bệnh có thể truyền vi khuẩn AIDS cho con trong thời kỳ thai nghén hoặc khi cho con bú sữa mẹ.

- Qua sự tiếp xúc máu đã bị nhiễm trùng: Kể từ năm 1985, tất cả những máu hiến đều được kiểm nghiệm để loại trừ những máu nhiễm vi khuẩn HIV. Việc hiến và nhận máu ở Úc đều an toàn. Tuy nhiên, tại các quốc gia khác, điều này không phải lúc nào cũng an toàn. Nếu bạn được tiếp xúc máu ở Úc trong thời gian từ năm 1980 đến tháng 5 năm 1985, bạn nên xin bác sĩ đi thử máu xem có vi khuẩn HIV không.

1. Từng hai học sinh tập đàm thoại với nhau:

A : *Bạn muốn làm gì trong tương lai?*

B :

A : *Bạn có khả năng gì?*

B :

A : *Khả năng của bạn có thích hợp với nghề bạn thích không?*

B :

A : *Các môn bạn đang học có liên quan đến nghề bạn thích không?*

B :

A : *Bạn đã tham dự một buổi thuyết trình về nghề nghiệp nào chưa?*

B :

A : *Bạn có bao giờ đi xem một cơ quan, cơ sở kinh doanh hay nhà máy thuộc lĩnh vực mà bạn muốn làm việc chưa?*

B :

A : *Bạn có dịp nói chuyện với người đã làm hoặc đang làm nghề mà bạn thích chưa?*

B :

A : *Bạn có dịp tìm hiểu mức cung cầu hiện nay của nghề bạn thích chưa?*

B :

2. Mỗi học sinh trả lời bản trắc nghiệm năng khiếu sau đây để biết mình có kỹ năng gì.

TRẮC NGHIỆM NĂNG KHIẾU

Bản trắc nghiệm gồm 11 mục, mỗi mục có 10 câu hỏi. Mỗi câu hỏi sẽ được trả lời theo mức độ:

- Không thích chút nào 0
- Thích một chút 1
- Thích 2
- Thích nhiều 3
- Thích rất nhiều 4

Trả lời mức độ nào, cho điểm số ở mức độ đó. Toàn bộ số điểm sẽ được ghi vào ô đóng khung.

- | | | | | | |
|-----------------------------------|---|---|---|---|---|
| i) Thích cái đẹp | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Thích sáng tác truyện | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Thích phác họa và vẽ | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Hiểu nghệ thuật, văn chương, nhạc | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Vẽ biểu đồ và mẫu kỹ nghệ | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Thích vẽ, chạm trổ hoặc nắn tượng | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Học hoặc dạy nhạc | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Vẽ mẫu vải hoặc vẽ mẫu quần áo | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Thích đóng kịch | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Viết nhật ký và viết truyện | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |

Tổng cộng:

.....

- | | | | | | |
|--------------------------------|---|---|---|---|---|
| ii) Sử dụng điện toán | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Thiết lập hoạt động kinh doanh | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Ghi nhận chính xác các dữ kiện | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Làm việc ở tổng đài | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Dự trù ngân sách | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Sắp xếp văn kiện | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Làm việc cẩn thận và chính xác | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Đánh dữ kiện vào máy điện toán | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Làm việc với máy tính | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |
| Quản trị văn khố, thư viện | 0 | 1 | 2 | 3 | 4 |

Tổng cộng:

.....



iii) Dễ hòa đồng với mọi người	0	1	2	3	4
Đối thoại với mọi người	0	1	2	3	4
Có bè bạn thân thiện	0	1	2	3	4
Thích giúp đỡ người khác	0	1	2	3	4
Thích người đang hoang	0	1	2	3	4
Tổ chức hoạt động giải trí	0	1	2	3	4
Liên hệ tới hoạt động cộng đồng	0	1	2	3	4
Tính tình vui vẻ	0	1	2	3	4
Lắng nghe người khác	0	1	2	3	4
Giỏi cắt nghĩa sự kiện	0	1	2	3	4

Tổng cộng:

.....



iv) Suy nghĩ theo nguyên tắc	0	1	2	3	4
Biết tính toán chính xác	0	1	2	3	4
Biết một chương trình điện toán	0	1	2	3	4
Giỏi thực hành	0	1	2	3	4
Biết làm toán	0	1	2	3	4
Điều khiển hệ thống kế toán	0	1	2	3	4
Giải quyết toán học	0	1	2	3	4
Làm việc với biểu đồ và thống kê	0	1	2	3	4
Biết sử dụng bàn toán	0	1	2	3	4
Thích toán học	0	1	2	3	4

Tổng cộng:

.....



v) Thích toán và khoa học	0	1	2	3	4
Phác họa và xây dựng địa ốc	0	1	2	3	4
Đề ý đến chi tiết	0	1	2	3	4
Thích lý thuyết cơ khí	0	1	2	3	4
Phác họa và thiết kế dụng cụ kỹ thuật	0	1	2	3	4
Làm việc với thiếc, kẽm và các hợp kim khác	0	1	2	3	4
Làm việc với tranh ảnh và các thứ liên hệ	0	1	2	3	4
Giải quyết vấn đề kỹ thuật	0	1	2	3	4
Hiểu biết về điện tử	0	1	2	3	4
Làm việc với dụng cụ hoặc máy móc	0	1	2	3	4

Tổng cộng:

.....



vi) Viết bài phê bình	0 1 2 3 4
Hiểu việc và có khả năng tập trung	0 1 2 3 4
Làm việc trong ngành báo chí	0 1 2 3 4
Làm việc trong ngành xuất bản	0 1 2 3 4
Có thể nói chuyện với mọi người	0 1 2 3 4
Thích viết và đọc sách	0 1 2 3 4
Làm việc trong ngành truyền hình và truyền thanh	0 1 2 3 4
Cung cấp ý tưởng để làm quảng cáo	0 1 2 3 4
Viết truyện ngắn	0 1 2 3 4
Thích tài liệu in và tài liệu nói	0 1 2 3 4

Tổng cộng:

.....



vii) Làm việc chính xác	0 1 2 3 4
Làm theo mẫu mực quy định	0 1 2 3 4
Làm việc với gỗ, nhựa nắn và kim khí	0 1 2 3 4
Làm việc kiên nhẫn và ý tứ	0 1 2 3 4
Thích thực tập	0 1 2 3 4
Làm việc tay chân	0 1 2 3 4
Làm hoặc sửa chữa đồ vật	0 1 2 3 4
Giải quyết những vấn đề khó khăn	0 1 2 3 4
Làm về ngành điện hoặc dụng cụ	0 1 2 3 4
Sử dụng những dụng cụ đặc biệt	0 1 2 3 4

Tổng cộng:

.....



viii) Thích giúp đỡ người bệnh	0 1 2 3 4
Khảo cứu y khoa	0 1 2 3 4
Làm trong phòng thí nghiệm	0 1 2 3 4
Có thể làm việc trong sự căng thẳng	0 1 2 3 4
Giúp đỡ người bệnh tâm thần hoặc thể chất	0 1 2 3 4
Khảo cứu nguyên do gây bệnh và cách trị liệu	0 1 2 3 4
Thích chăm sóc sức khỏe cho người khác	0 1 2 3 4
Để ý đến thái độ người khác	0 1 2 3 4
Giúp đỡ người gặp trở ngại y tế	0 1 2 3 4
Liên hệ với bệnh nhân	0 1 2 3 4

Tổng cộng:

.....



- | | |
|--------------------------------------|-----------|
| ix) Hoạt động giải trí và thể thao | 0 1 2 3 4 |
| Thích sống gần thiên nhiên | 0 1 2 3 4 |
| Thích làm việc bảo vệ môi sinh | 0 1 2 3 4 |
| Làm việc ngoài trời | 0 1 2 3 4 |
| Thích thú làm việc ngoài trời | 0 1 2 3 4 |
| Thể thao và các hoạt động ngoài trời | 0 1 2 3 4 |
| Làm trong điều kiện khó khăn | 0 1 2 3 4 |
| Làm việc khi thời tiết khô khan | 0 1 2 3 4 |
| Thích vấn đề bảo vệ môi sinh | 0 1 2 3 4 |
| Thích làm ruộng | 0 1 2 3 4 |

Tổng cộng: _____



- | | |
|-------------------------------------|-----------|
| x) Làm việc với nhiệt tình | 0 1 2 3 4 |
| Tiếp xúc với người khác | 0 1 2 3 4 |
| Giúp đỡ người khác | 0 1 2 3 4 |
| Liên hệ tốt với mọi người | 0 1 2 3 4 |
| Dễ ảnh hưởng trên người khác | 0 1 2 3 4 |
| Hướng dẫn các nhóm tranh luận | 0 1 2 3 4 |
| Có khả năng truyền đạt | 0 1 2 3 4 |
| Trò chuyện, tranh luận và giảng dạy | 0 1 2 3 4 |
| Hiểu biết quan điểm của người khác | 0 1 2 3 4 |
| Thích giảng dạy | 0 1 2 3 4 |

Tổng cộng: _____



- | | |
|------------------------------------|-----------|
| xi) Làm thảo chương viên điện toán | 0 1 2 3 4 |
| Thích toán và khoa học | 0 1 2 3 4 |
| Đọc tác phẩm khoa học | 0 1 2 3 4 |
| Sử dụng công thức hóa học | 0 1 2 3 4 |
| Đề ý chi tiết và chính xác | 0 1 2 3 4 |
| Kỹ năng điều tra và thẩm vấn | 0 1 2 3 4 |
| Có năng khiếu quan sát | 0 1 2 3 4 |
| Có kinh nghiệm thí nghiệm khoa học | 0 1 2 3 4 |
| Kiên nhẫn thực hiện khảo cứu | 0 1 2 3 4 |
| Thích lý thuyết khoa học | 0 1 2 3 4 |

Tổng cộng: _____



Tóm tắt bản trắc nghiệm

Đề mục	Năng khiếu - nghề nghiệp	Điểm số
i	Nghệ thuật, sáng tác	
ii	Hành chính, quản trị	
iii	Làm việc cộng đồng	
iv	Điện toán	
v	Cơ khí, kỹ thuật	
vi	Văn chương	
vii	Làm việc tay chân	
viii	Y học	
ix	Làm việc ngoài trời	
x	Giao tế	
xi	Khoa học	



Viết kết quả 3 loại điểm cao nhất của bản trắc nghiệm trên. Nghề nào có số điểm cao nhất là nghề thích hợp với bạn nhất.

(theo Nguyễn Ngọc Vân,
Bi quyết có việc làm tại Úc)

3. Đọc bài sau đây:

TÌM VIỆC Ở ĐÂU?

Sau khi đã được huấn luyện một nghề nào, bạn phải nỗ lực đi tìm việc. Sau đây là một số cách chính:

Tiếp xúc cá nhân:

Bạn nên nói cho thân nhân, bạn bè, láng giềng, và các thầy cô giáo bạn biết là bạn đang tìm việc. Nếu được, nên tiếp xúc với các thương gia mà bạn quen biết. Có khi những người này không cần thu nhận người nhưng trong lãnh vực của họ, họ có thể biết nơi nào đang có nhu cầu và họ có thể giới thiệu cho bạn.

Ưu điểm của việc giới thiệu này rất rõ rệt: nó tạo nên sự tin tưởng đầu tiên ở những người chủ khiến họ an tâm và dễ dàng tuyển dụng bạn.

Tiếp xúc thẳng với các công ty, xí nghiệp, cơ sở kinh doanh:

Bạn có thể gọi điện thoại, viết thư hoặc đến thẳng các công ty, xí nghiệp và các cơ sở kinh doanh mà bạn thấy thích hợp với nghề của bạn, không cần biết là ở nơi đó có cần người hay không.

Việc liên lạc này có điểm lợi là giúp cho chủ nhân biết được bạn. Đôi khi họ đang thực sự cần người nhưng không muốn hoặc chưa kịp thông báo. Đôi khi họ chưa cần nhưng một lúc nào đó sẽ cần và lúc ấy họ sẽ nhớ đến bạn.

Muốn biết địa chỉ và số điện thoại của các công ty, xí nghiệp này, bạn có thể tìm xem trong niên giám điện thoại thương mại (Yellow Pages) hoặc xem báo...

Xem các thông báo trên báo chí:

Nên xem mục "Cần người" quảng cáo trên các báo địa phương hay báo quốc gia. Đặc biệt báo tiểu bang hay liên bang hai ngày thứ Tư và thứ Bảy thường có nhiều quảng cáo nhất. Hãy xem cẩn thận các thông báo cần tuyển dụng người này đòi hỏi điều kiện và khả năng gì. Nếu thấy công việc hợp với trình độ học vấn, khả năng hay bằng cấp chuyên môn của mình thì nên làm đơn xin việc ngay.

Xem các bảng thông báo:

Những bảng thông báo cần người thường được dán ở ngoài cửa các hãng



hay công sở, hoặc trong các cửa hàng. Những bảng này thường cho biết chi tiết về các loại công việc họ cần.

Những bảng thông báo cần người cũng thường được dán ở các công trường, siêu thị, cửa hàng bách hoá.

Tiếp xúc với các tham vấn nghề nghiệp:

Tại mỗi trường học, cao đẳng hoặc đại học, đều có những vị tham vấn nghề nghiệp. Bạn nên tiếp xúc với họ, hỏi xem có những công việc nào hợp với bạn không?

Tiếp xúc với Sở Nhân dụng Liên bang (CES):

Sở Nhân dụng Liên bang (CES) là nơi giúp những người thất nghiệp tìm việc làm. Khi bạn đến tìm việc ở đây, nhân viên sẽ cho bạn biết một số công việc cần người làm do giới chủ nhân gửi đến cho họ. Nếu bạn thấy có công việc nào thích hợp, họ sẽ sắp xếp giới thiệu cho bạn.

4. Trả lời các câu hỏi sau đây:

4.1 Bạn bè, họ hàng... có thể giúp bạn tìm việc làm bằng cách nào?

.....

4.2 Làm thế nào để biết địa chỉ, số điện thoại của các công ty, xí nghiệp?

.....

4.3 Báo hàng ngày thường có thông báo cần người vào những ngày nào?

.....

4.4 Sở Nhân dụng có thể giúp bạn tìm việc như thế nào?

.....



5. Đọc mẫu đơn xin việc và bản Sơ yếu lý lịch sau đây:

5.1 Mẫu đơn xin việc:

Ngày 26 tháng 9 năm 1994

108 Buckley Street
Footscray, VIC 3011

Kính gửi
Ông Giám đốc
Trung tâm Du lịch Đại Bàng
P.O.Box 666
Melbourne, VIC 3001

Thưa Ông,

Tôi muốn xin việc làm nhân viên kế toán cho Trung tâm Du lịch Đại Bàng, được quảng cáo trên báo *Dân Việt* ngày 25 tháng 9 năm 1994.

Tôi xin đính kèm bản Sơ yếu lý lịch về chi tiết cá nhân, văn bằng và quá trình làm việc.

Tôi nhận thấy tôi có khả năng thích hợp với công việc nói trên, và mong được hân hạnh dự cuộc phỏng vấn vào bất cứ ngày giờ nào mà Ông / Bà thấy thuận tiện.

Kính chào Ông,

THANH NGUYỄN

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Tên: THANH NGUYEN
Ngày sinh: 1 tháng 1 năm 1975
Địa chỉ: 108 Buckley Street
Footscray, VIC 3011
Điện thoại: 687 4049
Quốc tịch: Úc

VĂN BẰNG:

- Cử nhân Kế toán
- Cử nhân Văn khoa
(Ngành Ngôn ngữ và Á châu học)
Viện Đại học Kỹ thuật Victoria

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC:

1991-1993 Kế toán viên
Sở Thuế thành phố Melbourne

1990-1991 Làm việc tình nguyện
Văn phòng Kế toán
Trung tâm Điện toán Sunshine

NGƯỜI BẢO CHỨNG: Ông Michael Kennedy
Tổng Giám đốc Thuế vụ
Sở Thuế thành phố Melbourne
Điện thoại: (03) 876 5432

Bà Mary Water
Văn phòng Kế toán
Trung tâm Điện toán Sunshine
Điện thoại: (03) 318 2690

6. Xem các mẫu quảng cáo dưới đây, chọn công việc nào mình thích, hãy viết một đơn xin việc kèm theo bản Sơ yếu lý lịch.

CẦN NHÂN VIÊN GIAO TẾ

Công ty Phoenix Communication System chuyên chế tạo software dùng trong kỹ nghệ truyền thông cần tuyển một nhân viên trẻ để huấn luyện tham gia toán nhân viên tiếp xúc và phục vụ khách hàng.

Nếu ứng viên có khả năng căn bản về máy điện toán, thích tiếp xúc với người khác và có khả năng làm việc trong môi trường luôn đòi hỏi sự cố gắng, xin gửi đơn viết tay về:

Personnel Manager
Phoenix Communication System
290-296 Burwood Highway
Burwood East, VIC 3151

CẦN THỢ ĐIỆN

Hãng Nilsen Electric cần tuyển một số công nhân cho nhu cầu năm 1995.

Ứng viên phải có trình độ lớp 12 hoặc tốt nghiệp trung học và sẽ được huấn luyện về chuyên môn. Đơn phải được viết tay và gửi gấp về:

The Manager Nilsen Electric (Vic)
P.O.Box 226 West Heiderberg 3081

CẦN THỢ IN

Hãng FILDES PTY LTD cần tuyển thợ in, làm việc trong điều kiện sạch sẽ, máy móc tối tân, tương lai bảo đảm.

Ứng viên phải học xong lớp 11. Đơn viết tay gửi về:

The Production Manager
FILDES PTY LTD
28-32 George Street
Sandringham, VIC 3191

CẦN NHÂN VIÊN SỬ DỤNG MÁY VI TÍNH

Công ty Peter Standford, chuyên sản xuất và phân phối thiệp báo hỉ và các sản phẩm liên hệ, cần tuyển dụng một nhân viên sử dụng máy vi tính chuyên trách các bản báo cáo sản xuất, đơn từ đặt hàng và các công việc giấy tờ liên hệ.

Đơn viết tay xin gửi về:
Personnel Manager
Peter Standford Pty Ltd
Bag 100, Roseband MDC
Clayton, VIC 3169



7. Đọc bài sau đây:

Nên chọn nghề gì?

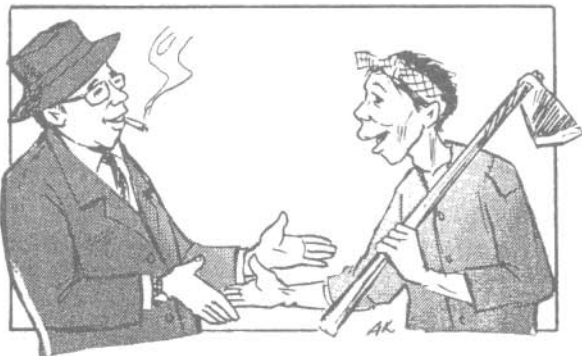
Nghề nghiệp giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống mọi người. Nghề nghiệp là chiếc thang giúp cho mọi người vươn lên trau dồi năng lực cho bản thân và đóng góp cho xã hội. Nghề nào cũng cao quý và cần thiết cho xã hội. Tuy nhiên, điều quan trọng là mỗi người phải chọn cho mình một nghề nghiệp đúng với sở thích và khả năng của mình. Em dự định sau khi đậu tú tài sẽ theo ngành kinh tế thương mại.

Xã hội Việt Nam, với những điều kiện văn hóa xã hội riêng biệt, thường đánh giá thấp, thậm chí xem thường ngành kinh doanh buôn bán: "*Nhất sĩ, nhì nông, tam công, tứ thương*". Thương gia được xếp hạng chót trong xã hội. Vì thế, bên cạnh một lịch sử chinh chiến đẫm máu, quan niệm xem thường ngành buôn bán cũng là một nguyên nhân đưa đến nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu của Việt Nam. Thật ra, dân tộc Việt đã chứng tỏ được khả năng của mình trong nhiều lãnh vực, riêng lãnh vực kinh doanh rõ ràng còn thua kém các sắc dân khác quá xa.

Phần lớn thanh niên Việt Nam tập trung học các ngành khoa học kỹ thuật, và ít học về kinh tế thương mại. Trong khi nhiều sắc dân khác lại tập trung học về kinh doanh. Và thường đó là những sắc dân thành công, ví dụ như người Hoa, người Do Thái.

Kiến thức khoa học và kỹ thuật không thể thiếu được đối với một đất nước, một dân tộc. Nhưng nếu chỉ với kiến thức khoa học kỹ thuật, ta cũng chưa thể làm được hết mọi việc. Kiến thức về kinh tế, quản trị kinh doanh có tầm quan trọng và hữu ích riêng của nó. Cha ông ta ngày xưa cũng đã có quan niệm: "*Phi thương bất phú*".

Dân Việt đang cố gắng vươn lên, cho kịp với đà tiến bộ của thế giới, nhưng lại không quan tâm đúng mức đến lãnh vực kinh doanh, hoặc nếu có, chỉ ở mức độ nhỏ.



Em thiết nghĩ, người Việt cần hiểu biết nhiều về kinh doanh thương mại. Hiện nay cũng như trong tương lai, dân tộc Việt Nam đang và sẽ cần rất nhiều nhà kinh tế, thương gia... vì ai cũng biết đến thế kỷ 21, hình thái "chiến tranh vô trang" sẽ nhường chỗ cho "chiến tranh kinh tế".

Riêng cá nhân em, em có sở thích đặc biệt đối với lãnh vực này. Kinh tế là một khoa học biến động không ngừng, dường như nó không theo một quy luật, một công thức nào mãi mãi. Những con số, những biểu đồ có thể làm cho nhiều người buồn chán, nhưng em lại cảm thấy bị thu hút bởi những con số vô tri, vô giác ấy. Những biểu đồ lô nhô ấy nói lên được sức sống kinh tế của một quốc gia, một công ty, một cơ sở kinh doanh...

Kinh tế ảnh hưởng cuộc sống xã hội, cuộc sống của mọi gia đình và mọi người chúng ta. Giá dầu thế giới tăng vọt từ cuộc khủng hoảng kinh tế vùng Vịnh đã ảnh hưởng đến kinh tế toàn cầu. Ở nước Úc ngày nay, một chính sách kinh tế không thích hợp đang làm hao mòn sức mạnh quốc gia. Rõ ràng là kinh tế chi phối mọi sinh hoạt của xã hội con người và nó len lỏi vào mọi góc ngách trong cuộc sống con người.

Em không dám mơ mình sẽ trở thành một nhà kinh tế tài ba, nhưng em ước mong ít nhất mình cũng có thể là một viên gạch nhỏ bé nhưng cần thiết để xây một lâu đài to lớn.

8. Viết ra đại ý bài vừa đọc:

.....
.....
.....

9. Từng nhóm học sinh thảo luận về bài đọc ở (7). Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

9.1 Tại sao mỗi người phải chọn cho mình một nghề?
.....

9.2 Có nghề nào cao quý hơn nghề nào không? Tại sao?
.....

9.3 Đa số thanh niên Việt Nam học ngành nào nhiều hơn cả?
.....

9.4 Tại sao kinh tế là một yếu tố quan trọng trong việc phát triển quốc gia?
.....

9.5 Bạn thích chọn nghề gì? Tại sao?

.....

10. Dùng phụ từ "vẫn" hay "còn" đặt trước động từ trong các câu sau đây để diễn tả một hoạt động đang tiếp diễn:

Vi dụ: Bạn tôi đang học lớp mười một.
Bạn tôi **vẫn** đang học lớp mười một.

10.1 Hiện nay, môn học liên quan đến ngành nghề sau này của học sinh.

.....

10.2 Tôi thường xuyên xem mục "Cần người" trên báo để tìm việc làm.

.....

10.3 Bạn bè hoặc hàng xóm giúp nhau kiếm việc làm.

.....

10.4 Sở Nhân dụng Liên bang (CES) giới thiệu việc làm cho người thất nghiệp.

.....

11. Dùng hai phụ từ "vẫn còn" đặt trước động từ trong các câu sau đây:

Vi dụ: Trong mấy tháng nay, Nam đang tìm việc làm.
Trong mấy tháng nay, Nam **vẫn còn** đang tìm việc làm.

11.1 Phần lớn thanh niên Việt Nam tập trung vào các ngành khoa học kỹ thuật.

.....

11.2 Dân tộc Việt Nam hãnh diện về lịch sử oai hùng của họ.

.....

11.3 Kinh tế chi phối mọi sinh hoạt xã hội.

.....

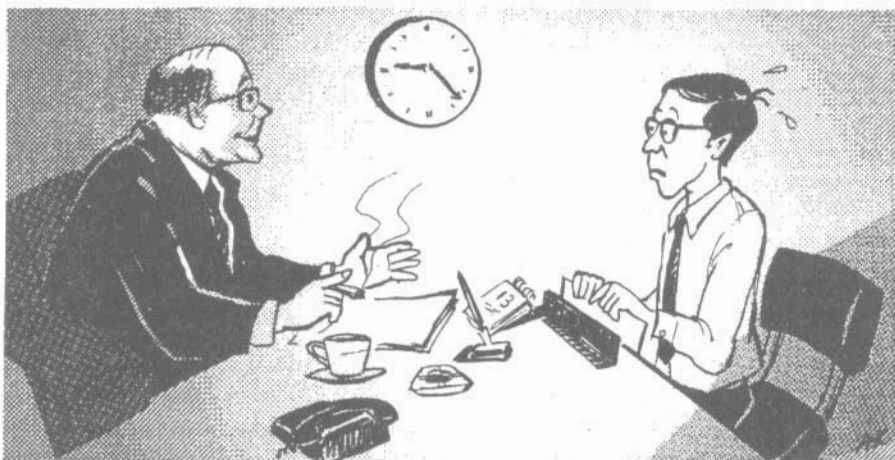
11.4 Nước Việt Nam đang cần nhiều nhà kinh tế tài ba lỗi lạc.

.....

12. Nghe bài nói chuyện sau đây và ghi lại những điểm chính:

PHỎNG VẤN

Khả năng tham dự phỏng vấn là kết quả của việc học hỏi và rất quan trọng trong việc tìm ra công ăn việc làm. Hầu hết mọi người đều xem chuyện phỏng vấn là một vấn đề khó khăn. Tuy nhiên, vì tầm quan trọng của việc phỏng vấn mà nhiều người đã đề ra những phương cách giúp cho người được phỏng vấn thành công. Đọc sách hay xem băng video về kỹ thuật dự phỏng vấn sẽ rất hữu ích. Bạn có thể tìm thấy những sách và băng video này tại các trung tâm hướng dẫn hay trung tâm giới thiệu việc làm.



TRƯỚC KHI PHỎNG VẤN

- Nếu đây là lần đầu tiên dự phỏng vấn, bạn nhớ tập phỏng vấn mình thử hay xem băng video. Điều này có thể giúp bạn chuẩn bị trước một số câu hỏi có thể bị hỏi tới.

- Tinh trước mình nên ăn mặc như thế nào. Coi kỹ lại xem quần áo có thích hợp với công việc, chức vụ mình muốn xin hay không. Nếu xin việc làm tay chân hay xin học, bạn có thể mặc quần áo đơn giản, gọn gàng. Xin công việc văn phòng, bạn nên ăn mặc trang trọng, tề chỉnh. Nên nhớ là ấn tượng đầu tiên rất quan trọng.

- Nghiên cứu kỹ nơi phải đến và phương tiện đi đến đó. Đặt kế hoạch thế nào để đến trước giờ hẹn phỏng vấn độ 10 phút.

- Viết một bản câu hỏi về chi tiết của công việc làm không có ghi trong quảng cáo hay tờ tài liệu mô tả công việc. Khi có dịp được hỏi lại người phỏng vấn bạn thì bản câu hỏi này rất ích lợi. Đừng ngại ngần khi xem tờ câu hỏi soạn trước vì điều này cho thấy là bạn đã chuẩn bị chu đáo mọi việc.

NHỮNG GÌ CẦN MANG THEO KHI DỰ PHÒNG VẤN

- Bản tóm lược tiểu sử của mình
- Tập nhật ký / lịch
- Viết
 - Quá trình làm việc của mình, có ghi ngày rõ ràng để có thể sẵn sàng đi vào đơn xin việc. Chi tiết này thật ra nên có trong bản tóm lược.
 - Bản ghi hay chứng chỉ có ghi kết quả giáo dục đại học (nếu có)
 - Các thư giới thiệu
 - Bản sao giấy khai sinh
 - Kiến thức về công ty hay cơ sở thương mại tương lai muốn xin vào và các sản phẩm hay dịch vụ của nó. Bạn có thể nhìn vào bản mô tả công việc, tờ quảng cáo công ty hay tờ hướng dẫn về các cơ sở thương mại thường có tại các thư viện địa phương.
 - Các mẫu việc làm cũ của mình (nếu thích hợp)
 - Tên và chức vụ của người phỏng vấn mình
 - Tập dựng hồ sơ, tài liệu mình muốn mang theo.

ĐẾN DỰ PHÒNG VẤN

- Đến trước vài phút để có đủ thì giờ tập trung tư tưởng và xem lại diện mạo, quần áo của mình.
- Tự giới thiệu mình với tiếp viên. Cho biết tên mình, giờ hẹn và tên người phỏng vấn mình nếu biết họ là ai.
- Khi được gọi vào, hãy chào người phỏng vấn và tự giới thiệu mình.
- Sẵn sàng bắt tay.
- Vào văn phòng người phỏng vấn và ngồi vào ghế dành riêng. Hãy chuẩn bị tư tưởng là có thể có nhiều người phỏng vấn mình.

NHỮNG CÂU BẠN CÓ THỂ BỊ HỎI

- Những câu hỏi về lý lịch cá nhân:
 - * Trả lời ngắn gọn những câu hỏi trực tiếp.
 - * Đừng tự nói ra những chi tiết không hay.
- Những câu hỏi về ưu điểm của bạn:
 - * Mô tả những khả năng hay kinh nghiệm thích hợp.
 - * Mô tả bất cứ ưu điểm nào thích hợp.
 - * Chú trọng vào những thành tựu, nhưng đừng nói quá đáng hay so sánh mình với người khác.
- Những câu hỏi về áp lực của công việc:
 - * Cho thấy khả năng làm việc dưới áp lực của mình.
 - * Cho thí dụ về các khả năng này trong các công việc mình đã làm được trước kỳ hạn.

* Mô tả cách mình đương đầu với áp lực.

* Bày tỏ ý sẵn sàng làm việc dưới áp lực công việc (nếu biết mình có thể làm được)

* Mô tả những điểm hay của công việc nhưng không nói tới mức lương.

- **Những câu hỏi về học lực và kinh nghiệm liên hệ:**

* Mô tả học lực và kinh nghiệm liên hệ của mình.

* Liên hệ học lực và kinh nghiệm của mình với công việc đang xin.



- **Những câu hỏi về dự định và mục đích tương lai - cho thấy chức vụ thích hợp với mục đích nghề nghiệp của mình:**

* Cho thấy công việc sẽ thích hợp với chương trình học vấn của mình như thế nào và ngược lại (nếu bạn đang học).

* Cho thấy sự quan tâm muốn học hỏi kinh nghiệm của mình.

- **Những câu hỏi về trở ngại sức khỏe hay phế tật:**

* Nếu không có vấn đề gì, nói rõ mình có sức khỏe tốt.

* Cho thấy các khó khăn của mình (nếu có).

* Nói rõ những cố gắng đã thực hiện để vượt qua các khó khăn này.

* Nếu bạn có một phế tật nào, cho biết đã tiến bộ ra sao.

* Chứng minh rằng phế tật đó không có ảnh hưởng gì đến việc làm của mình.

KHI ĐƯỢC HỎI LÀ CÓ CÂU HỎI GÌ KHÔNG

- **Hỏi các câu liên quan đến công việc hay khóa học:**

* Hỏi xem khi nào có quyết định về việc tuyển dụng và mình sẽ được thông báo như thế nào.

* Hỏi về điều kiện làm việc, giờ giấc, v.v...

- **Đừng hỏi các câu về lương bổng lợi nhuận, trừ những câu tổng quát như:**

* Thời gian trả lương (hàng tuần, nửa tháng hay mỗi tháng)

* Hưu bổng có bắt buộc không?

KẾT THÚC CUỘC PHÒNG VẤN

Thường bạn sẽ được hỏi có muốn nói thêm gì không.

- Hãy cảm ơn được gọi đến phỏng vấn.

- Hãy cho biết mình rất thích công việc.

- Tóm lược lại văn bằng của mình.

- Hãy cho biết mình rất muốn được biết kết quả cuộc phỏng vấn.
- Đề nghị ban phỏng vấn liên lạc với các người giới thiệu của mình.
- Chờ ban phỏng vấn kết thúc cuộc đối thoại.

QUYỀN HẠN CỦA BẠN TRONG CUỘC PHỎNG VẤN

- Bạn không thể bị hỏi những câu về cá nhân hay đời tư nếu những câu này không liên hệ đến khả năng làm việc.
- Người phỏng vấn không có quyền có cử chỉ lỗ mắng với người khác phái.
- Bạn chỉ được phỏng vấn về công việc mình ứng tuyển. Ban phỏng vấn không thể trả lời là công việc bạn xin đã không còn nữa và muốn phỏng vấn bạn cho một chức vụ khác.

SAU CUỘC PHỎNG VẤN

Xem xét lại cách trình bày của mình trong cuộc phỏng vấn. Xác định những vấn đề nào mình trả lời được và những vấn đề nào trả lời còn kém. Nhờ vậy, bạn có thể tự rút kinh nghiệm cho các lần phỏng vấn tới.

Nếu bạn không thành công lần đó, có thể nên hỏi người phỏng vấn góp ý về những ưu, khuyết điểm của bạn trong cuộc phỏng vấn vừa qua. Nếu nhận được những lời nhận xét trung thực, hãy viết thư cảm ơn công ty hay người phỏng vấn và cho biết sự quan tâm của bạn với chức vụ tương tự trong tương lai khi có chỗ trống.

Nếu bạn được nhận vào chức vụ ứng tuyển, phải hỏi rõ điều kiện làm việc. Chẳng hạn, bạn phải biết là chức vụ mình được bổ dụng là thường trực, tạm thời, bất thường hay khế ước và có đòi hỏi một thời gian tập sự hay không.

13. Từng nhóm 5 học sinh thay phiên nhau tập phỏng vấn một người đang xin việc làm. Sau đây là một số câu hỏi gợi ý:

A : *Xin cho biết về lý lịch cá nhân của bạn.*

B :

A : *Bạn đã có những kinh nghiệm làm việc gì trước đây?*

B :

A : *Tại sao bạn chọn công việc này?*

B :

A : *Hãy kể một trường hợp khó khăn trong việc làm mà bạn đã giải quyết được.*

B :

A : *Bạn có ưu điểm gì?*

B :

A : *Bạn có điểm yếu gì?*

B :

14. Viết chính tả bài sau đây:

HỘI ĐỒNG AN TOÀN LAO ĐỘNG

Sự an toàn lao động và sức khỏe của công nhân là trách nhiệm căn bản của chủ hãng. Nếu quý vị lo lắng về sự an toàn của mình ở nơi làm việc, quý vị có thể báo cho cấp chỉ huy trực tiếp hay chính chủ của quý vị.

Nhiều công nhân không muốn trình bày những vấn đề này với cấp chỉ huy trực tiếp. Họ sợ có thể bị mất việc hay họ nghĩ rằng cấp chỉ huy sẽ không nghe họ mà thực hiện bất cứ điều gì. Vì thế họ thường chịu đựng những điều kiện lao động không an toàn ở nơi làm việc. Họ điều khiển máy móc bị hư hay dùng những hóa chất theo một phương pháp có thể bị nguy hiểm.

Hội đồng an toàn lao động có thể giúp quý vị trong các vấn đề này. Hội đồng hoạt động ở nơi làm việc giúp công nhân trình lên chủ hãng các vấn đề liên quan đến sự an toàn và sức khỏe của họ để chủ hãng giải quyết. Một hội đồng căn bản gồm có 8 thành viên. Phần nửa thành viên do công nhân bầu, phần còn lại do chủ nhân đề cử.

Đại diện công nhân trong hội đồng nên gồm nhiều nhóm khác nhau trong hãng xưởng nếu có thể được. Ví dụ nếu hãng có công nhân lao động, công nhân lành nghề, nhân viên văn phòng hay công nhân làm theo ca..., đại diện từng nhóm nên có mặt trong hội đồng.

Hội đồng an toàn lao động có nhiệm vụ giúp quý vị giải quyết bất cứ vấn đề gì về an toàn lao động và sức khỏe.



Bài này nhằm giúp học sinh hiểu rõ mục tiêu, phương thức và giá trị của 8 bài làm bắt buộc. Những vấn đề này phần lớn dựa vào giáo trình VCE (Victoria Certificate of Education) ở Victoria và NAFLaSSL (National Assessment Framework for Languages at Senior Secondary Level) áp dụng chung cho các tiểu bang.

A. ĐỂ HIỂU BÀI LÀM BẮT BUỘC (*Understanding Work Requirements*)**A1. Tại sao phải làm bài bắt buộc?**

Ở hai năm cuối bậc trung học, gồm lớp 11 và 12, học sinh học theo tín chỉ. Hoàn tất mỗi một tín chỉ được tính vào kết quả để được cấp bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (tú tài).

Ở lớp 11, môn tiếng Việt có 2 tín chỉ: tín chỉ 1 và 2 (Units 1 and 2). Muốn hoàn tất một tín chỉ tiếng Việt, học sinh phải làm và đậu 4 bài làm bắt buộc. Như vậy, ở lớp 11, học sinh phải hoàn tất 8 bài làm bắt buộc và với kết quả tốt (S = Satisfactory), học sinh sẽ được 2 tín chỉ đậu trong chương trình tốt nghiệp Trung học. Nếu những bài làm không được hoàn tất đầy đủ, học sinh sẽ nhận kết quả N (Non-Satisfactory). Trường hợp một trong 4 bài làm bắt buộc của một tín chỉ không đạt kết quả S, học sinh sẽ được coi như không đậu nguyên cả tín chỉ đó.

A2. Bài làm bắt buộc là gì?

Bài làm bắt buộc (Work Requirements) là những hoạt động dùng tiếng Việt trong khi học liên quan đến các đề tài (topic) học trong năm. Những hoạt động dùng tiếng Việt khi nói (speaking) như đàm thoại (conversation), phỏng vấn (interview), kể chuyện (story telling), hoặc viết (writing) như viết nhật ký (diary), viết thư (letter) v.v...

Như vậy, những bài làm trong lớp của học sinh sẽ được các em chọn để được đánh giá. Những bài làm bắt buộc này thay cho việc thi cuối học kỳ hay thi cuối năm như trong chương trình cũ.

B. CÁC LOẠI BÀI LÀM BẮT BUỘC TRONG TÍN CHỈ 1 (*Unit 1*)

Trong tín chỉ 1 có 4 bài làm bắt buộc:

B1. Bài làm bắt buộc 1 (*Speaking to inform*)

Bài làm bắt buộc 1 trong tin chỉ 1 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng đàm thoại về các đề tài tổng quát. Việc đàm thoại nhằm trao đổi tin tức, ý kiến và đồng thời tạo sự liên hệ với người đối đáp. Cuộc đàm thoại sẽ kéo dài khoảng 2 phút.

Muốn đạt được kết quả tốt, học sinh cần phải:

- bắt đầu, duy trì và kết thúc cuộc đàm thoại một cách thích hợp.
- biết liên kết với ý kiến của người đối đáp.
- chúng tỏ biết sử dụng từ, câu và cách thức thích hợp với cuộc đàm thoại.
- trong khi đàm thoại, phải phản ánh tính cách văn hoá Việt Nam trong ngôn ngữ cũng như trong cử chỉ, điệu bộ.

Ví dụ: Hai học sinh làm bài tập 3, trang 2 trong sách *Tiếng Việt Hiện Đại 3*.

Bài làm: Dựa vào các câu hỏi gợi ý, hai học sinh đàm thoại về đề tài "Ăn uống điều độ" sau đây:

Ăn uống điều độ

Ăn uống cần phải điều độ. Ăn nhiều có thể bị bội thực. Uống rượu nhiều hại cho sức khoẻ và không có gì xấu bằng sự say rượu. Những bữa cơm sang trọng với những món ăn đắt tiền hay các bữa tiệc thịnh soạn dễ làm mệt bao tử.

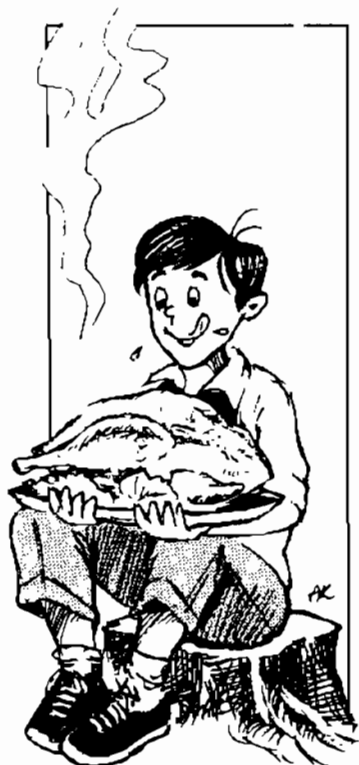
Trong các bữa tiệc, chủ nhà thường hiếu khách mời chúng ta ăn uống thật nhiều. Tuy nhiên, chúng ta nên ăn ít những thức ăn khó tiêu và uống ít rượu.

Trong các bữa cơm hàng ngày, chúng ta nên ăn uống có chừng mực và nhất là nên ăn đó ăn để tiêu. Khi ăn, chúng ta cần nhai kỹ thức ăn. Ăn uống điều độ, nhai kỹ đều tránh cho ta nguy cơ bị đau bao tử. Thức ăn cũng cần phải được nấu chín để tránh vi trùng xâm nhập vào cơ thể.

Câu tục ngữ: "Ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn" ngụ ý khuyên chúng ta nên ăn uống điều độ để sống và làm việc.

Việc ăn uống cũng cần phải được giữ vệ sinh sạch sẽ. Chúng ta cần phải rửa tay trước khi ăn cơm. Chén bát muỗng đũa phải được rửa sạch sẽ mới dùng để ăn được.

Những người tham ăn hay ăn uống thất thường hay bị đau ốm. Người ta hay nói "Tham thực cực thân" quả là có lý do.



Câu hỏi:

a. Ăn nhiều có hại không?

.....

b. Uống rượu nhiều có hại gì?

.....

c. Thế nào là ăn uống điều độ?

.....

d. Làm thế nào để tránh bị đau bao tử?

.....

e. Câu "Tham thực cực thân" đúng hay sai? Tại sao?

.....

B2. Bài làm bắt buộc 2 (Focussing on performance)

Bài làm bắt buộc 2 trong tin chỉ 1 nhằm giúp học sinh trình bày một mình trong khoảng 1 phút để thể hiện ý nghĩa của bản văn tiếng Việt.

Muốn đạt được mục tiêu bài làm này, học sinh nên đọc một bản thông báo, giới thiệu một chương trình phát thanh hay truyền hình hoặc hát một bài hát.

Trong khi trình bày, học sinh phải diễn tả đúng phát âm, âm điệu của từng câu, từng đoạn và dùng cử chỉ và điệu bộ thích hợp.

Ví dụ: Đọc lá thư của một người chị gửi cho người em ruột (Xem bài tập 13, trang 9, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*).

Bài làm: Đọc một trong hai mẫu quảng cáo tuyển dụng dưới đây:

**CẦN TUYỂN THƯ KÝ
CHO VĂN PHÒNG LUẬT SƯ**

Văn phòng Luật sư có rất đông khách hàng người Việt cần tuyển dụng một thư ký. Ứng viên phải thông thạo Anh và Việt ngữ, và phải có trình độ từ lớp 10 Trung học trở lên (Nếu đã học qua một lớp thư ký càng tốt) Bắt đầu công việc ngay

Đơn viết tay xin gửi về:
Văn phòng Luật sư Bình Minh
150 Hopkins Street
Footscray, VIC 3011

Hạn chót nộp đơn: 14/8/1994

**CẦN NHÂN VIÊN
GIỮ SỔ SÁCH / KẾ TOÁN**

Công ty xây dựng ở vùng Werribee cần tuyển một ứng viên để huấn luyện làm phụ tá trong việc giữ sổ sách và trả lương tại Công ty.

Ứng viên cần phải có khả năng giao tiếp, ăn nói lưu loát, biết đánh máy và có chút ít hiểu biết về program Lotus 1 2 3.

Đơn viết tay xin gửi về:
Southern Stars Co.
337 Frankston Street
Werribee, VIC 3030

Hạn chót nộp đơn: 25/11/1994

B3. Bài làm bắt buộc 3 (Writing)

Bài làm bắt buộc 3 trong tín chỉ 1 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng viết các thể loại kinh nghiệm cá nhân và tưởng tượng.

Muốn đạt được mục tiêu bài này, học sinh phải viết 2 bài: một bài về kinh nghiệm cá nhân và một bài về tưởng tượng. Hai bài này phải thuộc 2 thể loại khác nhau và được viết về hai đề tài khác nhau. Một bài sẽ được viết tay và bài kia sẽ được đánh máy. Hai bài này phải có bối cảnh, mục tiêu và khán giả khác nhau.

Các bài viết này cần chứng tỏ các yếu tố sau đây:

- phải đi sát với đề tài.
- có thể loại và dàn bài thích hợp.
- dùng nhiều và chính xác các từ và câu.
- diễn đạt rõ ràng, dùng đúng ngữ pháp.
- thích hợp với hoàn cảnh, mục tiêu và khán giả.

Vi dụ: Tả một lễ cưới mà em đã được tham dự tại Úc (Xem bài tập 13, trang 28, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*).

Bài làm: Viết một lá thư xin việc theo một trong hai mẫu quảng cáo vừa đọc ở trên.

B4. Bài làm bắt buộc 4 (Reorganising information)

Bài làm bắt buộc 4 trong tín chỉ 1 nhằm giúp học sinh hiểu và biết dùng các thông tin, dữ kiện được cung cấp để viết một thể loại khác.

Để đạt được mục tiêu của bài này, học sinh cần phối trí các thông tin, dữ kiện được cung cấp để viết một bài văn khác thể loại với các thể loại vừa được cung cấp. Ví dụ như chuyển một bài kể chuyện thành bài đàm thoại, một bản tường trình thành bản tóm tắt với các điểm chính v.v...

Bài viết cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- bao gồm những điểm chính đã được cung cấp.
- có hình thức thích hợp.
- chứng tỏ có khả năng dùng tiếng Việt trong giao tiếp.
- thích hợp với hoạt động đặc biệt.

Vi dụ: Nghe và ghi lại những điểm chính trong bài tập số 4, trang 56 và đọc bài tập 7, trang 61, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*, viết một bản tường trình về những tôn giáo lớn ở Việt Nam cho một nhóm học sinh người Úc.

Bài làm:

- Nghe bài "Việc ăn uống của người Việt Nam" (trang 87, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*) và ghi lại 5 điểm chính.

- Viết một lá thư cho một người bạn Úc nói về việc ăn uống của người Việt Nam.

C. CÁC BÀI LÀM BẮT BUỘC TRONG TÍN CHỈ 2 (Unit 2)

Trong tín chỉ 2 có 4 bài làm bắt buộc:

C1. Bài làm bắt buộc 1 (*Speaking to inform: Interview*)

Bài làm bắt buộc 1 trong tín chỉ 2 nhằm giúp học sinh phát triển khả năng nói, diễn tả, diễn dịch những thông tin, ý kiến v.v...

Muốn đạt được mục tiêu của bài làm này, học sinh phải tham dự vào một cuộc phỏng vấn mà cả người hỏi lẫn người trả lời phải nói trong khoảng 2 phút. Học sinh phải tự đóng vai trò đặc biệt trong cuộc phỏng vấn.

Trong khi phỏng vấn, học sinh nên:

- đưa ra những thông tin hoặc trả lời một cách tóm tắt.
- phối hợp hoặc trả lời những câu hỏi và ý kiến một cách thoả đáng.
- dùng chính xác từ và câu.
- thể hiện đặc điểm văn hoá Việt Nam và sự liên hệ với người phỏng vấn.

Ví dụ: làm bài tập 8, trang 72, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*.

Bài làm: Làm bài tập 12, trang 75, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*.

C2. Bài làm bắt buộc 2 (*Focussing on performance: dramatised reading or story telling*)

Bài làm bắt buộc 2 trong tín chỉ 2 nhằm giúp học sinh trình bày, diễn đạt ý nghĩa tiếng Việt được dùng qua hình thức nói.

Muốn đạt được mục tiêu bài làm này, học sinh đọc diễn cảm một bài văn hoặc kể một câu chuyện trong khoảng 2 phút.

Trong khi đọc hoặc kể diễn đạt, học sinh phải diễn tả ý nghĩa, đặc tính của bài văn hoặc câu chuyện bằng cách:

- đọc, phát âm thích hợp.
- diễn tả âm điệu chính xác.
- ngắt đoạn hoặc câu thích hợp.
- dùng điệu bộ, cử chỉ diễn tả thích hợp.

Ví dụ: Dùng bài đàm thoại 1, trang 97, *Tiếng Việt Hiện Đại 3* để gợi ý, kể lại câu chuyện một người bạn bị tai nạn vì lái xe trong khi say rượu.

Bài làm: Kể lại câu chuyện "Món lười heo" sau đây:

MÓN LƯỜI HEO

Ngày xưa có một ông chủ nuôi được người đày tớ rất khôn ngoan.

Một hôm, ông chủ dặn người đày tớ: "Chú xem có món gì tốt thì dọn cho ta nhắm rượu nhé!". Bữa ấy, người chủ được thưởng thức các món ăn toàn là lười heo cả.

Ông ta lấy làm lạ, nhưng muốn thử xem sao, bèn bảo người đầy tớ: "Ngày mai, chú xem có món gì xoàng nhất thì dọn cho ta nhé!". Hôm sau, người chủ lại ngạc nhiên vô cùng vì thấy mâm cơm cũng chỉ có toàn các món lười heo.

Không đợi chủ hỏi, người đầy tớ giải thích: "Ông chủ nghĩ xem, ở trên đời này còn gì tốt hơn và còn gì tồi hơn cái lười? Do cái lười, người ta nói lên những lời đạo đức và cũng do cái lười, người ta có thể đổi trắng thay đen để hại người!".

(theo Thế Hào)



C3. Bài làm bắt buộc 3 (Writing: Informative writing)

Bài làm bắt buộc 3 trong tin chỉ 2 nhằm giúp học sinh viết 2 bài văn có tính thông báo tin tức, dữ kiện theo 2 thể loại khác nhau về 2 đề tài khác nhau. Một bài sẽ được viết tay và một bài sẽ được đánh máy.

Hai bài viết phải nêu rõ tình huống, mục tiêu và khán giả khác nhau. Ngoài ra, hai bài này cũng phải chú trọng đến các yếu tố sau đây:

- nội dung phải thích hợp với đề tài.
- thể loại và hình thức phải thích hợp.
- dùng nhiều từ ngữ và câu chính xác.
- diễn tả rõ ràng, dùng đúng ngữ pháp.
- thích hợp với tình huống, mục tiêu và khán giả.

Ví dụ: Làm bài tập 9, trang 103, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*.

Bài làm: Viết một bản hướng dẫn cách tìm việc cho một người bạn mới từ Việt Nam qua (Xem bài đọc 3, trang 114, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*).

C4. Bài làm bắt buộc 4 (Reorganising information: Using information heard and read)

Bài làm bắt buộc 4 trong tin chỉ 2 nhằm giúp học sinh nghe, hiểu và phối hợp các thông tin trong bài nghe và đọc để viết một bài văn theo thể loại khác với 2 thể loại vừa nghe và đọc.

Muốn đạt được mục tiêu của bài này, học sinh phải ghi lại những điểm vừa nghe theo một số điều hướng dẫn và kết hợp với những điểm trong bài đọc để viết thành một bài văn theo một thể loại khác.

Việc phối hợp các thông tin trong bài viết cần phải:

- bao gồm các điểm chính trong các tài liệu được cung cấp.
- kết hợp thích ứng với thể loại văn.

- chứng tỏ được khả năng sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp.
- thích hợp với hoạt động đặc biệt dùng tiếng Việt.

Ví dụ: Làm bài tập 3, 9 và 15 trang 83, 87 và 91, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*.

Bài làm:

- Nghe bài "Bữa ăn của người Việt" (trang 85, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*).
- Đọc bài "Việc ăn uống của người Việt" (trang 87, *Tiếng Việt Hiện Đại 3*).
- Viết một bài báo ngắn cho báo lớp về việc ăn uống của người Việt.

Trên đây là những giải thích và ví dụ của 8 bài làm bắt buộc trong tín chỉ 1 và 2 ở lớp 11. Kết quả đậu (S) hay không đậu (N) của hai tín chỉ này sẽ được tính vào một phần trong các tín chỉ để đậu bằng tốt nghiệp phổ thông VCE (Victoria), HSC (New South Wales) hoặc SACE (South Australia).



• Miền quê

REFERENCES

TEXTS

- BUU K. - *Learning Vietnamese, A Guide to Pronunciation*,
Melbourne: Vietnamese Language and Culture Publication,
1990.
- HUYNH S.T. - *Spoken Vietnamese*,
New York: Spoken Language Services Inc, 1979.
- NGUYEN Đ.H. - *Colloquial Vietnamese*,
Illinois, USA: Illinois University Press, 1974.
- PHAN V.G. - *Functional Vietnamese*,
Melbourne, Centre for Asia-Pacific Studies,
Victoria University of Technology, 1992.
- *Vietnamese for Beginners 1*,
Melbourne, Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1990.
- *Vietnamese for Beginners 2*,
Melbourne, Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1993.
- *Modern Vietnamese - Stage 1*,
Melbourne, Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1993.
- *Modern Vietnamese - Stage 2*,
Melbourne, Centre for Asia-Pacific Studies, VUT, 1994.
- TRAN D.B. - *Easy Vietnamese for You*,
Saigon: Trung Tin, 1963.
- VIETNAMESE DEPARTMENT - *Tiếng Việt Thực Hành*,
Hanoi: Vietnamese Department, Hanoi University, 1980.
- VUONG G.T. - *Vietnamese in a Nutshell*,
Montclair, USA: Institute for Language Study, 1975.

GRAMMAR BOOKS

- BUU K. - *A formalized Syntax of Vietnam*,
Washington DC: University Microfilms International, 1972.
- BUI D.T. - *Văn Phạm Việt Nam*,
Vietnam: Khai Trí, 1972.
- BUI V. B. - *Luyện Tập Quốc Văn*,
Canada: Quê Hương, 1987.
- CLARK M. - *Coverbs and Case in Vietnamese*,
Canberra: Pacific Linguistics,
The Australian National University, 1978.

- DUONG T.B. - *A Tagmemic Comparison of The Structure of English and Vietnamese Sentences*, The Hyne: Mouton, 1971.
- DIEP Q.B. - *Ngữ Pháp Tiếng Việt*, Vietnam: NXB Đại Học và Giáo Dục Chuyên Nghiệp, 1989.
- DOAN Q.S. & DOAN V.B. - *Lược Khảo về Ngữ Pháp Việt Nam*, Vietnam: Trường Sư Phạm Saigon, 1970.
- LE V.L. - *Sơ Thảo Ngữ Pháp Việt Nam*, Vietnam: Bộ Giáo Dục, 1968.
- NGUYEN T.C. - *Ngữ Pháp Tiếng Việt*, Vietnam: NXB Đại Học và Giáo Dục Chuyên Nghiệp, 1981.
- NGUYEN D.L. - *Vietnamese Grammar, A Combined Tagmemic and Transformational Approach*, Canberra: Pacific Linguistics, The Australian National University, 1975.
- THOMPSON H.C. - *A Vietnamese Grammar*, Hawaii: University of Hawaii Press, 1985.
- TRUONG V.C. & NGUYEN H.L. - *Khảo Luận về Ngữ Pháp Việt Nam*, Vietnam: Đại học Huế, 1963.

BOOKS ON VIETNAMESE CULTURE

- Huynh D.T. - *Introduction to Vietnamese culture*, USA: Multifunction Resource Centre, San Diego State University, 1987.
- NGUYEN D.H. - *Some Aspects of Vietnamese Culture*, Illinois, USA: Centre for Vietnamese Culture Studies, Illinois University, 1976.
- PHAM K.V. - *The Vietnamese Culture*, USA: The Pham Kim Vinh Research Institute, 1990.
- BRICK J. & LOUIE G. - *Language and Culture: Vietnam*, NSW: AMES, 1984.
- DEPARTMENT OF EDUCATION & YOUTH AFFAIRS - *Cultural Background Paper: Vietnam*, Canberra: Australian Government Publishing Service, 1983.

DICTIONARIES

- LE B.K. - *Vietnamese-English Dictionary*, USA: Zien Hong, 1987.
- NGUYEN D.H. - *Vietnamese-English Dictionary* Tokyo: Chances E. Tuttle, 1966.
- PARNWELL E.C. & TRAN T.H. - *The New Oxford Picture Dictionary (English-Vietnamese)*, England: Oxford University Press, 1989.

• Phan Văn Giưỡng

Chịu trách nhiệm xuất bản :

ĐỖ THỊ PHẤN

Chịu trách nhiệm nội dung

TRÚC PHƯƠNG

Biên tập

ĐÌNH VIỆT PHỤNG

Sửa bản in:

TÂM MINH

Thiết kế bìa:

HỒNG SƠN

Đơn vị liên kết : CTY TNHH VĂN HÓA THIÊN LỘC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN

90 Kỳ Con, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

ĐT : (848) 8 216 009 - 9 142 419 Fax : (848) 9 142 890

E-mail : nxbsaigon@vnn.vn - bientapvhsg@yahoo.com

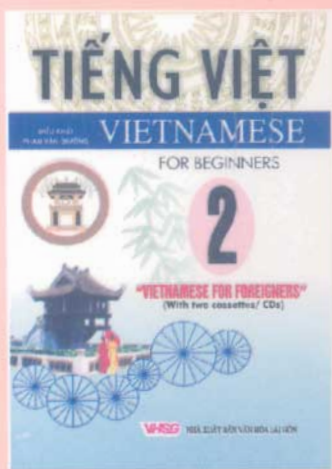
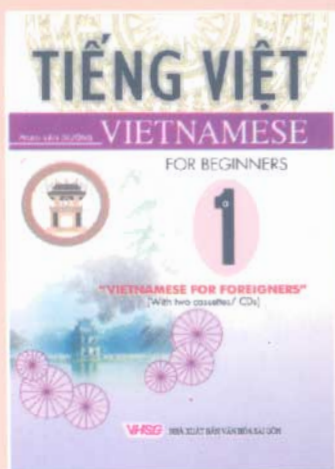
In 1000 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Xưởng in Ban Tư Tưởng Văn Hóa

Thành Ủy TP. HCM - số 18 Nguyễn Lâm - Q.10 - TP.HCM.

Số ĐKKHXB : 65 - 2009/CXB/192-01/VHSG Cục Xuất Bản ký ngày 21/01/2009

In xong và nộp lưu chiểu Tháng 07/2009.

Vietnamese for Beginners



Vietnamese for Intermediate



Nhà sách AN DƯƠNG VƯƠNG
286A An Dương Vương, P.4, Q.5, Tp.HCM
ĐT: 3.8351939 - 3.8351194 - Fax: 3.8308216

Giá: 66.000 VND (Kèm 2 CDs)

